



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



2023

MỤC LỤC

THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

04

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

05

I ĐA DẠNG HÓA CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XU THẾ PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

06

1. Về Chúng tôi 8
2. Quá trình Hình thành phát triển 8
3. Ngành nghề kinh doanh 12
4. Các Nhà máy điện chủ chốt 14

II CÙNG CỐ NỘI LỰC - LINH HOẠT CHUYỂN MÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

16

1. ESG - Xu hướng tất yếu của Doanh nghiệp 18
2. ESG tại GHC 20
3. Áp dụng tiêu chuẩn GRI trong phân tích và đánh giá các Bên liên quan 23
4. Hiệu quả Kinh tế 30
5. Môi trường sống xanh 40
6. Xã hội bình đẳng 50
7. Thực hành E&S 58

III ĐIỀU HÀNH CHUYÊN NGHIỆP - VẬN HÀNH TỐI ƯU AM HIỂU THỊ TRƯỜNG - VỮNG VÀNG HỘI NHẬP

62

1. Định hướng Điều hành 64
2. Bộ máy Điều hành 68
3. Mô hình Kinh doanh 70
4. Kỷ nguyên Công nghệ 72
5. Con người và Văn hóa Doanh nghiệp 74
6. Thương tôn Pháp luật 84
7. Chiến lược phát triển 88

IV QUẢN TRỊ TRÁCH NHIỆM - BỀN BỈ KIẾN TẠO GIÁ TĂNG GIÁ TRỊ - HOẠCH ĐỊNH TƯƠNG LAI

94

1. Bộ máy Quản trị 96
2. Mô hình và Nguyên tắc Quản trị công ty tại GHC 98
3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị 100
4. Quản trị độc lập 106
5. Ủy ban kiểm toán 108
6. Mô hình Quản trị Rủi ro 112
7. Quan hệ Nhà đầu tư và Thị trường vốn 116
8. Cơ cấu Cổ đông 118
9. Hoạt động Tài chính năm 2023 120

V CỘNG HƯỞNG LỢI ÍCH - CÂN BẰNG NỘI LỰC TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

124

1. Tài chính - Tăng trưởng và An toàn 126
2. Báo cáo Tài chính kiểm toán Năm 2023 130

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

An toàn vệ sinh lao động
Báo cáo tài chính
Báo cáo thường niên
Bên liên quan
Biểu giá Điện hỗ trợ
Bộ Công thương
Bổ sung quy hoạch
Cán bộ nhân viên
Công bố thông tin
Cổ đông
Công ty cổ phần
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai
Công ty thành viên
Doanh thu thuần
Dự kiến
Đại hội đồng Cổ đông
Điện Mặt trời
Lợi nhuận trước lãi vay và thuế
Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao
Giám đốc
Hoạt động kinh doanh
Hội đồng Quản trị
Kết quả kinh doanh
Kiểm soát nội bộ
Kiểm toán nội bộ
Lợi nhuận sau thuế
Lợi nhuận trước thuế
Lấy ý kiến Cổ đông
Mua bán và sáp nhập
Môi trường và xã hội
Nhà đầu tư
Ngân hàng Thế giới
Năng lượng tái tạo
Nhà máy
Nhà máy Thủy điện
Nghiên cứu và Phát triển
Phát triển bền vững
Phó Giám đốc
Quy chế ứng xử
Quan hệ Nhà đầu tư
Quản lý rủi ro
Quản trị Công ty
Quản trị Doanh nghiệp
Quản trị rủi ro
Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sản xuất kinh doanh
Trách nhiệm hữu hạn
Tài nguyên thiên nhiên
Thị trường chứng khoán
Tổng tài sản
Thành viên
Ủy ban Chứng khoán
Ủy ban Kiểm toán
Văn bản lập quy
Vận hành & Quản lý
Vốn Chủ sở hữu
Vốn Điều lệ

ATVSLĐ
BCTC
BCTN
BLQ
FIT
BCT
BSQH
CBNV
CBTT
CĐ
CTCP
GEC
GHC
CTTV
DTT
DK
ĐHĐCĐ
ĐMT
EBIT
EBITDA
GĐ
HĐKD
HĐQT
KQKD
KSNB
KTNB
LNST
LNST
LYKCĐ
M&A
MT&XH
NĐT
NHTG
NLTT
NM
NMTĐ
O&M
PTBV
PGĐ
QCUX
QHNDT
QLRR
QTCT
QTDN
QTRR
SGDCK
HNX
SXXD
TNHH
TNTN
TTCK
TTS
TV
UBCK
UBKT
VBLQ
R&D
VCSH
VĐL

THÔNG điệp

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Trên nền tối,
mỗi đốm sáng
sẽ càng nổi bật rực rỡ**

**Trên nền móng phát triển bền vững,
GHC đã vững vàng vượt qua sóng gió
- đón đầu tương lai.**



Có thể nói, năm 2023, kinh tế thế giới thiếu hẳn 3 điều kiện "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", với nhiều khó khăn, thách thức:

Nền kinh tế phục hồi chậm: Năm 2023 bao trùm sắc màu âm ảm lên bức tranh toàn cảnh nền kinh tế toàn cầu bởi các "cơn địa chấn" tài chính từ việc 5 ngân hàng Mỹ và 1 ngân hàng của Thụy Sĩ sụp đổ, tổng cầu suy giảm; lạm phát cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công tăng kỷ lục....

Nỗi đau từ thảm họa thiên nhiên: "Những kỷ lục bị phá vỡ" có lẽ là cụm từ được nhắc đến nhiều nhất khi nói về các hiện tượng thời tiết cực đoan trong năm 2023. Thế giới đã trải qua năm nóng kỷ lục vào năm 2023. Hàng loạt thảm họa sóng nhiệt, lũ lụt, cháy rừng... đã gây ra thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

Căng thẳng địa chính trị, đe dọa kinh tế toàn cầu: Cuộc chiến giữa Ukraine và Nga chưa kết thúc. Năm 2023, lực lượng Hamas bắn tên lửa từ dải Gaza sang Israel, phiến quân Houthi tấn công tàu biển đi qua Biển Đỏ đe dọa chuỗi cung ứng toàn cầu.

Am hiểu, bám sát tình hình, Chính phủ đã luôn đồng hành, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sản xuất.

Những con số biết nói: Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, tiếp tục là điểm sáng của kinh tế toàn cầu. CPI bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát bình quân tăng 4,16%.

Đối ngoại, hội nhập đạt những thành tựu lịch sử: Năm 2023 Việt Nam khởi sắc trong hoạt động đối ngoại, khi tổ chức đón, tiếp thành công chuyến thăm chính thức của nhiều nguyên thủ các nước. Việt Nam đã có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện hoặc đối tác chiến lược với tất cả 05 nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và nhiều nước G20; ký kết và đang triển khai đến 16 hiệp định thương mại tự do, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tích cực mở rộng chính sách tài khóa: Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định, mặt bằng lãi suất giảm. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã giảm liên tục 4 lần lãi suất điều hành với mức giảm 0,5% - 1,5%, đồng thời cũng ban hành nhiều thông tư được đánh giá hỗ trợ rất tích cực tới thị trường.

Cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050, phần đầu giảm nhanh lượng phát thải khí nhà kính đến 43,5% vào năm 2030 và đạt tỉ lệ năng lượng tái tạo hơn 70% vào năm 2050. Có thể thấy, Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ và đang tích cực triển khai các hành động khí hậu, kêu gọi các nước thực hiện các cam kết bằng những hành động cụ thể để đóng góp vào nỗ lực chung của toàn cầu.

Năm 2023 đầy sóng gió với ngành năng lượng, nhưng riêng phân khúc điện, không chỉ duy trì 'dòng chảy' cho phát triển của nhân loại, mà còn đảm nhận cả nhiệm vụ kép trong chuyển dịch năng lượng.

Tính đến cuối năm 2023, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống đạt khoảng 80.555 MW, tăng ~2.800 MW so với năm 2022. Trong đó, tổng công suất các nguồn điện NLTT Điện Gió, Điện Mặt trời là 21.664 MW, chiếm tỷ trọng 26,9%; Thủy điện (bao gồm Thủy điện nhỏ) là 22.872 MW, chiếm tỷ trọng 28,4%; Nhiệt điện Than là 26.757 MW, chiếm tỷ trọng 33,2%; Nhiệt điện Khí 7.160 MW, chiếm tỷ trọng 8,9%. Như vậy, tỷ lệ NLTT (bao gồm Điện Gió, Điện Mặt trời, Thủy điện) chiếm tỷ trọng 55,3% tổng công suất lắp đặt của hệ thống. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng đầu khu vực ASEAN. SL điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống năm 2023 đạt 280,6 tỷ kWh, tăng trưởng 4,56% so với năm 2022.

Trong năm 2023, Chính phủ đã ban hành các Văn bản, Chính sách có tác động trực diện đến Ngành Năng lượng như: **Quyết định số 21/QĐ-BCT**: Quy định mức giá trần cho các Dự án Điện Gió trên biển chuyển tiếp là **1.816 đồng/kWh** (giá giảm 25% so với giá FIT), tạm áp dụng 50% mức giá trần; **Quyết định số 500/QĐ-TTg**: Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch Điện VIII). Bản chi tiết Kế hoạch Quy hoạch Điện VIII đang được rà soát, bổ sung nhiều lần qua nhiều cuộc họp, chưa ban hành chính thức; **Quyết định số 893/QĐ-TTg**: Phê duyệt quy hoạch tổng thể về Năng lượng Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 bao gồm dầu khí, than, điện, Năng lượng mới và tái tạo. Trong đó, lưu ý việc tổ chức, cách thức lựa chọn Nhà đầu tư; **Quyết định 1009/QĐ-TTg**: Phê duyệt đề án triển khai tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi Năng lượng công bằng (Tuyên bố JETP). Mục tiêu tổng quát là thúc đẩy phát triển NLTT, sử dụng Năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; phát triển Ngành Năng lượng hài hoà giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ, thông minh trên cơ sở bảo đảm an ninh Năng lượng Quốc gia và các mục tiêu phát triển, đảm bảo công bằng trong chuyển đổi Năng lượng. Tiếp nhận và sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, quản trị, đào tạo nhân lực, cung cấp tài chính cho việc thực hiện Tuyên bố JETP. Các mục tiêu trọng tâm của Tuyên bố JETP: Cải cách thể chế; Chuyển đổi điện than sang điện sạch; Phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về NLTT gồm Năng lượng mới; Tiết kiệm Năng lượng; Truyền tải, phân phối, giảm phát thải khí nhà kính; Đào tạo, chuyển giao công nghệ, dịch vụ hỗ trợ, sản xuất; Đảm bảo công bằng trong chuyển đổi Năng lượng.

GHC – Hài hòa các loại hình Năng lượng, Thăng hạng kết quả kinh doanh

Cùng với chiến lược "Phát triển đồng bộ các loại hình Năng lượng", GHC đã linh hoạt chuyển mình, đa dạng phát triển các loại hình NLTT từ Thủy điện đến Điện Mặt trời và Điện Gió. Nhờ chuyển mình từ sớm, hình thành hệ sinh thái Doanh thu đồng bộ nhiều loại hình Năng lượng, GHC đã điều tiết được hoạt động sản xuất kinh doanh thích nghi cực tốt dù vĩ mô bất lợi. Có thể thấy, cơ cấu đa dạng loại hình năng lượng đã tối ưu hiệu quả năng lực sản xuất, tận dụng tối đa mọi nguồn lực, điều này được chứng minh rõ ràng bằng những con số biết nói - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của GHC ngày càng vượt bậc, thăng hạng qua các năm.

Năm 2023 là năm tích cực triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 của GHC với những nỗ lực, quyết tâm không ngừng nghỉ của BLĐ và tập thể CBNV, phần đầu đưa doanh nghiệp phát triển ổn định, đạt được mục tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Kết quả kinh doanh năm 2023: Tổng Doanh thu (DT) đạt 360 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 175 tỷ đồng, lần lượt đạt 112% và 165% so với kế hoạch (KH) đã được ĐHQĐ phê duyệt và tương ứng 94% và 97% so với Tổng DT và LNTT năm 2022.

Bước qua năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng vận hành của các Nhà máy hiện hành, tập trung tối ưu hóa công tác vận hành, đảm bảo an toàn và liên tục trong sản xuất, khai thác hiệu quả hoạt động. Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá các cơ hội M&A các Dự án điện tiềm năng.

Báo cáo thường niên 2023 sẽ cung cấp đầy đủ thông tin để Nhà đầu tư, Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác ... hiểu được mục tiêu Phát triển bền vững mà GHC đã xây dựng; công tác Quản lý Điều hành chuyên nghiệp; công tác Quản trị chuẩn mực; và cuối cùng là Thông điệp Tài chính - minh chứng thực tế sức khỏe của GHC, khẳng định vị thế là doanh nghiệp hoạt động hiệu quả giữa khó khăn thời đại. Thay mặt ĐHQĐ, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành với Công ty, gửi lời tri ân tới toàn thể CBNV Công ty vì những nỗ lực hết mình đóng góp vào thành quả chung của GHC trong những năm qua và cùng hướng đến thành công mới trong năm 2024.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH ĐHQĐ



NGUYỄN THÁI HÀ





ĐA DẠNG HÓA
CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG
XU THẾ PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

VỀ CHÚNG TÔI

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Tên tiếng Anh:

GIA LAI HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

GHC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, điều chỉnh lần thứ 14 ngày 26/9/2023

 **Vốn điều lệ:**
476.625.000.000 đồng



114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai



0269 3830 013



www.ghc.vn



Mã cổ phiếu: **GHC**



TÂM NHÌN

Đến năm 2030, GHC trở thành Công ty năng lượng tái tạo kiểu mẫu tại Việt Nam



SỨ MỆNH

Phát triển đa dạng các loại hình năng lượng trên cơ sở phát triển bền vững Góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc Gia, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, tiệm cận các quy luật Quốc Tế, khẳng định thương hiệu năng lượng Việt

CT TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai
VĐL 6 tỷ đồng

Chính thức chuyển đổi sang CTCP và đổi tên thành CTCP Thủy điện Gia Lai

NMTĐ H'Mun 16,2MW chính thức vận hành.
Lưu ký CP tại VSD

2002

2006

2008

2009

2010

2011

NMTĐ H'Chan - 12MW chính thức vận hành

Chính thức đăng ký Công ty Đại chúng, VĐL 100 tỷ đồng

Chính thức giao dịch tại UpCom

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
 Điện thoại: 0269 3830013
 Fax: 0269 3830013
 Email: thuydiengl@geccom.vn
 Website: http://ghc.vn

Chi nhánh TTC Bình Thuận

Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Phú, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
 MST: 5900288566-001
 Người liên hệ: Ông Lê Quang Quốc Dũng - GD Chi nhánh
 Email: my.dir@geccom.vn
 Điện thoại: 0165 7777779

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

VĐL 205 tỷ đồng

VĐL 317, 75 tỷ đồng
 Góp vốn DA Điện
 Gió, Đầu tư 3 dự án
 ĐMT Mái nhà

Top 10 doanh nghiệp
 Đại chúng qui mô lớn
 thực hiện tốt công bố
 thông tin và minh bạch
 năm 2021 - 2022

2014

2019

2020

2021

2022

2023

NM ĐMT Hàm Phú 2
 49MWp
 chính thức vận hành

VĐL 476,625 tỷ đồng

Hoàn thành tạm ứng cổ
 tức 25%.
 DT và LNTT 2023 vượt
 mức kế hoạch được
 giao lần lượt DT 327 tỷ,
 LNTT 175 tỷ

CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU

Cơ quan Quản lý niêm yết	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
Cơ quan Quản lý lưu ký	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)
Khách hàng chính	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Kiểm toán độc lập	Công ty TNHH Price Waterhouse Cooper - PwC Việt Nam
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
Tổ chức tín dụng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Techcombank Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV
Công ty chứng khoán	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - SSI Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - VCBS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch
Ông Võ Hoàng Vinh	TV HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	TV HĐQT không điều hành
Ông Mai Văn Định	TV HĐQT kiêm TV UBKT
Ông Lê Thái Bình	TV HĐQT kiêm TV UBKT

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Người đại diện	Phụ trách quản trị Công ty Bà Nguyễn Thanh Nga Phụ trách VPCT	Người phụ trách CBTT - QLCEĐ Bà Nguyễn Thị Diệu Người được UQ CBTT	Đường dây Chính trực Ông Lê Thái Bình TV UBKT
Điện thoại	0269.3830013	0269.2222170	028 3999 8822
Email	ngant@geccom.vn	dieunt@geccom.vn	ia.mgr@geccom.vn
Người đại diện	Phòng Kế toán Ông Nguyễn Tiến Bằng Kế toán trưởng	Phòng Quản lý sản xuất Ông Châu Nguyễn Thành Thái Phó phòng	Phòng Tổng hợp Bà Nguyễn Thị Hồng Vân Trưởng phòng
Điện thoại	0269.3830013	0269 3823 604 - 123	028 3999 8822 - 106
Email	bangnt@geccom.vn	thaint@geccom.vn	hr.mgr@geccom.vn

BAN LÃNH ĐẠO

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Trần Danh Bảo

Giám đốc

Bà Châu Tiểu Phụng

Phó Giám đốc

Ông Lê Quang Quốc Dũng

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Bằng

Kế toán trưởng

STT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp; - Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng thủy lợi - thủy điện</i>	7110
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
3	Cho thuê xe có động cơ	7710
4	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp <i>Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành mía đường</i>	4653
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
8	Vận tải hành khách đường bộ khác <i>Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch.</i>	4932
9	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, lập trình máy vi tính, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, môi giới lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ hỗ trợ giáo dục).</i>	7020
10	Sửa chữa thiết bị điện <i>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)</i>	3314
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, công trình công nghiệp.</i>	4299 (Chính)
13	Sản xuất điện <i>Chi tiết: Sản xuất điện, kinh doanh điện</i>	3511
14	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện</i>	3512
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình cấp, thoát nước <i>(Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi)</i>	4222
18	Xây dựng nhà để ở	4101
19	Xây dựng nhà không để ở	4102

STT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
20	Xây dựng công trình điện	4221
21	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
22	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23	Trồng cây hàng năm khác	0119
24	Trồng cây ăn quả	0121
25	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
26	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
27	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
28	Chăn nuôi gia cầm	0146
29	Chăn nuôi khác	0149
30	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
32	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
33	Trồng cây mía	0114
34	Trồng cây lấy sợi	0116
35	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
36	Trồng cây lâu năm khác	0129
37	Thu gom rác thải không độc hại <i>Chi tiết: Thu gom rác thải không độc hại (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3811
38	Thu gom rác thải độc hại <i>Chi tiết: Thu gom rác thải độc hại (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3812
39	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại <i>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Sản xuất năng lượng tái tạo (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3821
40	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại <i>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Sản xuất năng lượng tái tạo (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3822
41	Tái chế phế liệu <i>Chi tiết: Tái chế phế liệu; Sản xuất năng lượng tái tạo (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3830

CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN CHỦ CHỐT

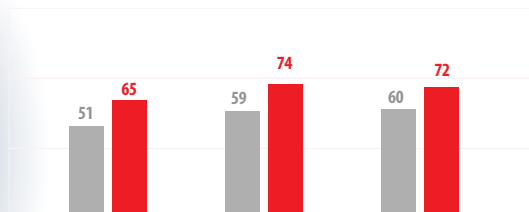


NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TTC H'CHAN

12MW

Năm vận hành 2006
Địa chỉ Xã Đê Ar, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai
Người liên hệ Nguyễn Duy Hoàn
Chức vụ Trạm trưởng Nhà máy
Email hoannd@geccom.vn
Điện thoại 02696577456

Sản lượng doanh thu 2021 - 2023

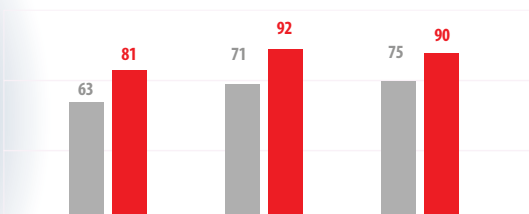


NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TTC H'MUN

16,2MW

Năm vận hành 2010
Địa chỉ Xã Bar Maih, Huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
Người liên hệ Trịnh Xuân Trường
Chức vụ Trạm trưởng Nhà máy
Email truongtx@geccom.vn
Điện thoại 02692240116

Sản lượng doanh thu 2021 - 2023

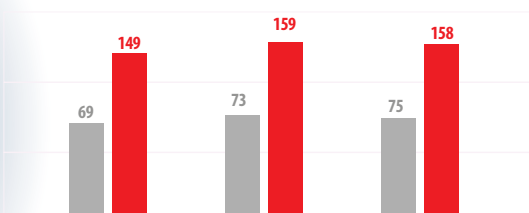


NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI TTC HÀM PHÚ 2

49MWP

Năm vận hành 2019
Địa chỉ Xã Hàm Phú, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.
Người liên hệ Trần Đức Bình
Chức vụ Phó Giám đốc Nhà máy
Email binhtd@geccom.vn
Điện thoại 02523699007

Sản lượng doanh thu 2021 - 2023



Sản lượng (Triệu kWh) Doanh thu (Tỷ đồng)





**CỦNG CỐ NỘI LỰC
LINH HOẠT CHUYỂN MÌNH
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

ESG VÀ MỐI LIÊN HỆ VỚI THỊ TRƯỜNG VỐN

Thay vì các chỉ số tài chính truyền thống, các nhà đầu tư ngày càng coi trọng xu hướng đầu tư dựa trên đánh giá tiêu chí ESG... Các yếu tố ESG được cân nhắc trong quyết định đầu tư, rót vốn cho doanh nghiệp. Hiện có hơn 60 khu vực pháp lý, bao gồm cả các thành viên của G20, yêu cầu hoặc khuyến khích các công ty công bố thông tin ESG cùng với báo cáo tài chính. Theo VinaCapital, tính minh bạch và công khai sẽ nâng cao lợi thế cạnh tranh và củng cố hình ảnh của các doanh nghiệp với tư cách là đối tác đáng tin cậy. ESG sẽ trở thành một phần bắt buộc nếu doanh nghiệp muốn nhận vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài và xuất khẩu sản phẩm của mình sang các quốc gia khác.

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI TỪ THỊ TRƯỜNG VỐN ESG NGHÌN TỶ USD

Theo báo cáo “Cuộc cách mạng quản lý tài sản 2022” của PwC, các công ty quản lý tài sản trên toàn cầu dự kiến sẽ tăng giá trị tài sản liên quan đến ESG của họ lên 33,9 nghìn tỷ USD vào năm 2026, từ 18,4 nghìn tỷ USD vào năm 2021. Với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm dự kiến (CAGR) là 12,9%, tài sản ESG sẽ chiếm 21,5% tổng tài sản quản lý (AuM) của các công ty này.

ESG

XU HƯỚNG TẤT YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

ESG là một Bộ Tiêu chuẩn để đo lường các yếu tố liên quan đến PTBV và ảnh hưởng của Doanh nghiệp đến Môi trường và Cộng đồng. Tiêu chí ESG được xem như là tiêu chí hàng đầu để đánh giá Doanh nghiệp, là giá trị gia tăng để thu hút nguồn vốn giá rẻ của các NĐT tên tuổi trên thế giới, hướng đến sự phát triển trong dài hạn. Trong những năm gần đây, phong trào toàn cầu hướng tới đầu tư tập trung vào ESG diễn ra mạnh mẽ. Việc tích hợp các chỉ tiêu ESG trong hoạt động kinh doanh đã trở nên rất cấp thiết để đảm bảo mục tiêu PTBV

ESG đang là trọng tâm trong chiến lược phát triển của các Quốc gia, hầu hết các lĩnh vực và cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt là thời điểm hiện nay khi các Quốc gia trên Thế giới đang chung tay hành động để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Môi trường

- Biến đổi khí hậu
- Năng lượng
- Tài nguyên thiên nhiên
- Xử lý và tái chế chất thải

Xã hội

- Quyền riêng tư và bảo mật
- Tính đa dạng, công bằng và hoà nhập
- Môi trường làm việc an toàn
- Điều kiện làm việc

Quản trị

- Công bố báo cáo ESG
- Chống hối lộ và tham nhũng
- Sự đa dạng và hoà nhập của HĐQT



Tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc năm 2021 (COP26), Việt Nam đã công bố loạt cam kết về ứng phó với biến đổi khí hậu, bao quát toàn bộ ba khía cạnh của ESG. Thông qua việc đưa ra các chính sách và quy định liên quan, Chính phủ Việt Nam hướng tới khuyến khích các doanh nghiệp đảm nhận vai trò lớn hơn trong việc đạt được mục tiêu cam kết quốc gia với ESG.

THỰC HÀNH ESG TẠI VIỆT NAM

Rút ngắn khoảng cách từ cam kết đến hành động

2020

Việt Nam là một trong 12 quốc gia hoàn thành cập nhật mức đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC) vào ngày 11.9.2020

2030

Giảm phát thải khí nhà kính (Greenhouse Gas)

2030

Chấm dứt nạn phá rừng

2040

Loại bỏ dần nhiệt điện than

2050

Đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (NetZero)

Theo Báo cáo về Mức độ sẵn sàng thực hành ESG tại Việt Nam năm 2022 do PwC Việt Nam và Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) phối hợp thực hiện, 80% doanh nghiệp đã đặt ra cam kết hành động hoặc đang lên kế hoạch thực hành ESG trong 2 đến 4 năm tới.

Có thể thấy ESG đã được quan tâm rộng rãi tại Việt Nam trong những năm gần đây. Điều này phần lớn nhờ sự nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy thực hành các thông lệ liên quan đến ESG...

20%

Không đặt cam kết ESG chưa xác định kế hoạch cụ thể trong 2-4 năm tới

36%

Đang ở giai đoạn lập kế hoạch cho 2-4 năm tới

44%

Đã lập kế hoạch và đưa ra cam kết ESG

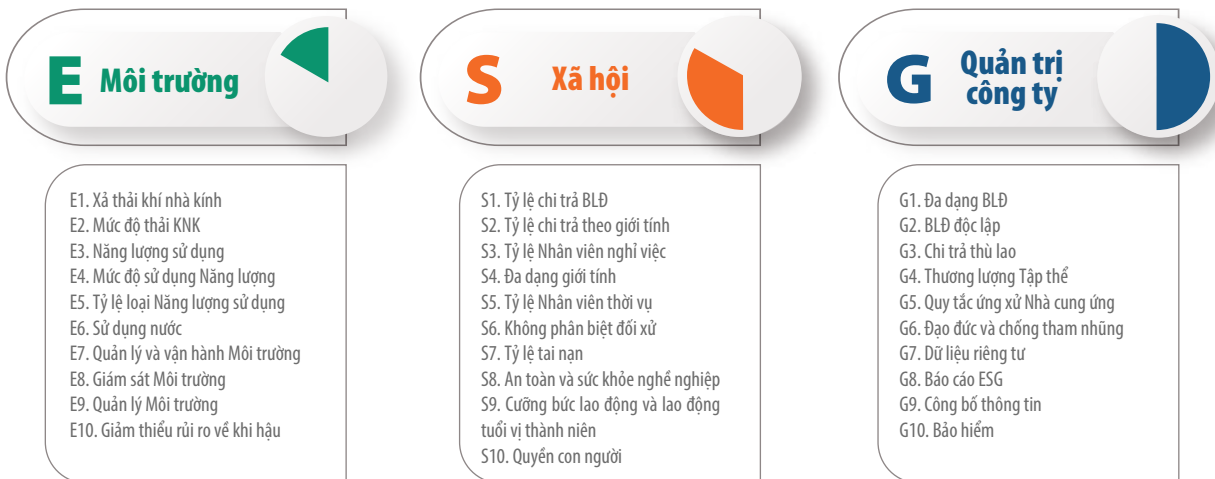
CHI TIẾT CHO LOẠI HÌNH CÔNG TY

	20%	36%	44%
Doanh nghiệp FDI	16%	27%	57%
Công ty niêm yết	7%	58%	35%
Doanh nghiệp tư nhân/ gia đình	31%	35%	40%

Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định kế hoạch phát triển giai đoạn 2021-2030 nhấn mạnh mục tiêu phát triển bền vững là mục tiêu hàng đầu. Những mục tiêu nhằm tăng cường sự PTBV của các Doanh nghiệp ở Việt Nam đang dần được cụ thể hóa bằng các hành động thực hiện. Đối với các công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán tại Việt Nam bắt buộc phải báo cáo ESG. Cụ thể, phải công bố báo cáo ESG hàng năm bao gồm phát thải khí nhà kính, quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, các chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN...



GHC áp dụng ma trận về ESG để Quản trị Điều hành Công ty đảm bảo sự PTBV



Xã hội Môi trường Kinh tế Luật và QTCT

GẮN KẾT CÁC MỤC TIÊU PTBV GHC VỚI MỤC TIÊU PTBV CỦA LHQ, VIỆT NAM VÀ IFC









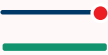


Với sự phát triển của nền kinh tế Thế giới, nhiều thách thức đặt ra với loài người như biến đổi khí hậu, khan hiếm nước, bất bình đẳng và đói nghèo. Tất cả chỉ có thể được giải quyết ở cấp độ toàn cầu và bằng cách thúc đẩy PTBV về Kinh tế gắn liền với Xã hội và Môi trường. PTBV chính là khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không ngừng bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường sống theo hướng tích cực, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa con người, xã hội và tự nhiên vừa thỏa mãn nhu cầu sống của thế hệ hiện tại, nhưng không cản trở các thế hệ tương lai tận hưởng những đặc ân về tài nguyên và môi trường. Nhiều năm qua, thực hiện tốt các Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản trị, Môi trường và Xã hội (ESG) là mục tiêu GHC hướng đến và cũng để nâng cao hơn nữa vị thế của GHC.



Mục tiêu PTBV của GHC 2023	Mục tiêu PTBV LHQ	Mục tiêu PTBV Việt Nam	Tiêu chuẩn IFC	Kết quả GHC đạt được	Tình trạng hiện tại
Thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội là sự cam kết trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế, đồng thời cải thiện chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động và gia đình, cũng như của cộng đồng.	 	<p>- Triển khai trên toàn quốc các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm chính sách sàn an sinh xã hội và đến năm 2030 đạt được diện bao phủ đáng kể cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương.</p> <p>- Đến 2030, chấm dứt tình trạng thiếu đói và đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt những người nghèo và những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả người cao tuổi và trẻ sơ sinh, được tiếp cận với thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm.</p>	Tiêu chuẩn 4: Sức khỏe an toàn và an ninh cộng đồng.	4,5 tỷ VNĐ - Khoản chi cho các hoạt động an sinh xã hội 2019 - 2023	
Đảm bảo sức khỏe cho người lao động và môi trường làm việc an toàn là điều kiện tiên quyết để đạt được tối đa hiệu suất công việc.		<p>Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.</p> <p>- Đến 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất.</p>	Tiêu chuẩn 2: Điều kiện làm việc và lao động.	<p>Đảm bảo chế độ bảo hiểm, phúc lợi, tiền lương</p> <p>03 NM NLTT: Quan trắc môi trường lao động.</p> <p>100% CBNV: Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ.</p>	

Mục tiêu PTBV của GHC 2023	Mục tiêu PTBV LHQ	Mục tiêu PTBV Việt Nam	Tiêu chuẩn IFC	Kết quả GHC đạt được	Tình trạng hiện tại
Nâng cao năng lực của CBNV nhằm đáp ứng nhu cầu chuyên môn, kỹ năng quản lý luôn là điều cần thiết để PTBV cũng như bắt kịp với xu thế.	 <p>4.3, 4.7</p>	Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả những người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy PTBV.	Không áp dụng.	Trong năm 2023, có 26 Chương trình đào tạo được tổ chức (+8% so với 2022) với sự tham gia của 325 lượt học viên. Tổng chi phí gần 127 triệu đồng (tiết giảm 39% so với năm 2022).	
Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, thúc đẩy bình đẳng giới.	 <p>5.5</p>	Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lao động của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội.	Không áp dụng.	<p>100%: Nhân viên nữ quay lại làm việc sau khi nghỉ thai sản.</p> <p>15% lao động nữ</p> <p>28,6% Lao động nữ quản lý</p>	
Đảm bảo điều kiện môi trường làm việc an toàn, vệ sinh sạch sẽ.	 <p>6.1, 6.2, 6.3, 6.4</p>	<ul style="list-style-type: none"> Năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người. Năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người, đặc biệt nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và đối tượng dễ bị tổn thương. Năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn. Năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước, giảm đáng kể số người chịu cảnh khan hiếm nước. Bảo đảm việc khai thác nước không vượt quá ngưỡng giới hạn khai thác đối với các sông, không vượt quá trữ lượng có thể khai thác đối với các tầng chứa nước. 	Tiêu chuẩn 3: Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm.	<p>03: NM NLTT sử dụng nước đạt tiêu chuẩn và có nhà vệ sinh đầy đủ, sử dụng nước dưới đất, nước mặt đúng lưu lượng được cấp phép.</p> <p>4 lần: Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm tại các NM.</p> <p>01 NM Điện Mặt trời: Quan trắc chất lượng nước dưới đất, lắp đồng hồ kiểm soát lưu lượng sử dụng.</p>	

Mục tiêu PTBV của GHC 2023	Mục tiêu PTBV LHQ	Mục tiêu PTBV Việt Nam	Tiêu chuẩn IFC	Kết quả GHC đạt được	Tình trạng hiện tại
Duy trì thực hiện mục tiêu PTBV các NM NLTT.	 7.2	<p>Đến năm 2030, tăng đáng kể tỷ lệ NLTT trong tổng tiêu thụ Năng lượng sơ cấp của Quốc gia.</p>	Không áp dụng.	<p>209 triệu kWh: Điện thương phẩm 2023. 2.016 triệu kWh: Điện thương phẩm 2010-2023. 72 MW vận hành</p>	
Duy trì sự tăng trưởng và PTBV	 8.1, 8.5	<p>Duy trì tăng trưởng GDP bình quân đầu người 4-4,5%/năm và tăng trưởng GDP hàng năm trung bình từ 5-6%.</p> <p>- Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau.</p>	Không áp dụng.	<p>327 tỷ đồng: DTT 2023. 1.499 tỷ đồng: DTT 2019-2023. 175 tỷ đồng: LNTT 2023. 682 tỷ đồng: LNTT 2019-2023. 74: Lao động trực tiếp và gián tiếp 2023. 16,2 triệu đồng/tháng: Thu nhập bình quân 2023</p>	
Nâng cao hiệu quả CNTT.T	 9.c	<p>- Đến năm 2030, đảm bảo phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đến từng địa bàn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đảm bảo 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông.</p> <p>- Đến năm 2030, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và tổng sản phẩm quốc nội của ngành công nghiệp.</p>	Tiêu chuẩn 3: Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm.	<p>03 NM Kết nối dịch vụ Internet.</p>	
Tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho Cộng đồng địa phương xung quanh DA.	 10.1	<p>Đến năm 2030, dẫn đạt được và duy trì tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân Quốc gia.</p>	Tiêu chuẩn 7: Người bản địa	<p>03: NM Thủy điện và Điện Mặt trời tại Gia Lai, Bình Thuận. 74: Lao động địa phương. 500%: Thu nhập của CBNV GHC cao hơn mức lương tối thiểu Vùng tại các khu vực khó khăn. 1: Hướng dẫn về người bản địa.</p>	

Mục tiêu PTBV của GHC 2023	Mục tiêu PTBV LHQ	Mục tiêu PTBV Việt Nam	Tiêu chuẩn IFC	Kết quả GHC đạt được	Tình trạng hiện tại
Bảo tồn Di sản văn hóa trong khu vực DA.	 <p>11.4</p>	Tăng cường bảo vệ và bảo đảm an toàn các di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới và các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận.	Tiêu chuẩn 8: Di sản văn hóa.	01: Hướng dẫn quản lý Di sản văn hóa. 03: DA NLTT đánh giá E&S tiêu chuẩn IFC..	
Bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các loại tài nguyên.	 <p>12.4</p>	Đến năm 2020, đạt quản lý tốt vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo các cam kết Quốc tế đã ký kết, nhằm giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường.	Tiêu chuẩn 3: Tiết kiệm nguồn tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm.	15 tấn: Định kỳ thu gom chất thải nguy hại 2015 - 2023.	
Đảm bảo các tiêu chuẩn toàn cầu về Môi trường.	 <p>13.3</p>	Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Không áp dụng.	02: NM Thủy điện có hệ thống KTTV quan trắc, cảnh báo, dự báo.	
Bảo tồn đa dạng sinh học tại các NM, DA.	  <p>14.2, 15.1</p>	- Đến năm 2030, tăng cường quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo để tránh các tác động tiêu cực, tăng cường sức khỏe và khả năng chống chịu cho đại Dương. - Đến năm 2030, đảm bảo sự bảo tồn, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái đất ngập nước quan trọng, các dịch vụ hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng và đất khô hạn theo các quy định Quốc tế.	Tiêu chuẩn 1: Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến MT&XH. Tiêu chuẩn 6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn TNTN bền vững.	01: NM Thủy điện H'Chan, H'Mun đánh giá về cá.	
Tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định khác liên quan.	 <p>16.7</p>	Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận thông tin và bảo vệ các quyền tự do cơ bản theo Pháp luật Việt Nam và các hiệp ước Quốc tế Việt Nam đã ký kết.	Không áp dụng.	1 lần/năm: Lấy ý kiến Người lao động. 01: Bộ Quy tắc ứng xử. 01: Báo cáo về công tác phòng chống tham nhũng.	

ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN GRI TRONG PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC BLQ

Đánh giá và xác định sự tương quan giữa các BLQ

Với mục tiêu phát triển đa dạng các loại hình Năng lượng, các DA, NM của GHC nằm tại nhiều Địa phương trên cả nước. Công ty hiện có rất nhiều BLQ, mỗi BLQ đều đóng vai trò như một mắt xích quan trọng trong sự tồn tại, vận hành và phát triển hiệu quả của Công ty. Trong thời gian qua, Công ty luôn cẩn trọng trong việc đánh giá mối quan hệ cũng như mức độ tương tác, ảnh hưởng qua lại của từng đối tượng trong nhóm các BLQ trọng yếu để từ đó có thể đưa ra những kế hoạch hành động, ứng xử và tương tác phù hợp"

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC		CĐ, NĐT TIỀM NĂNG	
<p>Chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Ngành - Đóng góp ý kiến về sự PTBV của Ngành: Chính phủ, BCT, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Ngoại giao...; Hội đồng Nhân dân, UBND Tỉnh...; Sở Công thương, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài Nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch...; Chi cục Kiểm lâm, Cơ quan Quân đội, Công an, Cảnh sát...; Huyện Ủy, UBND Huyện, các Phòng ban Chuyên môn của Huyện...; Hội đồng Nhân dân và UBND các Xã...</p>		<p>Cung cấp vốn cho HĐKD của Công ty - Cổ tức và khả năng sinh lời trên mỗi CP sở hữu: CĐ lớn trong và ngoài nước, CĐ hiện hữu, NĐT tiềm năng trong ngoài nước, NĐT tổ chức, cá nhân trên TTCK.</p>	
ĐỐI TÁC TRIỂN KHAI DA	CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI	ĐỐI TÁC MUA BÁN ĐIỆN	NGƯỜI LAO ĐỘNG
<p>Đảm bảo tính thành công, kịp thời của DA - Thành công của DA tạo dựng tên tuổi và uy tín cho đối tác: Nhà thầu EPC; Công ty Tư vấn; Công ty cung cấp thiết bị, công cụ, dụng cụ...</p>	<p>Tạo dựng một Môi trường Xã hội Cộng đồng bền vững - Xây dựng các giá trị gia tăng cho Xã hội: Cộng đồng Địa phương xung quanh và có liên quan đến DA, Hệ sinh thái xung quanh và có liên quan đến DA.</p>	<p>Đầu ra của sản phẩm - Cung cấp nguồn điện, đảm bảo an ninh Năng lượng Quốc gia: EVN; EPTC; A0, A2, A3; Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Miền Nam.</p>	<p>Người cùng tạo ra và vận hành DA - Tạo thu nhập và công ăn việc làm ổn định để đảm bảo cuộc sống: BLĐ, CBNV, Lao động Địa phương.</p>

Khi các BLQ đã được xác định, GHC chú trọng đánh giá Tầm Ảnh hưởng và Sự Quan tâm của các BLQ từ 2 khía cạnh của GHC và của BLQ, đồng thời không bỏ qua bất kỳ các BLQ quan trọng nào. Việc phân tích các BLQ theo dạng ma trận hỗ trợ GHC nâng cao danh tiếng, lợi thế cạnh tranh, hiệu quả QTDN và QLRR.

GHC sử dụng ma trận bản đồ như là công cụ hỗ trợ xác định vị trí của các BLQ theo 2 tiêu chí Ảnh hưởng và Quan tâm, chia thành 4 **Nhóm Thông báo - Ảnh hưởng cao và Quan tâm thấp, Nhóm Ảnh hưởng - Ảnh hưởng cao và Quan tâm cao, Nhóm Tham gia - Ảnh hưởng thấp và Quan tâm cao và Nhóm Giám sát - Ảnh hưởng thấp và Quan tâm thấp.**

Ảnh hưởng của các BLQ ↑	<p>Thông báo</p> <ul style="list-style-type: none"> Cơ quan Nhà nước. Đối tác mua bán Điện. 	<p>Ảnh hưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> Người lao động. CĐ, NĐT tiềm năng. 	Ảnh hưởng ↑	<p>Duy trì sự hài lòng</p> <ul style="list-style-type: none"> Trước, trong và sau khi triển khai DA. Thư mời tham dự sự kiện có liên quan. Đáp ứng. Phúc lợi gián tiếp. 	<p>Quản lý chặt chẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> Cập nhật hàng ngày. Công văn, Thông báo, Họp, Gặp gỡ trực tiếp. Khảo sát, lắng nghe, đáp ứng. Quyền lợi và phúc lợi trực tiếp.
	<p>Giám sát</p>	<p>Tham gia</p> <ul style="list-style-type: none"> Cộng đồng Xã hội. Đối tác triển khai DA. 		<p>Kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> Khi có phát sinh hoạt động/hàng tháng. Tuần thủ. 	<p>Thông tin liên tục</p> <ul style="list-style-type: none"> Cập nhật hàng tuần. Thư mời tham dự sự kiện nhất định. Đáp ứng.
	Quan tâm của các BLQ →			Quan tâm →	

CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ CÁC BLQ

GHC chọn ra 6 BLQ có ảnh hưởng trọng yếu để thực hiện phân tích trong năm 2023. Theo thứ tự ưu tiên có ảnh hưởng đến GHC, các BLQ này bao gồm: Cơ quan Nhà nước - 6, Đối tác mua bán Điện - 5, CE/NĐT tiềm năng - 4, Đối tác triển khai DA - 3, Cộng đồng Xã hội - 2 và CBNV - 1. Theo thứ tự ưu tiên đối với BLQ sẽ là Người lao động - 6, CE/NĐT tiềm năng - 5, Cộng đồng Xã hội - 4, Đối tác triển khai DA - 3, Cơ quan Nhà nước - 2 và Đối tác mua bán Điện - 1. Dựa trên mức độ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của các BLQ đến hiệu quả Công ty và ngược lại, BLĐ của GHC thực hiện phân loại và đánh giá tính ưu tiên các BLQ, hướng đến cộng hưởng mang lại lợi ích các Bên

Chiến lược PTBV của GHC ngoài việc gắn kết theo mục tiêu PTBV của LHQ, Việt Nam và Tiêu chuẩn IFC, Công ty còn áp dụng các tiêu chí công bố trong bộ Tiêu chuẩn GRI 2021 để phân tích hiệu quả thực hiện. Dựa trên kết quả đánh giá các quan tâm trọng yếu tương quan 2 chiều giữa GHC và các BLQ, nỗ lực đáp ứng xu hướng PTBV của LHQ, BLĐ GHC đã xác định ma trận 16 lĩnh vực trọng yếu thuộc Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

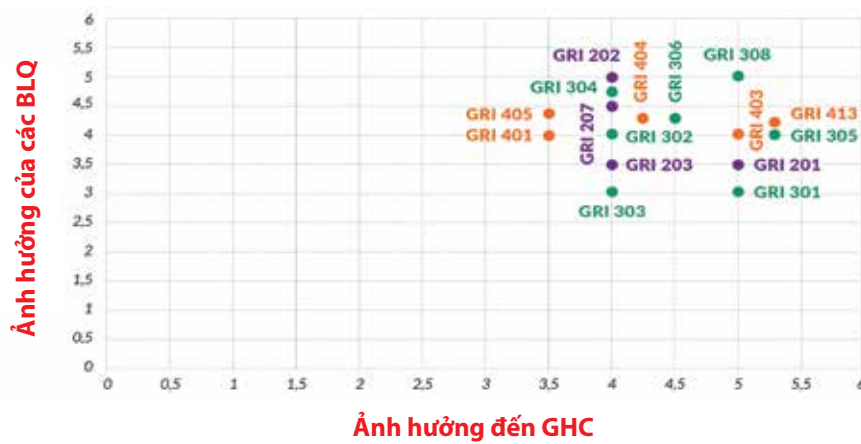


Thực hiện công bố



Không thực hiện công bố

GRI áp dụng vào chiến lược PTBV tại GHC		2022	2023
GRI 201	Hiệu quả hoạt động Kinh tế		
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	☑	☑
201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	☑	☑
201-4	Hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ	☑	☑
GRI 202	Sự hiện diện trên thị trường		
202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	☑	☑
GRI 203	Tác động Kinh tế Gián tiếp		
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	☑	☑
GRI 207	Thuế		
207-1	Phương pháp tiếp cận thuế	☑	☑
207-2	Quản lý thuế, kiểm soát và QLRR	☑	☑
207-3	Sự tham gia của các BLQ và quản lý mối quan tâm LQ đến thuế	☑	☒
GRI 301	Vật liệu		
301-1	Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng	☑	☑
GRI 302	Năng lượng		
302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	☑	☑
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	☑	☑
GRI 303	Nước và nước thải		
303-1	Tương tác với nước như một nguồn tài nguyên chung	☑	☑
303-2	Quản lý các tác động liên quan đến nước	☒	☑
303-3	Nước đầu vào	☑	☑
303-4	Nước thải	☑	☑
303-5	Nước tiêu thụ	☑	☑
GRI 304	Đa dạng sinh học		
304-2	Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học	☒	☑
304-3	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi	☑	☑
GRI 305	Phát thải		
305-1	Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (PV 1)	☒	☑
305-2	Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (PV 2)	☑	☑
305-4	Cường độ phát thải khí nhà kính	☑	☒
305-5	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	☑	☑
305-7	Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX) và các phát thải khí đáng kể khác	☑	☑



GRI áp dụng vào chiến lược PTBV tại GHC		2022	2023
GRI 306	Chất thải		
306-3	Chất thải phát sinh	✓	✓
306-4	Chất thải được chuyển hướng khỏi việc thải bỏ	✓	✓
306-5	Chất thải được xử lý	✓	✓
GRI 308	Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường		
308-1	Các Nhà cung cấp mới đã được đánh giá hồ sơ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	✓	✓
308-2	Các tác động Môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	✗	✓
GRI 401	Việc làm		
401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	✓	✓
401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian	✓	✓
401-3	Nghỉ thai sản	✓	✗
GRI 403	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp		
403-1	Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	✓
403-2	Nhận dạng mối nguy, đánh giá rủi ro và điều tra sự cố		
403-3	Dịch vụ sức khỏe nghề nghiệp	✓	✓
403-4	Sự tham gia của người lao động, tham vấn và truyền thông về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✗	✓
403-5	Huấn luyện nhân viên về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✓	✓
403-6	Nâng cao sức khỏe người lao động	✗	✓
403-7	Phòng ngừa và giảm thiểu tác động đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp được liên kết trực tiếp bởi quan hệ kinh doanh	✗	✓
403-8	Người lao động được bảo đảm bởi hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	✗	✓
403-9	Thương tật liên quan đến công việc	✗	✓
GRI 404	Giáo dục và đào tạo		
404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	✗	✓
404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	✓	✓
GRI 405	Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng		
405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	✓	✓
GRI 413	Cộng đồng địa phương		
413-1	Những hoạt động có sự tham gia của Cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	✓	✓

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Xin chủ trương, đảm bảo hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật

Tích cực tham gia và đóng góp ý kiến tại các Hội nghị, Hội thảo do Nhà nước tổ chức

Tuân thủ quy định Pháp luật, phối hợp trong công tác thanh kiểm tra.

Tiên phong trong việc cập nhật, áp dụng các chính sách, quy định mới/cải tiến do Nhà nước ban hành

Làm việc với các Cơ quan, Sở Ban Ngành... để đảm bảo hoạt động của Công ty đúng quy định, đúng chủ trương và hỗ trợ phát triển kinh tế của Đất nước, Tỉnh Thành...

Thông tin về tình hình hoạt động, kinh doanh sản xuất của Công ty, NM, DA thông qua các Báo cáo định kỳ, Công văn, Văn bản, Thông báo, Họp định kỳ và bất thường ...

Chủ động đề xuất và góp ý các văn bản Pháp luật, tích cực tương tác với Cơ quan Ban ngành để hoàn thiện hệ thống Pháp luật

Hỗ trợ các đoàn Thanh Kiểm tra... về công tác tuân thủ các quy định Pháp luật.

Tuân thủ và phản hồi, cung cấp các hồ sơ theo yêu cầu

Thường xuyên cập nhật quy định Pháp luật về E&S và thông báo, hướng dẫn áp dụng tại các NM Điện.

Báo cáo Cơ quan Nhà nước về EHSS tại các NM theo quy định của Pháp luật định kỳ

CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Ưu tiên tuyển dụng lao động Địa phương, đào tạo, hướng dẫn nâng cao kiến thức, kỹ năng tay nghề, nỗ lực xóa đói giảm nghèo tại Địa phương.

Phối hợp Chính quyền Địa phương tham gia hoạt động tài trợ Xã hội và Cộng đồng.

Chương trình bảo vệ Môi trường, nâng cao giá trị sống cho Cộng đồng Địa phương

74 việc làm cho lao động Địa phương góp phần phát triển kinh tế Địa phương nơi các NM Điện của GHC hoạt động. Trao đổi với cộng đồng thông qua trường thôn, già làng...để có thể hiểu rõ mối quan tâm của Cộng đồng

Đảm bảo công tác vận hành chuyên nghiệp 3 NM NLTT, giảm thiểu ảnh hưởng đến Sức khỏe và An toàn Cộng đồng. Công bố đường dây nóng tiếp nhận khiếu nại của người dân. Dán thông báo về DA tại UBND Huyện, Xã, Thôn

Thực hiện khảo sát chim, dơi theo Tiêu chuẩn của IFC sau khi NM đi vào vận hành.

Đánh giá rủi ro và giảm thiểu, kiểm soát rủi ro tại các DA, NM.

Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ

Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ hàng năm tại 3 NM, thu gom và bàn giao 1 tấn Chất thải nguy hại cho Đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý

XEM XÉT LỢI ÍCH VÀ KỶ VỌNG GHI NHẬN ĐƯỢC ĐẢM BẢO SỰ THAM GIA CÓ Ý NGHĨA VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mục tiêu tiên quyết và quan trọng của GHC là tạo ra giá trị lâu dài cho các BLQ và cho cả GHC. Để thực hiện được mục tiêu đó, GHC hiểu tầm quan trọng của việc duy trì sự tương tác và đối thoại hiệu quả với các Bên, dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của Công ty. Trong năm 2023, GHC hoạt động tích cực trong việc tương tác với các BLQ trọng yếu, đáp ứng yêu cầu của các BLQ cũng như tạo ra những thành quả nhất định về tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG).

Gặp gỡ trực tuyến, email, điện thoại, Lấy ý kiến CĐ bằng Văn bản

Gặp gỡ trực tiếp định kỳ thông qua ĐHĐCĐ

Họp HĐQT định kỳ và bất thường

Trao đổi trực tiếp CĐ lớn về các hoạt động trọng yếu của Công ty

Nâng cao, cải thiện hiệu quả các hoạt động QTCT theo chuẩn mực Quốc tế.

Hoàn thành kết quả kinh doanh theo kế hoạch ĐHĐCĐ.

Thực hiện CBTT minh bạch, kịp thời, tin cậy theo quy định Pháp luật

Liên tục cập nhật các thông tin về Ngành, HĐKD đến CĐ, NĐT tiềm năng.

Phản hồi nhanh chóng thông tin cho CĐ, NĐT tiềm năng, xử lý khủng hoảng thông tin.

CĐ/NĐT TIỀM NĂNG

CBTT tài liệu họp, thông tin cuộc họp ĐHĐCĐ, Lấy ý kiến CĐ văn bản trước 21 ngày theo thông lệ Quốc tế

Gặp gỡ trực tiếp tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên ngày 28.4.2023

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, ban hành 23 Nghị Quyết

Không có CĐ/NĐT nào đánh giá không hài lòng về mối quan hệ với GHC

Đánh giá hoạt động QTCT bằng cách áp dụng Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất 2019, Thẻ điểm QTCT ASEAN 2023

Tham gia Hội thảo về QTCT, PTBV được tổ chức bởi VIOD, UBCKNN, HNX

DTT 327 tỷ đồng, LNTT 175 tỷ đồng, hoàn thành cổ tức 25% bằng tiền mặt

Thực hiện CBTT đầy đủ theo đúng quy định Pháp luật tại NĐ 155, TT 116, TT 96, TT 118) và Tiêu chuẩn QTCT của IFC

Nỗ lực hướng đến những chuẩn mực cao hơn để đảm bảo nhu cầu thông tin kịp thời của CĐ, thực hiện công bằng và đảm bảo quyền lợi cho các CĐ, bao gồm CĐ nhỏ lẻ

Thực hiện phân tích, Lập BCTN và Báo cáo PTBV theo quy định Việt Nam và chuẩn mực Quốc tế

CĐ và NĐT tiềm năng được cập nhật thông tin về Ngành, Công ty kịp thời, đầy đủ, dễ tiếp cận tại trang Web Công ty, Cơ quan Quản lý, CTCK phụ trách phân tích Cổ phiếu GHC

Các kênh Quan hệ NĐT được sử dụng bao gồm chính thống và không chính thống: Email, điện thoại, Website, mạng xã hội, diễn đàn

ĐỐI TÁC TRIỂN KHAI DỰ ÁN

Triển khai các tiêu chí tuân thủ về EHSS trong các điều khoản cam kết vào hợp đồng kinh tế với các Nhà cung cấp: An toàn, Chất lượng hàng hóa, Bảo vệ Môi trường, Sức khỏe và an toàn lao động

Tiếp tục hoàn thiện bổ sung các tiêu chí EHSS về Lao động trẻ em, Lao động cưỡng bức, chuỗi cung ứng nâng cao ESG tại GHC

Đánh giá chuỗi cung ứng để đảm bảo Nhà cung ứng tuân thủ, đạt các tiêu chí về E&S mà GHC đã đặt ra

Giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời Nhà thầu EPC của các DA Điện hòa lưới điện Quốc gia

Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với Bộ phận mua hàng và sử dụng dịch vụ

ĐỐI TÁC MUA BÁN ĐIỆN

Trao đổi 24/24 với các đơn vị mua điện về điều chỉnh công suất phát điện của các NM.

Sản lượng điện bán ra 209 triệu kWh, doanh thu 326 tỷ đồng

Đảm bảo sản lượng Điện đầu ra theo đúng cam kết của Hợp đồng mua bán.

Đảm bảo yêu cầu về hiệu quả kinh tế và năng lực chuyên môn trong vận hành DA

Huấn luyện an toàn điện cho 48 CBNV vận hành điện tại các NM

Đảm bảo công tác chuẩn bị, nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành cho 3 NM NLTT hiện hữu.

Giao tiếp trực tuyến và trực tiếp.

Ký hợp đồng Mua bán Điện với EPTC về sản lượng đầu ra, đảm bảo giá cam kết của Chính phủ.

Hợp tác nghiên cứu phát triển, áp dụng công nghệ trong công tác vận hành, giám sát hệ thống hoạt động các NM.

Tổ chức các khóa học đào tạo kỹ sư vận hành

Cập nhật thông tin Ngành gồm thông tin liên quan đến công nghệ, hệ thống mới (hệ thống đo đếm điện tử, SCADA. Tuân thủ cập nhật thông tin NM TĐ tại Trang.thuydienvietnam.vn.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chương trình đào tạo.

Năm 2023 tổ chức 26 chương trình đào tạo với 325 lượt học viên, chi phí đào tạo 127 triệu đồng.

Tổng kết hàng quý, hội nghị thường niên.

Thực hiện Hội nghị Người lao động để trao đổi về các mong đợi, mối quan tâm của Người lao động tại GHC

Lấy ý kiến CBNV về môi trường làm việc, lương, thưởng, phúc lợi, công việc, cấp trên, đồng nghiệp, đào tạo và cơ hội phát triển.

Ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng, khảo sát sự hài lòng của CBNV, hoạt động mang lại giá trị gia tăng...; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo môi trường làm việc cạnh tranh

Tuân thủ 5K cộng vaccin của Bộ Y tế phát động.

100 % CBNV Công ty hoàn thành tiêm vaccin mũi 3

Môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động được kiểm soát, giảm thiểu.

Không xảy ra bất kỳ số vụ tai nạn lao động và số vi phạm liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Khám sức khỏe định kỳ cho 69 người lao động và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 48 người lao động

Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và huấn luyện sơ cấp cứu cho 94 lượt học viên

Quan trắc môi trường lao động tại các NM định kỳ hàng năm.

Tiến hành tự kiểm tra EHSS tại các NM định kỳ hàng tháng

Thực hiện văn phòng không giấy "paperless office"

Thông báo nội bộ qua E Office để tiết kiệm thời gian, tránh lãng phí tài nguyên, tăng năng suất lao động, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Tiến hành tự kiểm tra EHSS tại các NM định kỳ hàng tháng

Xây dựng các chương trình đào tạo đội ngũ kế thừa

Nâng cao kỹ năng Quản lý Lãnh đạo của Đội ngũ BLĐ

HIỆU QUẢ KINH TẾ

GHC phân tích **4/7** chỉ tiêu, chiếm tỷ trọng **57%** trong tổng 7 chỉ tiêu GRI của Khoản mục Kinh tế.

GRI	NỘI DUNG THÔNG TIN	GHC PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
GRI 201	Hiệu quả hoạt động kinh tế	✓	Trang 31
GRI 202	Sự hiện diện trên thị trường	✓	Trang 36
GRI 203	Tác động kinh tế gián tiếp	✓	Trang 37
GRI 204	Thông lệ mua sắm		Các trang thiết bị trọng yếu tạo thành NM tại GHC như tuabin thủy điện, tấm pin NL Mặt trời, Inverter... đều được cung cấp bởi các nhà thầu uy tín, chất lượng quốc tế. Các mặt hàng này hiện chưa được các nhà cung cấp tại địa phương sản xuất.
GRI 205	Chống tham nhũng		Tại GHC không ghi nhận các trường hợp các CBNV bị sa thải hoặc bị kỷ luật do bị cáo buộc tham nhũng.
GRI 206	Hành vi cản trở cạnh tranh		Đối với GHC, EVN vẫn đang là đơn vị mua điện duy nhất do đó không xảy ra các trường hợp liên quan đến hành vi cản trở cạnh tranh cũng như những vi phạm luật chống độc quyền hiện hữu.
GRI 207	Thuế	✓	Trang 38





HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Chủ đề trọng yếu

- Hiệu quả kinh tế được xác định là chủ đề trọng yếu, là nền tảng quan trọng để GHC hiện thực hóa cam kết với các BLQ, thông qua các hoạt động chính.
- GHC chú trọng công tác vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái, Điện Gió để tạo ra nguồn thu ổn định, đảm bảo trách nhiệm với Chính phủ, Cộng đồng, Xã hội và CBNV.
- Tiết giảm chi phí hợp lý để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Phương pháp Quản trị

- Đa dạng các loại hình NLTT Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái, Điện Gió, tương lai là Điện Rác, Hydrogen...
- TTS, DT, LN đạt mức tăng trưởng ổn định và bền vững qua các năm.
- Đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng hợp lý và ổn định.
- Tiết giảm chi phí hợp lý để tối ưu Đảm bảo quyền lợi tài chính cho Chính phủ, CĐ/NĐT, Người lao động và các Nhà cung cấp vốn. Ưu hóa hiệu quả hoạt động.

GRI 201-1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra - DOANH THU

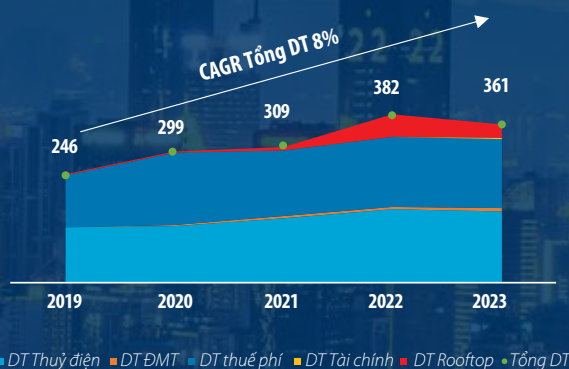
Nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi sau Đại dịch Covid-19, tăng trưởng ổn định so với các nước trong Khu vực. Tuy nhiên, các chỉ số kinh tế vĩ mô đều thể hiện một năm đầy nỗ lực duy trì vượt khó. Hai ngành chủ lực của nền kinh tế là dịch vụ và công nghiệp và xây dựng đều ở mức không cao trong năm 2023. Riêng ngành công nghiệp, tính chung cả năm giá trị tăng thêm tăng 3,02%, là mức tăng thấp nhất trong cả giai đoạn 2011-2023.

Với lợi thế của Ngành NLTT, GHC tiếp tục thể hiện sự ổn định đến từ HĐKD cốt lõi. Tổng DT năm 2023 đạt 360 tỷ đồng, giảm 6% so với 2022, CAGR 2019-2023 đạt 8%. Doanh thu bán Điện năm 2023 ghi nhận 326 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 91% trong cơ cấu Tổng DT, nhờ đó tỷ lệ CAGR 2019-2023 duy trì ổn định 6%.

Bên cạnh đó GHC còn cung cấp các chứng chỉ năng lượng sạch (TIGR, REC...) từ các nhà máy NLTT, với doanh thu ghi nhận năm 2023 đạt 1 tỷ đồng

Cơ cấu Tổng DT 2019 - 2023

ĐVT: Tỷ đồng

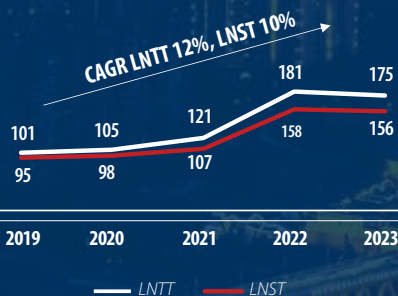


DT Tài chính 2023 là 32 tỷ đồng - 9% trong cơ cấu Tổng DT. Nguồn thu từ việc đầu tư vào Công ty Liên kết ở lĩnh vực Điện gió chiếm 4% tỷ trọng trong cơ cấu DT, do Công ty liên kết hoạt động với hiệu quả cao trong năm vừa qua.

GHC ghi nhận mức LNG, LNTT và LNST trong năm 2023 lần lượt 200 tỷ đồng, 175 tỷ đồng và 156 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng/giảm 5%, -3% và -% so với cùng kỳ, qua đó CAGR 5 năm 2019-2023 đạt 7%, 12% và 10%.

LNTT và LNST 2019-2023

ĐVT: Tỷ đồng



GRI 201-1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ (tiếp theo)

Giá trị kinh tế được phân bổ - CHI PHÍ VẬN HÀNH

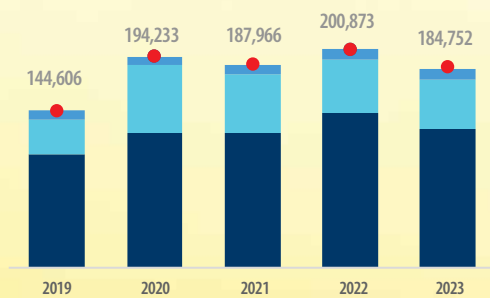
Tổng CP trong năm 2023 là 185 tỷ đồng, giảm gần 16 tỷ đồng - 8% so với năm 2022 do chủ yếu đến từ việc tối ưu hóa chi phí hoạt động vận hành của các NM Điện và tiết giảm chi phí tài chính do dư nợ vay giảm. Theo đó, Giá vốn hàng bán ghi nhận 127 tỷ đồng chiếm 69% trong cơ cấu Tổng CP, giảm 15 tỷ đồng.

Mặc dù Chi phí QLDN tăng gần 1 tỷ đồng, với giá trị cuối kỳ ghi nhận 10 tỷ đồng, tuy nhiên so với mức tăng trưởng quy mô của DT với tỷ lệ CAGR 2019-2023 ở mức 8% thì với CAGR Chi phí QLDN chỉ duy trì ở mức 3%; điều này cho thấy BĐH đã nỗ lực kiểm soát chi phí tối đa để gia tăng hiệu quả hoạt động.

Là một trong những đặc thù của các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực NLTT, Chi phí Bán hàng và Chi phí khác gần như chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu Tổng CP. Giá trị ghi nhận trong năm 2023 khoảng 1,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1% trong cơ cấu.

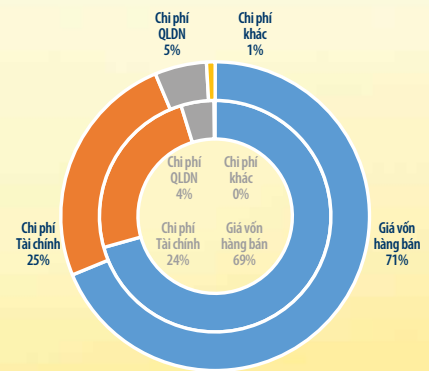
Cơ cấu Tổng CP 2019 - 2023

EVT: Tỷ đồng



■ Giá vốn hàng bán ■ Chi phí Tài chính ■ Chi phí QLDN ● Tổng chi phí

Cơ cấu Tổng CP 2019 - 2023



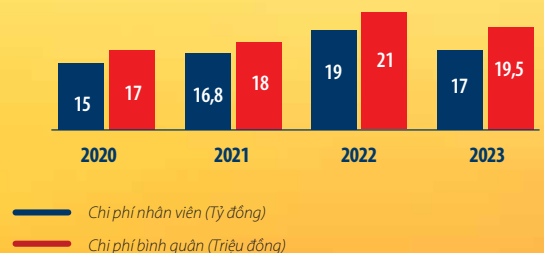
Nguồn: GHC

Giá trị kinh tế được phân bổ - LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI

Trong năm 2023, GHC đã thực hiện chi trả 17,3 tỷ đồng cho 74 CBNV đang làm việc chính thức tại Công ty, giảm 8% so với năm 2022. Bên cạnh đó, nhằm mục đích tạo động lực để gia tăng năng suất lao động cho các CBNV cũng như cập nhật kịp thời các chính sách lương thưởng phù hợp với tình hình thực tế, GHC đã cập nhật, rà soát và ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng Chi trả lương với mong muốn tạo ra môi trường làm việc chất lượng được thể hiện qua các chế độ rõ ràng, cụ thể.

Chỉ trong vòng 4 năm 2020-2023, tổng chi phí GHC thực hiện chi trả cho CBNV đạt 68 tỷ đồng với CAGR 8% trong khi bình quân tổng nhân sự chính thức 4 năm xấp xỉ 75 nhân sự chính thức. Trong đó, quỹ lương lũy kế 4 năm qua đạt 60 tỷ đồng, chiếm 88% tỷ trọng trong tổng chi phí chi trả cho Người lao động. Bình quân chi phí chi trả (lương, thưởng và các chi phí phúc lợi khác) cho 01 CBNV cũng đã tăng từ 17 triệu đồng/tháng lên gần 19,5 triệu đồng/tháng với CAGR 8%. Mức chi trả bình quân này cao hơn từ 2 triệu đồng/tháng so với mức thu nhập bình quân thực nhận của Người lao động trong GĐ 2020-2023 là 17-19,5 triệu

Chi phí Nhân viên và Chi phí bình quân 2020 - 2023



Giá trị kinh tế được phân bổ - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc thể hiện trách nhiệm với các BLQ gồm CB/NĐT tiềm năng, Cơ quan Nhà nước, Cộng đồng Xã hội, Đối tác mua bán Điện, Đối tác triển khai DA và Người lao động, GHC cũng tích cực đóng góp cho các Địa phương nơi mà GHC đang hoạt động. GHC tiến hành các hoạt động thiện nguyện như: Tài trợ trẻ em mồ côi do ảnh hưởng bởi Covid-19; trao học bổng khuyến học cho các em có hoàn cảnh khó khăn; quyên góp các em có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cụu chiến binh và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ kinh phí thể dục thể thao; tài trợ nhà tình thương... Tổng chi phí tài trợ giai đoạn 2012-2023, GHC đã tài trợ cho Cộng đồng Xã hội lên đến 1,3 tỷ đồng.

Giá trị kinh tế được phân bổ - CÁC KHOẢN THANH TOÁN CHO NHÀ CUNG CẤP VỐN

GHC luôn duy trì, phát triển các mối quan hệ với các Định chế tài chính, Tổ chức tín dụng lớn, uy tín tại Việt Nam như Vietcombank (96% cơ cấu nợ vay), BIDV (4% cơ cấu nợ vay) cũng như các tổ chức tín dụng uy tín khác.

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động các dự án, tổng dư nợ vay cuối năm 2023 ghi nhận 470 tỷ đồng, giảm 67 tỷ đồng - 13% so với đầu kỳ.

Lãi suất các khoản vay dài hạn tại GHC đều được tính trên cơ sở lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng với biên độ của từng DA, do đó 4 lần giảm lãi suất điều hành của NHNN, mỗi lần cũng có những ảnh hưởng nhất định đến CP Lãi vay của GHC trong thời gian qua.

Tổng CP Lãi vay ghi nhận trong năm 2023 gần 46 tỷ đồng, giảm 3 tỷ đồng - 7% so với cùng kỳ. Khả năng chi trả Lãi vay của GHC luôn được đảm bảo thông qua Chỉ số thanh toán Lãi vay EBIT/CP Lãi vay là 4,80 lần, tăng nhẹ so với năm 2022 là 4,65. Bên cạnh khoản chi trả Lãi vay, GHC luôn thực hiện chi trả đúng hạn các khoản nợ gốc, trong năm 2023, GHC đã thanh toán hơn 67 tỷ đồng gồm gốc vay các DA, trong đó đặc biệt đã trả trước nợ gốc dự án Hàm phú 2 3 kỳ để giảm thiểu chi phí lãi vay.

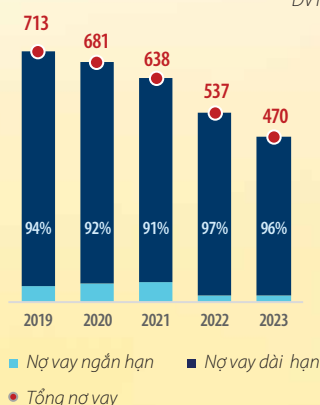
Cơ cấu Nợ vay 2023

Nguồn: GHC

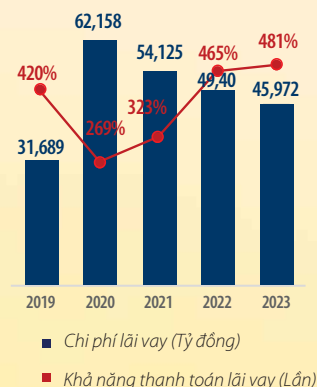


Cơ cấu Nợ vay 2019 - 2023

ĐVT: Tỷ đồng



Chi phí lãi vay và Khả năng chi trả lãi vay 2019 - 2023

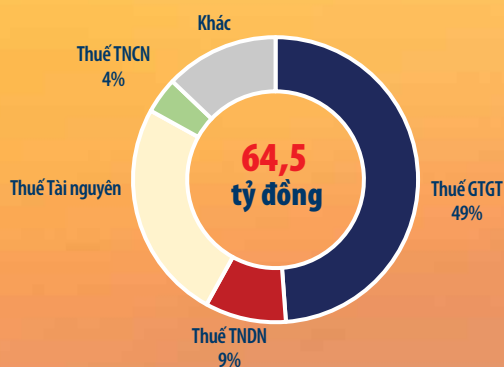


Giá trị kinh tế được phân bổ - CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO CHÍNH PHỦ

Định hướng trở thành một trong những Công ty NLTT hàng đầu tại Việt Nam, GHC luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với những đóng góp tích cực cho Địa phương, Cộng đồng, Xã hội thông qua nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước, đặc biệt tại 4 Địa phương GHC có những NM đang hoạt động (Gia Lai, Bình Thuận, Sóc Trăng, Hậu Giang). Năm 2023, GHC đóng góp Ngân sách Nhà nước hơn 64 tỷ đồng. Lũy kế 5 năm 2019-2023, tổng giá trị Ngân sách GHC đã đóng góp đạt gần 274 tỷ đồng, CAGR đạt 7%.

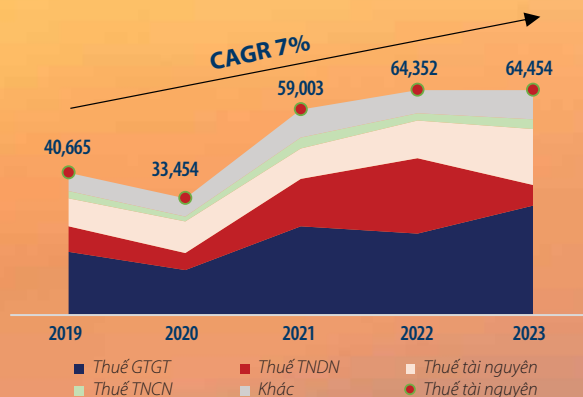
Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất đến từ Thuế GTGT 31,5 tỷ đồng - 49% tỷ trọng đóng góp, kế đến là Thuế Tài nguyên 16 tỷ đồng - 15%, Thuế TNDN 6 tỷ đồng - 9% tỷ trọng, còn lại là Thuế Thu nhập cá nhân và Khác lần lượt ghi nhận 2 tỷ đồng, 5 tỷ đồng và 3 đồng, tỷ trọng tương ứng 4%, 8% và 5%.

Tỷ trọng đóng góp Ngân sách Nhà nước 2023



Đóng góp Ngân sách Nhà nước 2019 - 2023

ĐVT: Tỷ đồng



GRI 201-2 ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Việt Nam được đánh giá là một trong những Quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu do có bờ biển dài. Theo Tổng cục khí tượng thủy văn, năm 2023, Nhiệt độ trung bình năm 2023 trên toàn quốc là 24,5 độ, cao hơn trung bình nhiều năm 1,09 độ, là năm có mức nhiệt độ trung bình cao thứ hai trong chuỗi số liệu quan trắc được. Tính trong năm 2023, cả nước xuất hiện 20 đợt nắng nóng diện rộng. Tính từ năm 2017 đến nay, đây là năm xuất hiện nhiều đợt nắng nóng diện rộng nhất, hơn 5 đợt so với trung bình nhiều năm. Với kinh nghiệm hoạt động trong Ngành hơn 20 năm, GHC có những phương pháp Quản trị và quản lý hữu ích để giảm thiểu rủi ro, như đa dạng hóa nguồn thu và tối đa hóa GTGT.

CHỈ TIÊU	Năm 2023		Năm 2022
	Rủi ro	Cơ hội	
TÁC ĐỘNG	<p>Thủy điện 134 triệu kWh +3% cùng kỳ.</p> <p>Điện Mặt trời 71 triệu kWh -3% cùng kỳ.</p> <p>Áp Mái 3,5 triệu kWh +3% cùng kỳ.</p>	<p>Đa dạng hóa hoạt động giúp giảm tác động đáng kể bởi các điều kiện bất lợi như hạn hán hoặc bão lũ.</p> <p>Tối đa hóa nguồn thu từ các loại hình, tận dụng được tình hình thời tiết trong năm để tạo nguồn thu ổn định và bù đắp thiết hụt nếu có.</p> <p>Nghiên cứu và tiến hành triển khai các DA NLTT khác như Điện Rác, Hydrogen, Thủy điện tích năng... để tiếp tục chiến lược đa dạng hóa nguồn thu, giảm thiểu sự ảnh hưởng rủi ro khí hậu.</p>	<p>Thủy điện 130 triệu kWh</p> <p>Điện Mặt trời 73 triệu kWh</p> <p>Áp Mái 3,5 triệu kWh</p>
PHƯƠNG PHÁP QLRR SỬ DỤNG	<p>Ứng dụng ERP vào vận hành:</p> <p>Thống kê các lỗi thường gặp, đưa ra kế hoạch dự phòng vật tư, thiết bị hợp lý, số lượng tồn kho tối ưu giảm thiểu tối đa thời gian dừng do sự cố cũng như chi phí hàng tồn kho.</p> <p>Tập trung thông tin, hình ảnh, dữ liệu để hỗ trợ giám sát toàn bộ thông tin; thể hiện tình hình thực địa để có phương án xử lý khi phát hiện tình huống bất thường.</p> <p>Xây dựng hạ tầng CNTT phục vụ vận hành trên nền tảng đám mây giúp người dùng có thể truy cập và thao tác trong và ngoài Công ty; hỗ trợ trong việc thống kê và truy vết nhanh chóng.</p>	<p>Tăng cường đào tạo và cập nhật các quy định, quy trình liên quan đến việc vận hành/bảo trì/ bảo dưỡng các NM NL đảm bảo công tác vận hành xuyên suốt.</p> <p>- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp Công nghệ tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu suất.</p>	<p>Thống kê, đánh giá xu hướng lỗi, tần suất lỗi và tăng cường hàng dự phòng được ưu tiên hàng đầu để điều chỉnh kịp thời các nhóm lỗi nhằm giảm sự phụ thuộc từ các chuyên gia vùng khác.</p> <p>Tối ưu hóa công tác vận hành, giảm sự cố và tổn thất điện năng.</p>
ẢNH HƯỞNG TÀI CHÍNH SAU KHI QLRR	<p>Nguồn thu bán điện đạt 327 tỷ đồng, -2% cùng kỳ</p> <p>Thống kê các lỗi thường gặp, đưa ra kế hoạch dự phòng vật tư, thiết bị hợp lý, số lượng tồn kho tối ưu giảm thiểu tối đa thời gian dừng do sự cố cũng như chi phí hàng tồn kho.</p> <p>Điện Mặt trời: 158 tỷ đồng - chiếm 48%.</p> <p>Thủy điện: 162 tỷ đồng - chiếm 50%.</p> <p>Áp mái: 6,7 tỷ đồng - chiếm 2%.</p>	<p>Cơ cấu DT có sự chuyển dịch tích cực trong mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, phân bổ các rủi ro đến từ thời tiết.</p>	<p>Nguồn thu bán điện đạt 327 tỷ đồng</p> <p>Điện Mặt trời: 159 tỷ đồng - chiếm 48%.</p> <p>Thủy điện: 166 tỷ đồng - chiếm 50%.</p> <p>Áp mái: 6,7 tỷ đồng - chiếm 2%.</p>

GRI 201 - 4 HỖ TRỢ TÀI CHÍNH NHẬN ĐƯỢC TỪ CHÍNH PHỦ

Thời gian qua, Chính phủ đã chủ động, linh hoạt áp dụng các chính sách để hỗ trợ và thúc đẩy các Doanh nghiệp phục hồi hậu Covid -19.

Cụ thể, Chính phủ đã giảm Thuế GTGT từ 10% xuống 8% kể từ ngày 01/06/2023 đến ngày 31/12/2023. Theo đó, GHC cũng được áp dụng mức thuế suất 8% cho các HĐKD quy định tại ND trên.

Về Thuế TNDN, GHC đang chịu thuế suất 20%. Tuy nhiên, đối với các DA đầu tư, GHC sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng DA. Tính đến cuối năm 2023, NM ĐMT Hàm Phú 2 được hưởng thuế suất ưu đãi 5%, NM TĐ H'Mun được hưởng thuế suất ưu đãi 10%, còn lại là 4 NM có thuế suất 20%.

Ngành NLTT luôn nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Chính phủ, bắt đầu từ khi triển khai đầu tư DA cho đến khi các đi vào vận hành chính thức, đặc biệt là tài chính. Chính điều này đã và đang là động lực thúc đẩy hoạt động đầu tư của các Doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là sự phát triển của GHC tại thị trường NLTT Việt Nam.

Hầu hết, các NM NLTT tại GHC đều thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư khi được hưởng miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo cơ chế ưu đãi của Luật Đầu tư do các NM tại GHC đều hoạt động tại Khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Tính đến cuối năm 2023, 3 NM đang hoạt động của GHC đã được miễn, giảm tiền thuê đất lên đến gần 7 tỷ đồng trong suốt thời hạn từ 1-50 năm theo các quy định hiện hành. Trong đó, 86% đến từ các NM Điện Mặt trời, 7% của các NM Thủy điện.

Bên cạnh đó, theo QĐ số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 do Thủ tướng Chính Phủ ban hành về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đối với các đối tượng là tổ chức, đơn vị, Doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước trực tiếp theo QĐ hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất, thuê mặt nước hằng năm. QĐ trên áp dụng mức giảm 30% tiền thuê đất và thuê mặt nước phải nộp của năm 2023.



SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Chủ đề trọng yếu

- Đảm bảo chính sách tiền lương linh hoạt phù hợp với yêu cầu khách quan của môi trường kinh doanh, quy chế, quy định của Pháp luật - công khai, công bằng và hợp lý.
- Chính sách phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương có tác động lớn để tăng năng suất lao động, cạnh tranh với các Doanh nghiệp cùng Ngành.
- Đóng góp vào sự phát triển an sinh Xã hội của Địa phương và tác động tích cực đến mật bằng tiền lương chung của thị trường lao động.

Phương pháp Quản trị

- Thu nhập bình quân đảm bảo mức sống cơ bản cho CBNV nhưng vẫn phù hợp với tình hình tài chính Công ty.
- Chính sách Tiền lương chi trả theo thực tế Doanh thu tại các Đơn vị Sản xuất, khuyến khích tinh thần làm việc, gắn liền giữa trách nhiệm và thu nhập.
- Mức lương khởi điểm cho CBNV Công ty luôn cao hơn so với mức tối thiểu của Vùng, hỗ trợ người lao động có thu nhập ổn định.

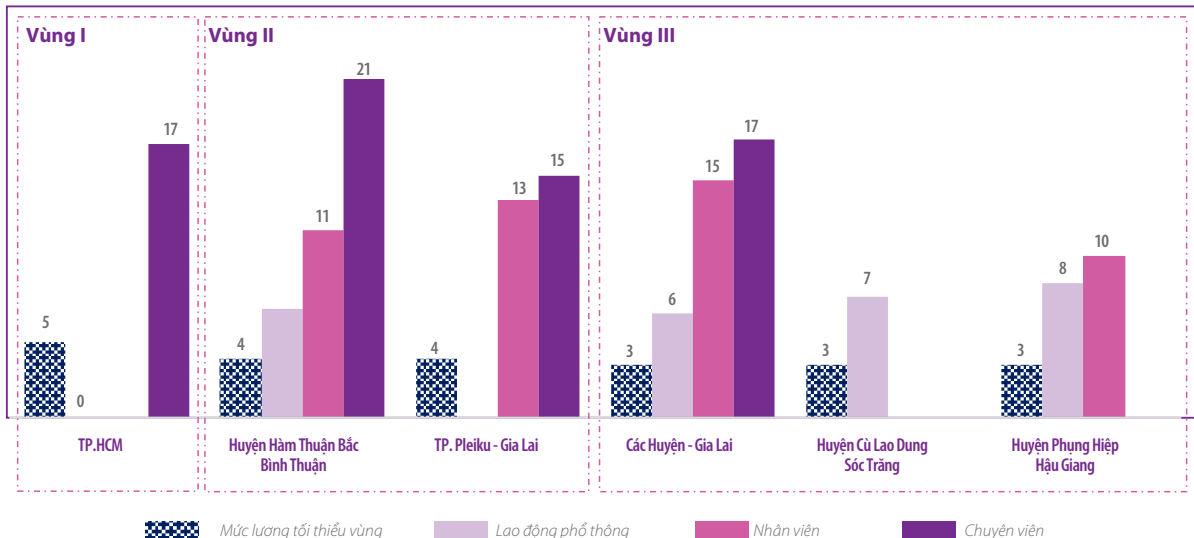
GRI 202-1 TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG

Với hệ thống NM sản xuất điện và hệ thống Áp mái trải dài rộng khắp kéo dài từ Miền Trung đến các Tỉnh Nam Bộ, GHC luôn đảm bảo cuộc sống của từng CBNV tại mỗi Địa phương GHC đang hoạt động. Công ty cập nhật và cải tiến phù hợp với trung bình Ngành, mức sống từng Khu vực, đảm bảo tối thiểu chi phí trong cuộc sống cho CBNV dựa trên các chính sách lương, phúc lợi, chế độ đãi ngộ khác ngoài lương. Tỷ lệ chênh lệch giữa mức thu nhập CBNV GHC với mức lương tối thiểu Vùng dao động cao hơn từ 16% trở lên tùy theo vị trí và khu vực.

Đối với vị trí Lao động phổ thông, mức lương bình quân của GHC sẽ dao động ở ngưỡng 6-8 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 16% đến 140%. Đối với chức danh Nhân viên, mức lương bình quân dao động 10-15 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 69% đến 250%. Chức danh Chuyên viên, mức lương bình quân sẽ dao động 15-21 triệu đồng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 77% đến 473%. Bên cạnh đó, đối với chức danh Trưởng/Phó Đơn vị và các chức danh tương đương, mức lương bình quân đạt 17-33 triệu đồng/tháng, cao hơn mức lương tối thiểu vùng tại các khu vực từ 375% đến 820%.

Thu nhập bình quân GHC so với mức lương tối thiểu vùng theo chức danh công việc 2023

DVT: Triệu đồng/người





TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

Phương pháp Quản trị

- Mức độ đóng góp về vốn liên quan đến cơ sở hạ tầng thông qua hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp đoạn đường giao thông xung quanh khu vực NM.

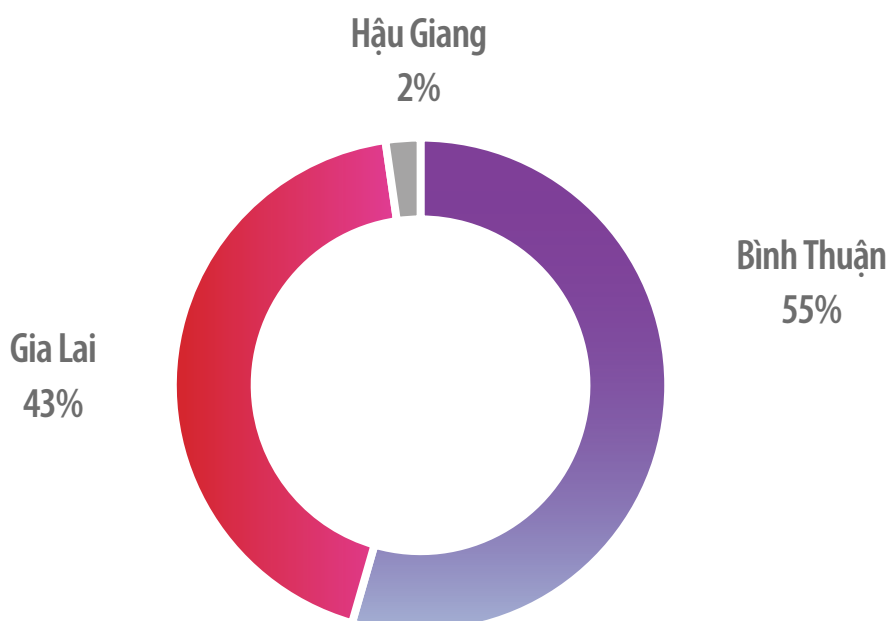
Chủ đề trọng yếu

- Đóng góp vào sự phát triển của địa phương và tác động tích cực đến cảnh quan sinh hoạt, cơ sở hạ tầng.

GRI 203 -1: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐƯỢC HỖ TRỢ

Bên cạnh hoạt động phát triển kinh doanh, GHC song hành, chú trọng quan tâm và phát triển Cộng đồng Địa phương, nơi những DA mang thương hiệu GHC được triển khai, góp phần chung tay cải thiện đời sống người dân tại đây. Do đặc thù Ngành nghề hoạt động các DA của GHC thường phát triển tại các Khu vực vùng sâu vùng xa, kinh tế kém phát triển, do đó GHC cũng chú trọng cải thiện cũng như có các hành động tích cực để góp phần cải thiện cảnh quan, hạ tầng và cuộc sống nơi đây. Tính từ năm 2018 đến nay, tổng chi phí liên quan công tác đầu tư hạ tầng GHC gần 22 tỷ đồng. Trong đó, tại Khu vực Bình Thuận chiếm tỷ trọng 55%, Gia Lai 43% và Hậu Giang với tỷ trọng 2%.

Chi phí Đầu tư hạ tầng 2018 - 2023





THUẾ

Chủ đề trọng yếu

- Đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ, đầy đủ và kịp thời của tất cả các công việc thuộc nghiệp vụ kế toán và tài chính đúng Chuẩn mực kế toán và Pháp luật hiện hành.
- Tuân thủ các quy định về Thuế của Công ty, đảm bảo công tác kê khai, nộp thuế, lập và nộp báo cáo thuế cho Cơ quan Nhà nước và tuân thủ các tiêu chuẩn kế toán.

Phương pháp Quản trị

- Thực thi, bám sát, rà soát các công tác triển khai tài chính, kế toán.
- Thường xuyên cập nhật các Chính sách, Luật, ND, TT... về Thuế để đảm bảo tính kịp thời và đúng đủ.

GRI 207-1 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN THUẾ

Hàng năm GHC thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước thông qua các khoản Thuế như Thuế TNDN, Thuế GTGT, Thuế Tài nguyên, Thuế TNCN và các loại Thuế khác với giá trị ngày càng tăng dần qua các năm. Để bảo đảm và làm rõ vai trò các bộ phận liên quan nhằm hoàn thành nghĩa vụ nộp Thuế được đúng hạn, GHC đã ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động, Quy chế Quản lý Tài chính được rà soát điều chỉnh phù hợp từng thời kỳ với nội dung chính như sau:

BỘ PHẬN	CHỨC NĂNG	NHIỆM VỤ
Kế toán	Quản lý những công việc thuộc nghiệp vụ kế toán và thuế theo đúng quy định Pháp luật.	Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hồ sơ liên quan đến thủ tục kế toán, thuế đảm bảo phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán và quy định của Công ty.
Hành chính	Giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục HC.	Lập và nộp các báo cáo thuế và các báo cáo số liệu kế toán tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

Việc tiếp cận các chính sách liên quan đến Thuế sẽ được các Bộ phận phụ trách triển khai và cập nhật định kỳ dựa trên các Thông tư, ND để đảm bảo tuân thủ đúng theo Quy định của Pháp luật về Thuế. Khi có các thay đổi liên quan đến chính sách hoặc ND về Thuế, Bộ phận liên quan cũng sẽ cập nhật thông tin và đề xuất BLD phương hướng triển khai thực hiện nhằm đảm bảo công tác hạch toán, quản lý nghiệp vụ nhằm tổ chức hạch toán kế toán thống kê đúng với Quy định hiện hành.

Theo Tổng cục Thuế Việt Nam từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023, đã có hơn 757 văn bản liên quan đến thuế tại mọi lĩnh vực, ngành nghề được ban hành trong năm nay. Trong đó tiêu biểu có thể kể đến Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội đang được GHC áp dụng và hoàn thiện hồ sơ giảm tiền thuế trong năm nay.

GEC 207-2 QUẢN LÝ THUẾ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

Để đảm bảo công tác quản lý thuế, các số liệu về thuế được hạch toán một cách chính xác. Theo Quy định thì UBKT là đơn vị giám sát đánh giá tính chính xác, trung thực của thông tin tài chính do Công ty cung cấp. Điều này được nêu rõ trong Điều lệ UBKT được ban hành ngày 19/03/2018 trong đó bao gồm các nhiệm vụ chính liên quan đến kiểm soát và QLRR về các thông tin tài chính.

Giám sát	Tính trung thực của thông tin tài chính, đặc biệt xem xét sự phù hợp và nhất quán của các chuẩn mực kế toán được sử dụng bởi Công ty và CTTV (ở cấp độ Báo cáo Hợp nhất).
Đánh giá	<p>Trường hợp cần thiết những ước lượng và đánh giá quan trọng trong các BCTC thông qua việc phỏng vấn BDH, KTNB và Kiểm toán bên ngoài về cơ sở họ đưa ra kết luận về tính hợp lý của các ước lượng của BDH.</p> <p>Các giải thích của BDH về các giao dịch bất thường hoặc các khác biệt đáng kể từ kết quả của năm trước hoặc Ngân sách của năm hiện tại.</p> <p>Thông tin từ KTNB và Kiểm toán bên ngoài có ảnh hưởng đến chất lượng của các BCTC (ví dụ điều chỉnh kiểm toán mang tính chất lượng trọng yếu tiềm năng và thực tế, công bố BCTC, sự không tuân thủ Pháp luật và Quy định, các vấn đề về KSNB).</p>
Rà soát	Các BCTC hàng năm, đánh giá tính đầy đủ và sự nhất quán với các thông tin về hoạt động và thông tin khác mà các Thành viên UBKT đã biết trước đó và thảo luận với BDH và Kiểm toán bên ngoài.
Thiết lập	Các chính sách rủi ro, tiêu chí và công cụ kiểm soát rủi ro cho tất cả các hoạt động của Công ty liên quan đến tất cả các loại rủi ro và trình HĐQT phê duyệt.

Nhằm đảm bảo chuyên nghiệp hóa trong công tác Kiểm soát và QLRR, GHC liên tục cập nhật, rà soát và ban hành các quy trình, quy chế mới phù hợp với thực trạng hoạt động một cách công bằng, khách quan thông qua các văn bản:

- (i) Quy chế đánh giá tuân thủ
- (ii) Quy chế KTNB
- (iii) Quy trình KTNB
- (iv) Cẩm nang KTNB.

Với trách nhiệm và vai trò của mình, hằng năm, định kỳ đại diện KTNB sẽ thông báo yêu cầu kiểm toán và thực hiện công tác kiểm toán đối với các hoạt động của nói chung và các số liệu về thuế nói riêng. Trường hợp phát hiện ra các điểm bất hợp lý trong số liệu về thuế, Bộ phận sẽ trao đổi và tương tác với đơn vị đồng thời yêu cầu điều chỉnh để đảm bảo đúng các yêu cầu của Pháp luật và hạn chế các rủi ro sai sót.

GRI 301-1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN BỐ

Lượng nước đầu vào

GHC đang sở hữu 02 NM Thủy điện với công suất thiết kế 28,2 MW tại tỉnh Gia Lai. NVL chính để vận hành là nguồn nước tự nhiên được dẫn từ sông Ayun về hồ chứa. Nguồn nước được sử dụng để tạo sức nước thông qua đập, ống dẫn nước, nước chảy làm quay cánh Tuabin, biến động năng của dòng nước thành điện năng. Nước sau khi chảy qua cánh Tuabin được trả về hạ lưu - dòng chảy tự nhiên ban đầu, cung cấp nước tưới tiêu dưới hạ lưu. Lưu lượng nước đổ về mạnh, đặc biệt là vào các tháng mùa mưa. Năm 2023 tổng lưu lượng nước khai thác đạt 483 triệu m³, đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất của các NM.

Stt	Nhà máy	Địa điểm	Công suất (MW)	Năm vận hành	Nguồn nước	Hiệu suất bình quân (Giờ)	Giảm thải CO2 2010-2023 (tấn)
1	H'Chan	Gia Lai	12	2006	Sông Ayun	4.900	599.009
2	H'Mun	Gia Lai	16,2	2010	Sông Ayun	4.200	754.262
Tổng cộng		1 tỉnh	28,2		1 Sông	4.000 - 5.000	1.353.271

Năng lượng Mặt trời

NL từ ánh sáng MT được chuyển từ quang năng thành Điện năng, và được biết đến là nguồn NLTT sạch nhất và dồi dào nhất hiện có và Việt Nam là nước có tài nguyên NL MT phong phú do tài nguyên ĐMT của Việt Nam khá dồi dào với nguồn bức xạ nhiệt khoảng 2.056 kW/m²/năm và kéo dài từ các tỉnh miền Trung đến khu vực ĐBSCL. Nắm bắt được công nghệ sạch và tiềm năng to lớn của Năng lượng Mặt trời, GHC đã bảo đảm việc hoạt động hiệu quả 01 NMĐMT công suất 49 MWp và 03 hệ thống ĐMT Áp mái với tổng công suất 2,6 MWp. Trong năm 2023, sản lượng ĐMT đóng góp 74 triệu kWh. Hiệu được loại hình NL này phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, vị trí các NM sản xuất điện của GHC được ưu tiên phát triển ở những vùng có số giờ nắng từ cao đến rất cao và tỷ lệ bức xạ từ tiềm năng đến rất tiềm năng. Các Nhà máy đặt tại các tỉnh thành khác nhau đảm bảo tối ưu công suất hoạt động của các Nhà máy của GHC.

Stt	Nhà máy	Địa điểm	Công suất (MWp)	Năm vận hành	Giờ nắng/năm	Bức xạ (kWh/m ² /ngày)	Giảm thải CO2 2018-2023 (Tấn)
1	Hàm Phú 2	Bình Thuận	49	2019	2.520	5,3	323.383
2	Áp mái	Gia Lai, Hậu Giang, Sóc Trăng	2,6	2029	2.200	5,2	4.903
Tổng cộng		04 tỉnh	51,6		2.000-2.520	5,2-5,3	328.286

Chủ đề trọng yếu

- Hội nghị COP27 với thông điệp xuyên suốt "cùng nhau hành động", nhấn mạnh các ưu tiên của năm 2022, cần hành động, chuyển đổi các cam kết, các tuyên bố thành những kết quả và hành động cụ thể.
- Việt Nam đã nộp Đóng góp do Quốc gia tự quyết định về cam kết với ứng phó biến đổi khí hậu (NDC) cập nhật lần thứ 2, phản ánh các hành động cụ thể cần thực hiện từ nay tới năm 2030 phù hợp với lộ trình đạt phát thải ròng bằng 0 và cam kết giảm 30% phát thải khí metan so với năm 2020.

Phương pháp Quản trị

- Giai đoạn 2021-2025, GHC sẽ tiếp tục phát triển các NM điện sử dụng đa dạng hóa các nguồn NLTT từ Nước, Năng, Gió, Rác... để ổn định, phát triển hoạt động SXKD, góp phần giảm phát thải CO2 và ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu.
- Thường xuyên cập nhật các Chính sách, Luật, ND, TT... về Thuế để đảm bảo tính kịp thời và đúng đủ.



VẬT LIỆU

Vật liệu không thể tái tạo

Không sử dụng vật liệu không thể tái tạo.

Vật liệu có thể tái tạo

Nước, Mặt trời

MÔI TRƯỜNG SỐNG XANH

GHC phân tích **7/7** chỉ tiêu,
chiếm tỷ trọng **100%** chỉ tiêu
của Khoản mục môi trường.

GRI	NỘI DUNG THÔNG TIN	GHC PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
GRI 301	Vật liệu	☑	Trang 40
GRI 302	Năng lượng	☑	Trang 41
GRI 303	Nước và nước thải	☑	Trang 42
GRI 304	Đa dạng sinh học	☑	Trang 44
GRI 305	Phát thải	☑	Trang 46
GRI 306	Nước thải và Môi trường	☑	Trang 48
GRI 308	Đánh giá Nhà cung cấp về Môi trường	☑	Trang 49



NĂNG LƯỢNG

Chủ đề trọng yếu

- Sử dụng những nguồn nhiên liệu, năng lượng: điện, dầu, xăng, ... phục vụ cho việc sinh hoạt và vận hành Nhà máy
- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn nhiên liệu, năng lượng để giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường

Phương pháp Quản trị

- GHC định mức sử dụng nguyên, nhiên vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế, thực hiện tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường.
- Tận dụng nguồn điện tự sản xuất từ NLTT của Công ty để tự dùng trong hoạt động SXKD, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tránh sử dụng lãng phí.
- Lọc dầu để tái sử dụng tối đa.

GRI 302-1: TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC

Năm 2023, sản lượng điện tăng trưởng hơn so với năm 2022 do điều kiện thời tiết thuận lợi cho thủy điện. Sản lượng của TĐ là 134 triệu kWh, tăng 3,2% so với năm 2022, ĐMT nổi lưới là 71 triệu kWh, thấp hơn 3% so với năm 2022, Áp mái là 3,3 triệu kWh, giảm 3% so với năm 2022. Công ty thống kê lượng điện tiêu thụ tại các NM hàng tháng để tính sản lượng điện tiêu thụ/sản lượng điện phát tại các NM. Kiểm soát, theo dõi lượng điện tiêu thụ bình quân tại các NM và có biện pháp kiểm soát phù hợp nếu có phát hiện sự bất thường. Lượng điện tiêu thụ năm 2023 của GHC mua từ EVN là 0,52 triệu kWh - tương đương với 0,25% sản lượng điện của GHC cung cấp cho EVN trong năm 2023, giảm 4% so với năm 2022.

GRI 302-4: GIẢM TIÊU HAO NĂNG LƯỢNG

Lượng giảm tiêu hao Năng lượng

Công nghệ lọc Dầu - tiết kiệm nguyên liệu đầu vào, giảm tiêu thụ Năng lượng điện

Loại Năng lượng giảm tiêu hao

Ước tính trong cùng thời gian hoạt động, việc sử dụng Dầu sau khi được lọc giúp NM hoạt động mang lại hiệu quả cao, các thiết bị điện đảm bảo hệ số an toàn hoạt động thống kê lượng điện tiêu thụ tại các NM so với lượng điện sản xuất ra.



NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

Chủ đề trọng yếu

- Tài nguyên nước là thành phần môi trường gắn liền với sự tồn tại, phát triển mọi sự sống trên địa cầu. Nước có vai trò to lớn đối với đời sống con người. Trong cuộc sống hằng ngày, con người khai thác, sử dụng, tác động tới nước. Tuy nhiên, hiện trạng tài nguyên nước đang ngày một xấu đi, trước tình hình đó đặt ra yêu cầu phải bảo vệ tài nguyên nước.
- GHC sử dụng tài nguyên nước để sản xuất điện năng dựa vào sự chuyển động của dòng nước

Phương pháp Quản trị

- Công ty hoàn toàn tuân thủ theo quy định của Pháp luật hiện hành về việc khai sử dụng tài nguyên nước như: Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất cho toàn bộ các NM sản xuất Điện; sử dụng đúng khối lượng nước đã được cấp phép; đảm bảo nguồn nước không bị ô nhiễm; và quan trọng hơn là tuân thủ quy định trong việc xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.
- Tuân thủ công tác báo cáo sử dụng nước mặt, giám sát nguồn nước bằng việc quan trắc môi trường định kỳ.
- Thực hiện các nghĩa vụ pháp luật, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước hàng năm

GRI 303-1: TƯƠNG TÁC VỚI NƯỚC NHƯ MỘT NGUỒN TÀI NGUYÊN CHUNG

Các NM Thủy điện sử dụng sức nước để quay Tuabin và tạo ra điện, do đó để tạo ra sản lượng điện càng lớn thì việc sử dụng lượng nước cũng tỷ lệ thuận theo. Việc tích nước và khai thác nước không đảm bảo và quá mức quy định có thể dẫn tới ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước ở những khu vực nhất định (nhất là cạn kiệt các mạch nước ngầm). Công ty luôn chú trọng đảm bảo sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm, không gây lãng phí, đảm bảo lợi ích cho GHC và các BLQ.

Cụ thể, mỗi NM sử dụng Tài nguyên nước đều được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bởi Cơ quan chức năng có thẩm quyền. Công ty luôn tuân thủ mọi điều khoản trong giấy phép, khai thác đúng lưu lượng, hàng năm thực hiện quan trắc chất lượng nước, định kỳ gửi báo cáo về cho Cơ quan quản lý. Đặc thù các NM Thủy điện là nằm trên dòng sông, suối đều có thượng lưu và hạ lưu, vì vậy, các NM còn luôn tuân thủ quy trình vận hành an toàn hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa, đảm bảo chia sẻ nguồn nước với các NM khác ở cùng dòng chảy và đảm bảo an toàn cho người dân sinh sống ở phía hạ lưu. Các NM Thủy điện của GHC đều tuân thủ việc truyền dữ liệu quan trắc Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn tại các NM đến Cục Quản lý Tài nguyên nước, Tổng cục Khí tượng thủy văn để đảm bảo các Cơ quan chức năng thực hiện kiểm soát điều tiết nguồn nước và dự báo chính xác tình hình khí tượng thủy văn.

Bên cạnh đó, các NM Thủy điện của Công ty có hồ chứa cũng được coi như vùng đất ngập nước nhân tạo. Các vùng đất ngập nước có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho con người, từ lọc nguồn nước và cung cấp nước, đến việc giảm thiểu lũ lụt, lưu giữ nước mưa, cung cấp nguồn nước cho cộng đồng hạ lưu vào mùa hạn hán, duy trì đa dạng sinh học và lưu trữ carbon. Những vùng đất ngập nước này cần được sử dụng bền vững, hài hòa với lợi ích thiên nhiên. Quản lý tốt nguồn nước mặt được giao để khai thác, sử dụng cũng là quản lý một phần môi trường sống cho con người và các quần thể sinh vật cũng như duy trì nguồn nước ngọt sẵn có, cung cấp nguyên liệu cho nền kinh tế.

GRI 303-2: QUẢN LÝ CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Tất cả các NM của GHC không phát sinh về nước thải công nghiệp, chỉ phát sinh duy nhất nước thải sinh hoạt của CBNV trực và vận hành các NM. Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại ba ngăn và được xử lý theo phương pháp vi sinh kỵ khí và hiếu khí.

Nước thải sau khi được xử lý đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật thì được thải vào nguồn tiếp nhận. Các NM quan trắc môi trường nước định kỳ, đảm bảo tuân thủ theo đúng đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

GRI 303-3: NƯỚC ĐẦU VÀO

3 loại hình NM NLTT chính của GHC là Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái đều có liên quan đến việc sử dụng Tài nguyên nước. Lượng nước đầu vào được sử dụng trong công tác sản xuất tại các NM Thủy điện là nước chạy quay cánh Tuabin để phát điện, Điện Mặt trời và Áp Mái là nước rửa làm sạch tấm pin để tối ưu công suất NM. Công ty tuân thủ việc đóng thuế tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt cho 02 NM Thủy điện, nước ngầm cho 01 NM Điện Mặt trời).

Lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt của CBNV tại các NM là nước giếng khoan và nước máy. Công ty tiến hành xử lý để chất lượng nguồn nước đạt tiêu chuẩn QCVN 02:2009/BYT. Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các chỉ tiêu chất lượng đối với nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt, không sử dụng để ăn uống trực tiếp nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe cho người lao động tại NM. Định kỳ hàng năm, GHC đã phân tích chất lượng nước sinh hoạt tại các NM - kết quả kiểm định đạt so với Quy chuẩn hiện hành.

GRI 303-4: NƯỚC THẢI

Xét về tính chất hoạt động, Công ty có 2 nguồn nước thải là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Đối với nước thải sinh hoạt được phát sinh từ Khối Văn phòng, các NM đang vận hành và các DA triển khai trong năm. Toàn bộ lượng nước thải này đều được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn. Đối với DA, công nhân của Nhà thầu có thể sử dụng các nhà vệ sinh lưu động, định kỳ được hút bùn từ các bể tự hoại.

Đối với nước thải sản xuất, ở các NM Thủy điện, nguyên tắc để tạo ra điện bằng nước là sử dụng nguồn nước mặt để chạy Tuabin và tạo ra điện, sau đó nước được xả vào hạ lưu và hoàn trả vào dòng chính (sông, suối). Vì vậy nước thải sản xuất là không có, nước hoàn toàn trả lại cho hạ lưu là nước có chất lượng như thượng nguồn đầu vào. Tuân thủ theo chương trình giám sát môi trường trong đánh giá tác động môi trường, định kỳ các NM thực hiện phân tích chất lượng nước ở hạ lưu để kiểm soát chất lượng nguồn nước, đảm bảo nguồn nước ở hạ lưu đạt chất lượng nước phục vụ tưới tiêu nông sản cho người dân. Ở các NM Điện Mặt trời, có sử dụng nước để rửa tấm pin Năng lượng, tuy nhiên lượng nước này chỉ chứa cát, bụi và xác thực vật, hoàn toàn không chứa các chất độc hại. Như vậy, mọi nguồn nước thải của Công ty đều không chứa các chất độc hại và đều đảm bảo xử lý tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật trước khi thải ra môi trường.

GRI 303-5: NƯỚC TIÊU THỤ

Công ty chú trọng đảm bảo nguồn nước tiêu thụ trong toàn bộ nơi làm việc đều đạt tiêu chuẩn quy định, kể cả nước sản xuất và nước ăn uống sinh hoạt. Đối với nước phục vụ công tác sản xuất, các NM Thủy điện định kỳ 3 tháng/lần đều lấy mẫu phân tích nước ở lòng hồ chứa - là thượng lưu để nước chảy về tổ máy phát điện, đảm bảo kiểm soát chất lượng nước trước khi vào Tuabin đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Ở các NM ĐMT, định kỳ thực hiện lấy mẫu nước dưới đất nhằm kiểm soát chất lượng nước giếng theo QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Đối với nước phục vụ ăn uống, sinh hoạt, ngoại trừ các địa điểm sử dụng nước bình, còn lại đối với các NM, địa điểm sử dụng nước mưa, nước suối thì Công ty đều thực hiện phân tích chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, đảm bảo chất lượng nước đạt QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế.



ĐA DẠNG SINH HỌC

Chủ đề trọng yếu

- Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường sinh thái để phát triển kinh tế luôn được GHC quan tâm hàng đầu.
- Những DA GHC đầu tư luôn có sự hài hòa giữa 3 yếu tố: Kinh tế - Xã hội - Môi trường trong từng giai đoạn phát triển.

Phương pháp Quản trị

- Đánh giá đa dạng sinh học thông qua những công cụ và biện pháp cụ thể như công cụ IBAT (Integrated Biodiversity Assessment Tool) - Công cụ hỗ trợ giảm ảnh hưởng đến các khu bảo tồn và những loài có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng nhằm mục đích đảm bảo cân bằng hệ sinh thái - một trong những yếu tố về môi trường của bộ 3 PTBV Kinh tế, Xã hội và Môi trường.
- Tận dụng các chức năng sẵn có của Website <https://e-bird.org/> - trang Web hàng đầu về thống kê tần suất xuất hiện những loài Chim từng khu vực từ những nghiên cứu của các chuyên gia trong lĩnh vực để nhìn nhận khách quan hơn về đa dạng sinh học của DA trong quá trình đầu tư.
- Sử dụng phần mềm AVISOFT SASLab Pro (<http://www.avisoft.com>) để đo các thông số âm thanh Dơi để xác định loài và đếm tất cả các cuộc đọ sức của loài Dơi.

GRI 304-2: TÁC ĐỘNG ĐÁNG KỂ CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI ĐA DẠNG SINH HỌC

GHC chỉ đầu tư vào các DA thuộc loại B và C và tuân thủ theo “Danh sách loại trừ” khi đầu tư hoặc M&A DA

TT	DA đã tiến hành đánh giá E&S theo Tiêu chuẩn IFC	Đánh giá tác động đến E&S	Xếp hạng Tiêu chuẩn IFC	Tình trạng tuân thủ hiện tại các NM
1	02 NM Thủy điện: H’Chan, H’Mun	<ul style="list-style-type: none"> Hệ sinh thái trên cạn (các loài Chim quan trọng), dưới nước (các loài cá, sinh vật thủy sinh, động vật đáy...). Cộng đồng địa phương xung quanh NM, dưới hạ lưu. 	B	Duy trì tuân thủ và thực hiện Hệ thống quản lý E&S tại các NM. <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đánh giá E&S bởi bên thứ 3 định kỳ 2 năm/lần trong vòng 6 năm từ năm 2022-2028 Nâng cấp hệ thống quản lý E&S (ESMS) Thực hiện kế hoạch quản lý E&S (ESAP) đã cam kết thực hiện Báo cáo định kỳ hàng năm về E&S theo tiêu chuẩn của IFC Đào tạo cán bộ liên lạc Cộng đồng (CLO) Đào tạo ESMS cho CBNV theo tiêu chuẩn IFC Báo cáo sự cố E&S khi phát sinh
2	01 NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2	<ul style="list-style-type: none"> Hệ sinh thái trên cạn (các loài Chim quan trọng). Cộng đồng địa phương xung quanh NM. 	B	

Loại A: Các DA tiềm ẩn những rủi ro và/hoặc tác động xấu đáng kể, đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa từng có đến Môi trường hoặc Xã hội

Loại B: Các DA có thể gây ra tác động Xã hội hoặc Môi trường bất lợi nhưng các tác động này được giới hạn trong phạm vi của DA và có thể dễ dàng phục hồi và giải quyết được bằng các biện pháp quản lý và giảm thiểu

Loại C: Các DA ít hoặc không có rủi ro và/hoặc tác động xấu đến Môi trường hoặc Xã hội.

Một trong các nhiệm vụ quan trọng trong quá trình tiền xây dựng các DA của GHC là đánh giá đa dạng sinh học nhằm mục đích bảo vệ nguyên vẹn hệ sinh thái sẵn có. Đặc thù các NMTĐ của GHC đã được xây dựng từ thời gian trước, nhưng tất cả đều có Đánh giá tác động môi trường của NM. Tất cả các NM đều tiến hành Quan trắc môi trường định kỳ, lắp đặt và kết nối dữ liệu Khí tượng Thủy văn đối với các NMTĐ từ 3 MW trở lên về Cục Quản lý Tài nguyên nước và về Sở Tài nguyên Môi trường các Tỉnh đối với dưới 3 MW. Toàn bộ các NMTĐ khi thực hiện quan trắc môi trường đều đạt Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt tại các vị trí kênh, hồ và hạ lưu.

GHC đã đánh giá tác động Môi trường và Xã hội (E&S) theo tiêu chuẩn hoạt động của IFC cho NM ĐMT Hàm Phú 2 với kết quả xếp loại B theo chuẩn của IFC. Sau khi đánh giá E&S, bản đánh giá tóm tắt được công bố đến địa phương nhằm thông báo cho cộng đồng xung quanh nắm rõ các thông tin, cũng như tuân thủ Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội trong giai đoạn vận hành.

Dự án loại B có nghĩa là các DA có thể gây ra tác động Xã hội hoặc Môi trường bất lợi nhưng các tác động này được giới hạn trong phạm vi của DA và có thể dễ dàng phục hồi và giải quyết được bằng các biện pháp quản lý và giảm thiểu.



PHÁT THẢI

Chủ đề trọng yếu

- Với phương châm là phát triển Xanh, xanh hóa các nguồn năng lượng. GHC tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng công nghệ Năng lượng sạch trong sản xuất
- Bảo đảm hoạt động sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm Năng lượng
- Bảo đảm việc khai thác, sử dụng Năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả

Phương pháp Quản trị

- Với vai trò là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực Năng lượng tái tạo và là Công ty có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, GHC luôn đảm bảo tuân thủ tuyệt đối những quy định của Pháp luật về Môi trường
- Những hành động thiết thực được áp dụng, ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu sạch, giảm tối đa lượng phát thải nhà kính độc hại ra môi trường.
- Không phát triển các Nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

GRI 305-1: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP

Phạm vi 1 - TRỰC TIẾP: Công ty không trực tiếp phát thải Khí thải nhà kính từ các hoạt động SXKD của Công ty do các NM chỉ sử dụng duy nhất các loại NLTT để sản xuất điện, không sử dụng bất kỳ Năng lượng không tái tạo (Dầu mỏ, khí đốt, than đá... để sản xuất điện).

GRI 305-2: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP

Phạm vi 2 - GIÁN TIẾP: Khí thải nhà kính phát sinh từ lượng điện do Công ty mua lại từ EVN để vận hành các thiết bị điện trong NM và điện sinh hoạt.

Lượng phát thải khí nhà kính gián tiếp của Công ty được tính từ tổng lượng điện năng mua từ EVN để sử dụng trong sinh hoạt, SXKD tại các Văn phòng của Công ty, vận hành NM.

Trong năm 2023, Công ty đã mua Điện từ EVN với tổng sản lượng là 0,54 triệu kWh. Sản lượng điện do Năng lượng điện tái tạo cung cấp chiếm gần 50% so với Năng lượng điện không tái tạo tại Việt Nam trong năm 2023. Do đó với sản lượng điện mua từ EVN sẽ tương đương với lượng phát thải gián tiếp là 0,19 tấn CO₂, tương đương với phát thải gián tiếp 0,0002 grams CO₂/kWh sản lượng điện của Công ty bán cho EVN.

Với việc vận hành 3 NM NLTT và 03 điện mặt trời áp mái đã giảm phát thải CO₂ năm 2023 khoảng 150.623 tấn, đưa lũy kế giảm phát thải khí Nhà kính của GHC giai đoạn 2010-2023 là 1,7 triệu tấn.

GRI 305-5: GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GREENHOUSE GAS - GHC)

Công ty gián tiếp giảm phát thải khí nhà kính cho các đơn vị hợp tác, trao đổi với Công ty thông qua việc bán Chứng chỉ Năng lượng sạch RECs. RECs là các đặc tính môi trường của điện được tạo ra từ các NM điện NLTT.

Đặc tính “xanh” của nguồn Năng lượng xanh hoặc NLTT - không thải ra khí Carbon. Để tạo ra RECs, DA NLTT cần phải được đăng ký theo tiêu chuẩn I-REC do Tổ chức Tiêu chuẩn REC Quốc tế phát triển và quản lý, cung cấp một hệ thống theo dõi thuộc tính điện mạnh mẽ.

Đặc tính “xanh” của nguồn Năng lượng xanh hoặc NLTT - không thải ra khí Carbon. Để tạo ra RECs, DA NLTT cần phải được đăng ký theo tiêu chuẩn I-REC do Tổ chức Tiêu chuẩn REC Quốc tế phát triển và quản lý, cung cấp một hệ thống theo dõi thuộc tính điện mạnh mẽ.

GRI 305-7: NITO OXIDE, SULFUR OXIDE VÀ CÁC KHÍ THẢI KHÔNG KHÍ ĐÁNG KỂ KHÁC

Các NM NLTT của Công ty phát sinh một lượng nhỏ khí thải gây hiệu ứng nhà kính từ việc sử dụng xăng/Dầu để vận hành máy bơm nước PCCC. Các khí phát thải trong khí thải của bơm nước PCCC có thể kể đến bao gồm: NOx, SO₂, POP, VOC, HAP, PM.

NOx

NOx là tên viết tắt của Nito Oxide Đây là một trong 7 loại khí độc, có khả năng gây ảnh hưởng mạnh đến sức khỏe con người, và môi trường

Ở những nơi có lưu lượng xe cơ giới cao thì nồng độ NOx cũng cao Tại những nơi có các hoạt động nông nghiệp, NM xử lý nước thải Nito oxide cũng xuất hiện với mức độ lớn

SO₂

SO₂ được tạo ra bởi các núi lửa và trong các quy trình sản xuất công nghiệp khác nhau Than và Dầu mỏ thường chứa các hợp chất lưu huỳnh, và sự đốt cháy của chúng tạo ra SO₂

SO₂ được xem là khí thải đặc trưng của các ngành công nghiệp sản xuất, cụ thể hơn là hoạt động đốt nhiên liệu hoá thạch tại lò luyện kim (72%)

Ngoài ra, các loại hình sản xuất khác cũng đóng góp một phần nhất định vào việc tạo ra khí SO₂ cụ thể xăng dầu (8%) vận chuyển (2%) các ngành công nghiệp khác (17%) và từ sinh hoạt của người dân (1%)

POP

POP là một nhóm hữu cơ, hoặc dựa trên carbon, hóa chất có độc tính cao và dai dẳng trong môi trường.

POPs được sử dụng như thuốc trừ sâu, được sử dụng bởi ngành công nghiệp, hoặc được tạo ra vô ý như sản phẩm phụ của quá trình công nghiệp hoặc đốt

VOC

Benzen: khối thuốc lá, trạm xăng, khí thải xe cơ giới và khí thải công nghiệp; keo, sơn, sáp đồ nội thất và chất tẩy rửa.

Formaldehyd: nhựa đúc, các sản phẩm hoàn thiện như sơn mài.

Toluen và xylene: keo, mực, thuốc nhuộm, sơn mài, thuốc tẩy, xăng.

Ethanol: Chất tẩy rửa thủy tinh, chất tẩy rửa máy rửa chén...

Butanal: Hình thành khi nướng thịt, đốt nến, đốt bếp lò hoặc chàm thuốc lá.

Dichlorobenzene: Băng phiến và các chất khử mùi khác trong quần áo khi lưu trữ chúng trong thời gian dài.

Terpen: Xà phòng và chất tẩy rửa.

Acetone: Tẩy sơn móng tay hoặc giấy dán tường hoặc một số loại sơn nội thất.

Metylen clorua: Chất tẩy sơn, dung môi aerosol và bình chữa cháy hóa học thì nồng độ NOx cũng cao.

HAP

Chất ô nhiễm không khí độc hại hoặc chất độc không khí, là những chất ô nhiễm được biết hoặc nghi ngờ gây ung thư hoặc các ảnh hưởng nghiêm trọng khác đến sức khỏe, chẳng hạn như ảnh hưởng đến sinh sản hoặc dị tật bẩm sinh hoặc các tác động xấu đến môi trường.

Ví dụ về các chất ô nhiễm không khí độc hại bao gồm: Benzen, được tìm thấy trong xăng; Perchloroethylene, được thải ra từ một số cơ sở giặt khô; Metylen clorua, được sử dụng làm dung môi và chất tẩy sơn trong một số ngành công nghiệp.

Ví dụ về các chất độc không khí được liệt kê khác bao gồm dioxin, amiăng, toluen và các kim loại như cadmium, thủy ngân, crom và các hợp chất chì.

PM

PM là viết tắt của các hạt ô nhiễm trong không khí có kích thước vi mô, hay gọi là hạt vật chất, thuật ngữ cho một hỗn hợp của hạt rắn và giọt chất lỏng được tìm thấy trong không khí.

Một số hạt phổ biến như bụi, bụi bẩn, bồ hóng, khói dễ dàng phát hiện bằng mắt thường, nhưng trong đó có hạt quá nhỏ chỉ có thể phát hiện thông qua kính hiển vi điện tử.

Động cơ xe, công trường xây dựng, ống khói và đám cháy.

Với đặc thù là ngành sản xuất điện tử các nguồn NLTT, Công ty không phát sinh hoặc phát sinh rất ít các chất khí trên vì không thuộc phạm vi hoạt động sản xuất có sử dụng nhiều đến các chất này.

GRI 306-4: HẠN CHẾ PHÁT SINH CHẤT THẢI

Công ty hiện nay đã áp dụng các biện pháp sau để hạn chế lượng chất thải được phát sinh như tuân thủ nghiêm ngặt việc phân loại rác thải tại nguồn để tái sử dụng các chất thải có thể tái chế được (nhựa, kim loại, giấy...), tái sử dụng giấy in 1 mặt, thực hiện tiết kiệm giấy in thông qua việc trình ký online các hồ sơ, thực hiện lọc lại Dầu thủy lực trong các NM Thủy điện để tái sử dụng nhiều lần, hạn chế Dầu thải...



NƯỚC THẢI VÀ MÔI TRƯỜNG

Chủ đề trọng yếu

- Sự gia tăng dân số cùng với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa ngày càng nhiều đã gây ra áp lực rất lớn đến Môi trường và Tài nguyên.

Phương pháp Quản trị

- Ý thức cao vấn đề bảo vệ môi trường thông qua những hành động thiết thực. Công ty luôn ưu tiên những công nghệ xử lý và quản lý chất thải theo loại, phù hợp với yêu cầu Pháp luật.
- Đối với chất thải: Thực hiện quản lý chất thải gồm Chất thải nguy hại, Chất thải sinh hoạt được Công ty thực hiện theo NĐ 38/2015/BTMT về quản lý chất thải và phế liệu, TT36/2015/TT-BTNMT về Quản lý Chất thải nguy hại.
- GHC được cấp Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2015 30/9/2021 và cam kết tuân thủ, tái đánh giá và cấp lại hàng năm.

Trong năm qua, tổng lượng phát sinh chất thải của Công ty có khối lượng nhiều hơn năm 2022 do các NM duy trì vận hành ổn định. Lượng chất thải không nguy hại - rác sinh hoạt có khối lượng 1,2 tấn phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của CBNV, các rác thải sinh hoạt này bao gồm lá cây, cành cây, túi nilon, giấy, gỗ... Các chất thải sinh hoạt được thu gom bởi các đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt của Địa phương và được đảm bảo xử lý đúng theo quy định của Pháp luật.

Lượng chất thải nguy hại phát sinh là 4 tấn bao gồm các loại giẻ lau nhiễm Dầu, Dầu thải, bình ác quy hỏng thải, pin, bóng đèn huỳnh quang... Các chất thải nguy hại được các NM ký hợp đồng xử lý với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Pháp luật. Chất thải nguy hại được Công ty xây dựng kho chứa hoặc khu vực chứa Chất thải nguy hại và các NM được trang bị các thùng chứa Chất thải nguy hại riêng biệt, được phân loại, dán nhãn theo quy định Pháp luật.

GRI 306-5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

100% tổng khối lượng chất thải phát sinh được phân loại, thu gom, tự xử lý và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Khối lượng chất thải được xử lý là tấn, trong đó 1,2 tấn chất thải không nguy hại và 4 tấn chất thải nguy hại. Do vị trí đặt các NM Thủy điện nằm tại các khu vực địa phương xa xôi, khó di chuyển, không có dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt, các NM Thủy điện của Công ty tiến hành đào hố chôn lấp rác sinh hoạt tại chỗ với tổng khối lượng là 1,2 tấn.

Đối với Chất thải nguy hại, Trong năm 2022 Công ty đã Hợp đồng với đơn vị thu gom có đủ hồ sơ năng lực về Pháp lý được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép, tiến hành thu gom cho 02 Nhà máy, với tổng khối lượng là gần 4 tấn.

Toàn bộ khối lượng chất thải của các NM được ghi nhận trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của các NM, riêng đối với Chất thải nguy hại được ghi nhận thêm bằng biên bản và chứng từ Chất thải nguy hại khi bàn giao cho đơn vị thu gom.



ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG

Chủ đề trọng yếu

- Kiểm soát rủi ro về E&S liên quan đến Nhà cung ứng, Nhà thầu.
- Đảm bảo hình ảnh của Công ty trong quá trình hợp tác với Nhà cung ứng, Nhà thầu
- Tuân thủ quy định của Pháp luật và các Tiêu chuẩn của IFC về E&S.
- Kiểm soát rủi ro về E&S liên quan đến Nhà cung ứng, Nhà thầu.

Phương pháp Quản trị

- Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp về mặt môi trường được đưa vào trong công tác xét thầu nhằm đảm bảo Công ty sẽ ký hợp đồng với những đơn vị đủ năng lực.
- Kiểm tra giấy phép, hồ sơ năng lực của các Nhà thầu.
- Ban hành VBLQ để đánh giá, lựa chọn Nhà cung ứng, Nhà thầu nhằm đảm bảo sự PTBV của Công ty.

GRI 308-1: CÁC NHÀ CUNG CẤP MỚI ĐÃ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ BẰNG CÁCH SỬ DỤNG CÁC TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

100% các nhà cung cấp thực hiện các công tác liên quan đến Môi trường của Công ty đều được đánh giá sơ bộ về năng lực thực hiện và đảm bảo đủ năng lực theo yêu cầu của Pháp luật hiện hành. Các gói thầu thực hiện bao gồm Quan trắc Môi trường, Quan trắc Môi trường lao động, Thu gom Chất thải nguy hại, Quan trắc nước ăn uống/sinh hoạt cho các NM sản xuất Điện của Công ty đều phải có đủ năng lực mới được xem xét ký hợp đồng. Bên cạnh đó, Công ty đã ban hành Hướng dẫn quản lý Nhà thầu trong đó:

- Phiếu đánh giá EHSS Nhà thầu - cung cấp các nguyên tắc và danh sách các tiêu chí để lựa chọn Nhà thầu về mặt môi trường
- Biên bản kiểm tra EHSS tại công trường - đảm bảo mọi sự cố về EHSS đều được ghi nhận và có hướng khắc phục khi Nhà thầu làm việc tại công trường
- Biên bản cuộc họp EHSS - định kỳ đánh giá lại công tác EHSS tại công trường
- Đánh giá hiệu quả EHSS sau dự án - đánh giá lại các vấn đề EHSS cần quan tâm và khắc phục của Nhà thầu
- Đánh giá có tiếp tục làm việc với Nhà thầu đó trong tương lai hay không

GRI 308-2: CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TIÊU CỰC TRONG CHUỖI CUNG ỨNG VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN

Công ty xây dựng quy trình đánh giá rủi ro Môi trường và Xã hội chuỗi cung ứng, nhà cung ứng chỉ được lựa chọn khi đạt được số điểm phù hợp đã quy định trong bảng đánh giá, sàng lọc nhà cung ứng. Phòng EHSS của Công ty chịu trách nhiệm đánh giá, sàng lọc các nhà cung ứng để đảm bảo tuân thủ theo Tiêu chuẩn của IFC về chuỗi cung ứng. Nhà cung ứng phải ký cam kết tuân thủ các quy định về Môi trường và Xã hội khi trở thành nhà cung ứng dịch vụ, sản phẩm cho Công ty. Công ty sẽ hủy bỏ hợp đồng với nhà cung ứng khi phát hiện nhà cung ứng không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các tiêu chí liên quan đến E&S và có khả năng tác động tiêu cực đến E&S trong quá trình thực hiện hợp đồng.

XÃ HỘI BÌNH ĐẲNG

GHC phân tích **5/19** chỉ tiêu, chiếm **57%** tỷ trọng trong tổng 19 chỉ tiêu GRI của Khoản mục Xã hội

GRI	NỘI DUNG THÔNG TIN	GHC PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
GRI 401	Việc làm	☑	Trang 41
GRI 402	Mối quan hệ Lao động/Quản lý		
GRI 403	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	☑	Trang 54
GRI 404	Giáo dục và Đào tạo	☑	Trang 55
GRI 405	Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng	☑	Trang 56
GRI 406	Không phân biệt đối xử		
GRI 407	Tự do lập hội/Quyền tham gia Công đoàn và thương lượng tập thể		
GRI 408	Lao động trẻ em		
GRI 409	Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc		
GRI 410	Thông lệ về an ninh		
GRI 411	Quyền của người bản địa		
GRI 412	Đánh giá quyền con người		
GRI 413	Cộng đồng Địa phương	☑	Trang 57
GRI 414	Đánh giá Nhà cung cấp về mặt Xã hội		
GRI 415	Chính sách công		
GRI 416	Sức khỏe và An toàn của khách hàng		
GRI 417	Tiếp thị và nhãn hiệu		
GRI 418	Quyền bảo mật thông tin		
GRI 419	Tuân thủ kinh tế - Xã hội		





VIỆC LÀM

Chủ đề trọng yếu

- Chính sách và phúc lợi để duy trì nhân sự giỏi được đặc biệt quan tâm.
- Thu hút lao động trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết, gắn bó lâu dài.
- Đảm bảo Giá trị cốt lõi "Tâm - Tâm - Tài".

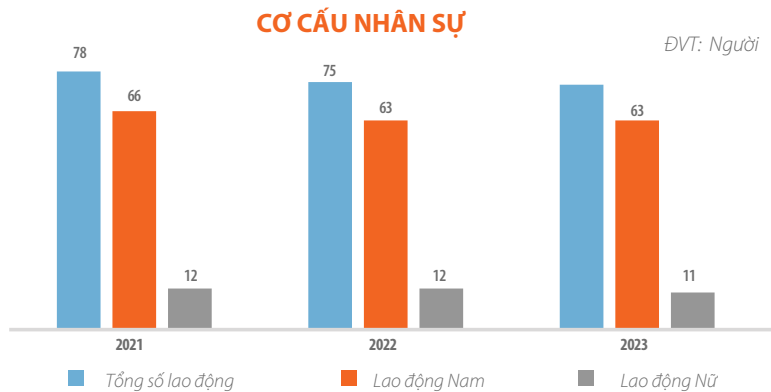
Phương pháp Quản trị

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về phúc lợi, bảo hiểm, thời gian làm việc cho người lao động theo quy định Việt Nam.
- Bộ chỉ tiêu đo lường hiệu quả công việc - KPI đi vào vận hành đảm bảo sự công bằng trong việc đánh giá CBNV định kỳ làm cơ sở thực hiện các chính sách đãi ngộ về lương, thưởng, chế độ, phúc lợi tương xứng.

GRI 401-1: SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC

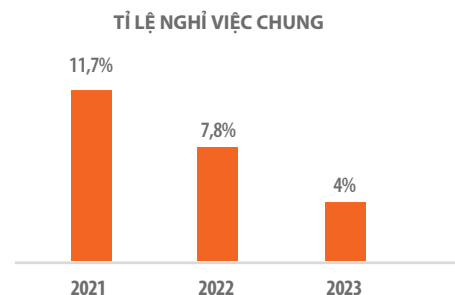
Để thu hút nhân tài và để thúc đẩy CBNV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, GHC luôn chú trọng đến việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, duy trì các chính sách lương thưởng kịp thời, đặc biệt đối với các CBNV hoàn thành vượt chỉ tiêu được giao, qua đó thúc đẩy tinh thần chủ động và trách nhiệm với công việc. Trong năm 2023, GHC tuyển dụng mới 02 ứng viên, chủ yếu để thay thế Nhân sự nghỉ việc.

Lực lượng cốt lõi đang vận hành các NM hiện tại ít có sự biến động. Độ tuổi ứng viên được tuyển dụng trong những năm gần đây có xu hướng trẻ hóa. Xu hướng tuyển dụng này phù hợp với nhu cầu nhân sự năng động, thích nghi nhanh với sự thay đổi, đồng thời thể hiện sự quan tâm của BLĐ GHC trong việc chuẩn bị đội ngũ kế thừa hướng đến mục tiêu phát triển dài hạn.



GHC cũng luôn chú trọng nâng cao chế độ đãi ngộ và điều kiện phát triển để tạo niềm tin cho người lao động gắn bó lâu dài cùng Công ty, góp phần duy trì ổn định nguồn nhân lực.

Tỷ lệ nhân sự nghỉ việc chung năm 2023 chiếm khoảng 4% trên tổng số CBNV, giảm dần và thấp nhất trong 3 năm (2022 là 7,8%, 2021 là 11,7%). Tỷ lệ này khá thấp so với nhiều Đơn vị/Công ty trên thị trường lao động trong bối cảnh nền kinh tế năm 2023.



**GRI 401-2:
PHÚC LỢI
CUNG CẤP
CHO NHÂN VIÊN
TOÀN THỜI GIAN
KHÔNG DÀNH CHO
NHÂN VIÊN TẠM THỜI
HOẶC BÁN THỜI GIAN**

Chế độ phúc lợi cố định

Đảm bảo chế độ đãi ngộ, phúc lợi và lương thưởng xứng đáng với từng vị trí. Tiền lương cơ bản chi trả cho CBNV cao hơn ít nhất 30% mức lương tối thiểu Vùng.

Người Lao động được bổ sung phép thâm niên khi đủ điều kiện, cứ mỗi 5 năm được thêm 2 ngày phép hàng năm, chế độ ưu đãi cao hơn Quy định của Luật Lao động hiện hành (5 năm được 1 ngày phép).

Ngoài các Ngày Lễ Tết theo quy định hiện hành, CBNV được quyền nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên tiền lương theo Quy định của Công ty: Kết hôn nghỉ 3 ngày; Con đẻ, con nuôi kết hôn nghỉ 1 ngày; Bố mẹ đẻ/Bố mẹ nuôi mất, Bố mẹ vợ/chồng mất, Bố mẹ nuôi của vợ/chồng mất, Vợ hoặc chồng mất, con đẻ, con nuôi mất nghỉ 3 ngày; Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột mất, cha hoặc mẹ kết hôn, anh, chị, em ruột kết hôn nghỉ 1 ngày.

Chế độ Bảo hiểm Y tế được thực hiện đầy đủ đối với CBNV, đảm bảo hỗ trợ đăng ký nơi khám và chữa bệnh phù hợp với nhu cầu cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi khi khám và chữa bệnh. CBNV nghỉ ốm đau, thai sản theo chế độ của Nhà nước được chi trả chế độ BHXH theo quy định hiện hành của Nhà nước.

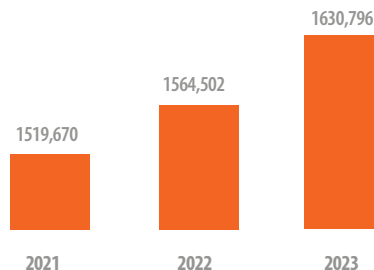
Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm bắt buộc theo quy định đối với CBNV. Tổng chi phí 32% Bảo hiểm bắt buộc và 3% Chi phí công đoàn đã đóng 2023 là hơn 1,6 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2022.

Mở rộng các chế độ phúc lợi khác: Sinh nhật, Kết hôn, Sinh con, Quốc tế Phụ nữ (8/3), Quốc tế Thiếu Nhi (1/6), Trung thu, Phụ Nữ Việt Nam (20/10). Năm 2023, GHC chi 1,1 tỷ đồng quà sinh nhật, lễ, tết và chi phí khác...

Thực hiện các chính sách khen thưởng hợp lý và kịp thời bao gồm tháng 13, thưởng KPI cuối năm. Dựa trên kết quả Đánh giá hiệu quả công việc thực hiện chi thưởng cuối năm cho cá nhân và tập thể xuất sắc trong năm 2023 với tổng quỹ chi thưởng là gần 1 tỷ đồng. Quỹ thưởng Hiệu quả công việc và lương tháng 13 kế hoạch cho năm 2024 dự kiến tương đương năm 2023.

BẢO HIỂM BẮT BUỘC (BAO GỒM CÔNG ĐOÀN) 2021- 2023

ĐVT: Triệu đồng



**GRI 401-3:
NGHỈ THAI SẢN**

Lao động nữ được đảm bảo nghỉ thai sản theo đúng quy định của Pháp luật. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên nữ vẫn được hưởng đầy đủ các chính sách nhân sự như lương thưởng, khám sức khỏe định kỳ và quà thăm hỏi với định mức cụ thể trong Quy định chế độ dành cho NLD.

Chế độ phúc lợi bổ sung

Bên cạnh tiền lương cơ bản hàng tháng được chi trả, Công ty còn chi trả bổ sung Thưởng hiệu quả công việc/Khoản Doanh thu

Đối với Khối ngoài Sản xuất: Xây dựng phương án đánh giá thưởng hiệu quả công dựa trên cả đánh giá KPI Công việc và KPI Hành vi, nâng cao tinh thần làm việc chuyên nghiệp.

Đối với Khối Sản xuất: Thực hiện xây dựng chính sách tiền lương bổ sung đối với DT bị khống chế do nguyên nhân khách quan để đảm bảo ổn định thu nhập cho CBNV.

Hàng năm tổ chức Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp đối với CBNV theo từng hạng mức cụ thể

Trong năm 2023 ghi nhận chi phí 133 triệu đồng khám sức khỏe, bệnh nghề nghiệp định kỳ - tăng 46% so với năm 2022. Phối hợp với Tổ chức công đoàn thường xuyên quan tâm hỏi thăm, chăm lo tới đời sống của CBNV

Công ty đã kết hợp với Tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt xây dựng và triển khai các chương trình, gói Bảo hiểm sức khỏe ưu việt dành riêng cho CBNV;

Mở rộng chế độ bảo hiểm sức khỏe đối với Bạc 5.1 trở xuống: Bảo hiểm thân thể/tai nạn; Bạc 4.3 trở lên: Bảo hiểm sức khỏe; Bạc 4.1 trở lên, 3 năm thâm niên: Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe cho Người thân CBQL cấp cao, Người thân CBNV với giá ưu đãi

Vào các dịp Lễ/Tết truyền thống, tùy vào tình hình SXKD, Công ty sẽ có quà tặng đến từng CBNV. Phát động và tổ chức các phong trào tăng tính giao lưu và kết nối giữa các Phòng Ban; BLĐ tặng quà sinh nhật; Tặng hoa và quà cho nhân viên nữ dịp 8/3, 20/10; Tặng quà tết thiếu nhi và trung thu...

BLĐ cũng rất quan tâm tâm lý người lao động. Đây là một yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất làm việc. Thông qua ngân sách 345 triệu đồng để tổ chức teambuilding cho CBNV có dịp nghỉ ngơi tái tạo sức lao động và giao lưu trao đổi kinh nghiệm, tương đương với năm 2022.

Chế độ phúc lợi khác

Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và bình đẳng không phân biệt đối xử giới tính trả lương công bằng theo hiệu quả công việc và tạo điều kiện học tập nâng cao nghiệp vụ và cơ hội thăng tiến công bằng nam/nữ

Tổ chức Hội nghị Người Lao động hàng năm nhằm ghi nhận những ý kiến phản hồi từ người lao động để tăng cường mối quan hệ giữa cấp Lãnh đạo và nhân viên

Quyên góp giúp đỡ các đồng nghiệp gặp hoạn nạn khó khăn quyên góp sách vở ủng hộ các vùng còn khó khăn

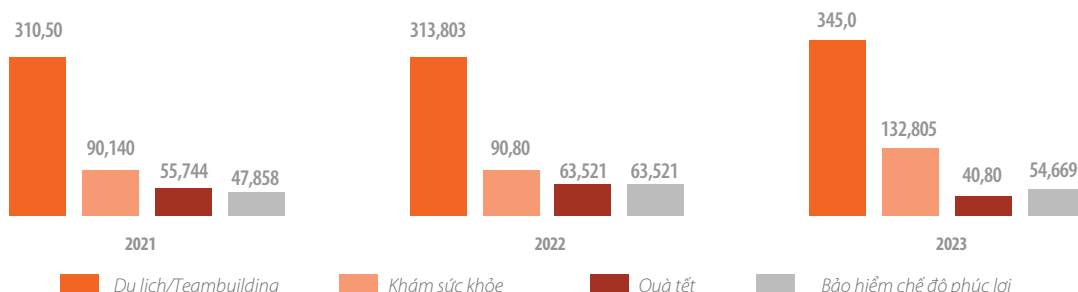
Phụ cấp độc hại bằng hiện vật đối với CBNV tham gia công tác vận hành NM Thủy điện

Tại các NM sản xuất, đầu tư khu thể thao đầy đủ cơ sở vật chất, nơi mọi CBNV có thể thường xuyên tập luyện, rèn luyện sức khỏe. Hỗ trợ nơi ở và phương tiện đi lại đối với các khu vực NM xa khu dân cư.

Các chế độ khen thưởng đột xuất để động viên và nâng cao tinh thần làm việc của CBNV: Khen thưởng đột xuất Tập thể/Cá nhân; Thưởng vượt kế hoạch; Thưởng CBNV có thâm niên làm việc đạt các mốc 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm ... CBNV đóng góp vào quá trình triển khai DA Năng lượng; Hỗ trợ mua ô tô/mua nhà, Hỗ trợ điều trị bệnh nội/ngoại trú, Dịch vụ nghỉ dưỡng đặc biệt; Chế độ hỗ trợ đối với Cán bộ Trung Kiên...

CHI PHÍ PHÚC LỢI BỔ SUNG 2021 - 2023

DVT: Triệu đồng



Sau khi trở lại làm việc, CBNV được BLĐ hỗ trợ phân công nhiệm vụ cùng với thời gian làm việc phù hợp để tiện chăm sóc con nhỏ. Trong năm 2023, GHC có 1 nhân viên nữ nghỉ thai sản.

Sau khi nhân viên nữ nghỉ hết chế độ thai sản, Công ty cùng Bộ phận Công đoàn luôn tạo điều kiện để quay lại làm việc với vị trí cũ. Tỷ lệ nhân viên nữ quay trở lại làm việc tương ứng tỉ lệ 100%.



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Chủ đề trọng yếu

- Các yếu tố nguy hiểm, có hại như làm việc trên cao, điện từ trường, độ ồn, di chuyển thiết bị siêu trường siêu trọng, nâng hạ các máy, thiết bị có tải trọng lớn, đóng cắt, sửa chữa các thiết bị điện...
- Quy trình làm việc đòi hỏi khắt khe về người vận hành có kiến thức, kinh nghiệm, tập trung cao tạo ra môi trường làm việc với nhiều thử thách.

Phương pháp Quản trị

- Khuyến khích CBNV, NM chủ động báo cáo mọi mối nguy, sự cố, tai nạn về An toàn và Sức khỏe tại nơi làm việc và đưa ra các đề xuất để cải thiện, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro.
- Tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Tiêu chuẩn hoạt động về E&S của IFC và các quy định khác có liên quan để quản lý tốt công tác EHSS.
- GHC luôn nỗ lực để nhận diện, phát hiện những mối nguy, kiểm soát những rủi ro này và giảm thiểu rủi ro đến mức chấp nhận được

GRI 403-1 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Hệ thống quản lý E&S được xây dựng, áp dụng tuân thủ, đánh giá và cải tiến liên tục từ năm 2016 đến nay, bao gồm 36 VBLQ về Chính sách; Đánh giá các rủi ro, tác động của rủi ro và các biện pháp kiểm soát; Các chương trình quản lý; Nguồn lực và Năng lực của tổ chức; Sự chuẩn bị ứng phó với tình huống khẩn cấp; Quản lý các BLQ; Cơ chế khiếu nại và trao đổi thông tin bên ngoài; Theo dõi các báo cáo của Cộng đồng bị ảnh hưởng; Kiểm soát và tái đánh giá để áp dụng tuân thủ, quản lý và giảm thiểu rủi ro liên quan đến E&S theo quy định của Pháp luật Việt Nam về EHSS; Tiêu chuẩn hoạt động và hướng dẫn của IFC về E&S; Tiêu chuẩn ISO 14001 về Môi trường và ISO 45001 về An toàn sức khỏe nghề nghiệp đảm bảo sự PTBV. CBNV được phân định rõ về vai trò và trách nhiệm đối với công tác EHSS. BLĐ cam kết đảm bảo đủ nguồn lực, năng lực và nhận thức để tuân thủ và thực hiện công tác EHSS một cách chủ động và hiệu quả.

GRI 403-2 NHẬN DẠNG MỐI NGUY, ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ ĐIỀU TRA SỰ CỐ

Các mối nguy, rủi ro liên quan đến EHSS được nhận diện và kiểm soát kịp thời tại các NM, việc đánh giá rủi ro được thực hiện ít nhất 1 lần/năm. Năm 2023, CBQL phụ trách công tác EHSS đánh giá thực hiện E&S về việc tuân thủ công tác EHSS, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tại nơi làm việc. Các rủi ro được kiểm soát theo thứ tự ưu tiên: loại bỏ, thay thế, kiểm soát kỹ thuật, kiểm soát hành chính, bảo hộ lao động. Các mối nguy, rủi ro và sự cố đều được Phòng EHSS thống kê, điều tra để tìm ra nguyên nhân gốc rễ và thực hiện biện pháp khắc phục, phòng ngừa.

Stt	Nội dung đánh giá rủi ro E&S	Văn phòng	Nhà máy
1	Rủi ro về tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định khác liên quan về Môi trường, Xã hội	☑	☑
2	Rủi ro Môi trường, Xã hội đối với công việc hàng ngày.	☑	☑
3	Rủi ro Môi trường, Xã hội đối với việc vận hành các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn		☑
4	Chuẩn bị và ứng phó sự cố khẩn cấp	☑	☑
5	Rủi ro về sự cố vận hành máy móc thiết bị, cháy nổ trong quá trình vận hành tại các NM		☑
6	Tai nạn lao động (tai nạn thi công, vận hành, trên đường đến nơi làm việc /làm việc)	☑	☑
7	Tuân thủ quy trình, quy định về An toàn lao động, PCCC, bảo vệ môi trường đã được ban hành		☑
8	Làm việc trong điều kiện môi trường làm việc không đảm bảo an toàn (làm việc trên cao, không gian hạn chế, làm việc gần mép nước, nâng hạ tải có tải trọng lớn...)	☑	☑
9	Làm việc trong điều kiện thời tiết nguy hiểm, bất lợi	☑	☑
10	Căng thẳng, làm việc trong tình trạng không đảm bảo sức khỏe	☑	☑
11	Dịch bệnh và các bệnh lây qua đường không khí	☑	☑

☑ có nghĩa là các rủi ro có liên quan đến các cơ sở và được đánh giá, kiểm soát rủi ro về E&S

GRI 403-1 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Các NM của GHC được đo đạc, giám sát môi trường lao động định kỳ hàng năm với tần suất 1 lần/năm để giám sát và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc. Kết quả các mẫu đo về môi trường lao động như nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, bụi, độ ồn, hơi khí độc, điện từ trường tại các NM Điện Mặt trời đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho CBNV. Tại các NM Thủy điện có kết quả mẫu đo về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng, bụi, hơi khí độc, điện từ trường đạt quy chuẩn cho phép. Chỉ tiêu duy nhất về tiếng ồn tại 2 NM Thủy điện vượt ngưỡng cho phép 85 dBA do tiếng ồn phát sinh từ các Tuabin khi vận hành, CBNV vận hành được trang bị nút tai chống ồn để sử dụng và giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình vận hành. Bên cạnh đó, các NM Thủy điện có phòng vận hành cách âm để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe Người lao động. CBNV tiếp xúc với yếu tố môi trường lao động vượt ngưỡng cho phép được Công ty bồi dưỡng bằng hiện vật với giá trị mỗi phần bồi dưỡng là 13.000 đồng/ca làm việc để tái tạo sức lao động, nâng cao sức khỏe Người lao động.

GRI 403-4 SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG, THAM VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG VỀ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GHC thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên từ năm 2020 để đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh lao động được áp dụng, tuân thủ, thực hiện đồng bộ và xuyên suốt trong mọi hoạt động SXKD. Hiện tại, các mạng lưới an toàn vệ sinh viên đang hoạt động ở các NM NLTT và Văn phòng làm việc của Công ty. Những người đại diện trong mạng lưới an toàn vệ sinh viên hiện chiếm 30% nhân viên tại các NM.

GRI 403-5 HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN VỀ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Ngoài việc hoàn thiện Hệ thống quản lý E&S, mỗi CBNV đều tham gia các khóa huấn luyện liên quan đến ATLĐ để hiểu rõ các mối nguy, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện công việc và các biện pháp kiểm soát, phòng tránh và giảm thiểu để giảm mức rủi ro xuống mức chấp nhận được (không gây thương tật đến con người, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, xã hội), đảm bảo môi trường làm việc an toàn và sự PTBV của Công ty. Hàng năm, GHC đã triển khai tổ chức các khóa huấn luyện liên quan đến AYLĐ, PCCC, Sơ cấp cứu, cải thiện nhận thức, hành động về An toàn và sức khỏe nghề nghiệp CBNV.



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chủ đề trọng yếu

- Sức mạnh cạnh tranh của GHC bắt nguồn từ đội ngũ nhân sự kinh nghiệm, chuyên môn và gắn bó.
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh, công nghệ, phương pháp làm việc và công cụ đòi hỏi phải học hỏi và cải tiến kiến thức liên tục.

Phương pháp Quản trị

- Kế hoạch đào tạo được xây dựng phù hợp với nhu cầu của từng Phòng Ban và được phê duyệt bởi BLD.
- Thực hiện đánh giá KPI đối với công tác đào tạo nhằm đánh giá, quản lý, theo dõi công tác thực hiện việc đào tạo của Phòng Tổng hợp và các Phòng Ban chuyên môn.
- Đối với các khóa đào tạo nội bộ, Phòng Ban chuyên môn tham mưu để cương phù hợp với thực tế hoạt động và cập nhật quy định hiện hành

Trong năm 2023, có 26 Chương trình đào tạo được tổ chức (+8% so với 2022 – 24 Chương trình) với sự tham gia của 325 lượt học viên (- 36% so với 2022 - 184 lượt học viên). Tổng chi phí chỉ gần 127 triệu đồng (tiết giảm 39% so với năm 2022 - 81 triệu đồng).



SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Chủ đề trọng yếu

- Sự đa dạng về độ tuổi lao động, trình độ.
- Vấn đề bình đẳng giới.

Phương pháp Quản trị

- Chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, công bằng về độ tuổi, giới tính.
- Chính sách bổ nhiệm cán bộ quản lý minh bạch, dựa trên kết quả thực hiện công việc (KPI) và năng lực cá nhân.
- Ban hành QCUX

GHC đối xử bình đẳng với tất cả CBNV và ứng viên trong tất cả các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển. Bình đẳng và công bằng cũng là những yếu tố quan trọng trong chính sách của Công ty. GHC không phân biệt giới tính trong các kế hoạch phúc lợi cho CBNV. Lao động nữ chiếm tỷ trọng tương đối thấp trong cơ cấu nhân sự GHC, tuy nhiên sự bình đẳng giới luôn được BLĐ quan tâm.

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

- Tỷ lệ lao động Nữ tương đối thấp so với lao động Nam, chiếm 15%
- Tỷ lệ lao động nữ làm công tác quản lý chiếm tới 28,6% trên tổng số quản lý

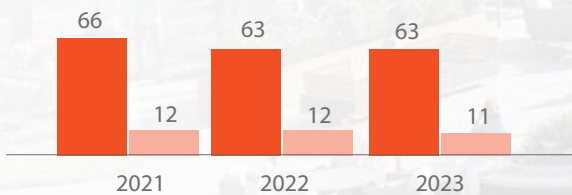
Cơ cấu nhân sự theo trình độ

- Trình độ trên Đại học chiếm 1%
- Trình độ Đại học chiếm 34%
- Trình độ Cao đẳng 35%
- Trình độ Trung cấp 15%
- Trình độ Sơ cấp 7%
- Lao động phổ thông 8%

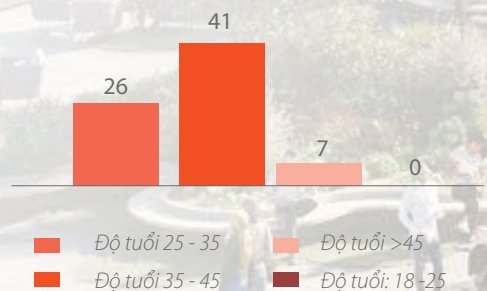
Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

- Tỷ lệ giữa nhóm lao động trẻ dưới 35 tuổi chiếm 35% và đội ngũ lao động giàu kinh nghiệm trên 35 tuổi chiếm 65%
- Cơ cấu này đảm bảo cho đội ngũ nhân sự GHC có đầy đủ tính năng động, sáng tạo và nhiệt huyết nhưng vẫn vững vàng, bản lĩnh và kinh nghiệm

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH 2021-2023



CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI NĂM 2023





CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chủ đề trọng yếu

- GHC có các NM đặt tại khu vực kinh tế chậm phát triển, vùng sâu vùng xa với mong muốn cùng với sự hình thành các DA công nghiệp sẽ góp phần vào kích thích tăng trưởng kinh tế và cơ sở hạ tầng địa phương.
- GHC luôn quan tâm đến giá trị lợi ích bền vững, không bỏ qua yếu tố an toàn nghiêm ngặt và tác động ảnh hưởng môi trường xung quanh.
- Xây dựng và vận hành DA có ảnh hưởng đến Cộng đồng Địa phương

Phương pháp Quản trị

- Đảm bảo việc vận hành các NM an toàn, tránh gây ra các sự cố gây ảnh hưởng đến Cộng đồng xung quanh.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Pháp luật, theo tiêu chuẩn IFC tránh gây ảnh hưởng an ninh trong quá trình từ xây dựng đến trong quá trình vận hành NM.
- Luôn công bố đầy đủ và kịp thời các thông tin về DA nhằm giảm thiểu xuống mức thấp nhất và tránh những rủi ro có thể xảy ra.
- Hưởng ứng các chương trình vì Cộng đồng Xã hội. Giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của Cộng đồng Địa phương xung quanh DA, NM khi phát sinh

THỰC HÀNH E&S TẠI GHC

Loại hình

Thủy điện vừa và nhỏ
NMTĐ H'Chan, H'Mun

Điện Mặt trời
NM ĐMT Hàm Phú 2

Điện gió GHC góp vốn
VPL, IBang

E&S theo Quy định Pháp luật Việt Nam

Môi trường: Đánh giá tác động môi trường; thực hiện lập Giấy phép môi trường; quan trắc môi trường; quản lý Chất thải rắn - Chất thải nguy hại; báo cáo công tác bảo vệ môi trường; quản lý xói lở; tuân thủ Giấy phép khai thác nước mặt, nước ngầm; kết nối dữ liệu khí tượng thủy văn...

An toàn: Quản lý PCCC; đánh giá, quản lý và giảm thiểu rủi ro; quan trắc môi trường lao động; báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, PCCC, sơ cấp cứu định kỳ; kiểm định các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động; kiểm định an toàn đập; an toàn và an ninh Cộng đồng...

Sức khỏe: Khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; trang bị túi sơ cấp cứu...

E&S theo Tiêu chuẩn IFC

Tiêu chuẩn hoạt động 1: Đánh giá và quản lý các rủi ro và tác động đến Môi trường và Xã hội

Tiêu chuẩn hoạt động 2: Điều kiện làm việc và lao động

Tiêu chuẩn hoạt động 3: Tiết kiệm tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm

Tiêu chuẩn hoạt động 4: Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng

Tiêu chuẩn hoạt động 5: Thu hồi đất và tái định cư không tự nguyện

Tiêu chuẩn hoạt động 6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững

Tiêu chuẩn hoạt động 7: Người thiểu số bản địa

Tiêu chuẩn hoạt động 8: Di sản văn hóa

Đáp ứng tiêu chuẩn GRI

GRI 301: Vật liệu.

GRI 302: Năng lượng.

GRI 303: Nước và nước thải.

GRI 304: Đa dạng sinh học.

GRI 306: Phát thải.

GRI 306: Chất thải.

GRI 308: Đánh giá Nhà cung cấp về môi trường.

GRI 401: Việc làm.

GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

GRI 404: Giáo dục và đào tạo.

GRI 413: Cộng đồng địa phương.

GRI 414: Đánh giá Nhà cung cấp về mặt xã hội

Đáp ứng nhu cầu của các BLQ

CĐ, NĐT tiềm năng: CĐ và NĐT lớn trong và ngoài nước; Cổ đông hiện hữu; NĐT tiềm năng trong và ngoài nước; NĐT tổ chức và cá nhân trên TTCK.

Cơ quan Nhà nước: Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.

Cộng đồng Xã hội: Tạo dựng cộng đồng bền vững; xây dựng các giá trị gia tăng cho Xã hội; Cộng đồng Địa phương xung quanh và có liên quan đến DA; Hệ sinh thái xung quanh và có liên quan đến DA.

Đối tác mua bán Điện: Cung cấp nguồn điện, đảm bảo an ninh Năng lượng Quốc gia: EREA; EVN; EPTC; A0, A1, A2, A3; ERAV; Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Nam.

Đối tác triển khai DA: Đảm bảo tính thành công, kịp thời của DA, thành công của DA tạo dựng tên tuổi và uy tín cho đối tác: Nhà thầu EPC, Công ty Tư vấn, Công ty cung cấp thiết bị, công cụ, dụng cụ...

Người lao động: Tạo thu nhập và công ăn việc làm ổn định để đảm bảo cuộc sống; BLĐ; CBNV; Lao động Địa phương

GIẢI ĐOẠN	CÁC VẤN ĐỀ E&S CẦN TUÂN THỦ	QUẢN LÝ SỰ TUÂN THỦ E&S TẠI GHC
Tiền khả thi	Đánh giá Sơ bộ Tác động Môi trường (Luật Bảo vệ Môi trường 2020)	EHSS/ST-01 Sổ tay quản lý hệ thống Môi trường và Xã hội. EHSS/HD-08 Hướng dẫn Sàng lọc và đánh giá trách nhiệm Môi trường và Xã hội cho DA. EHSS/QT-03 Quy trình xác định nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và các quy định khác về EHSS
Chuẩn bị	Báo cáo đánh giá tác động Môi trường (Luật Bảo vệ Môi trường 2020). Giấy phép Môi trường (Luật Bảo vệ Môi trường 2020). Đăng ký Môi trường (Luật Bảo vệ Môi trường 2020). Bổ sung nhân sự phụ trách EHSS. Xem xét và phê duyệt các kế hoạch quản lý EHSS của Nhà thầu	EHSS/HD-01 Hướng dẫn quản lý đa dạng sinh học. EHSS/HD-02 Hướng dẫn quản lý di sản văn hóa. EHSS/HD-03 Hướng dẫn quản lý nhà thầu. EHSS/HD-04 Hướng dẫn tham gia của các BLQ. EHSS/HD-05 Hướng dẫn Cán bộ Liên lạc Cộng đồng. EHSS/HD-06 Hướng dẫn về người bản địa. EHSS/HD-07 Hướng dẫn trao đổi thông tin. EHSS/HD-09 Hướng dẫn thu hồi đất. EHSS/QT-02 Quy trình kiểm định các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. EHSS/QT-03 Quy trình xác định nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và các quy định khác về EHSS. EHSS/QT-04 Quy trình vòng đời DA về E&S. EHSS/QT-05 Quy trình quản lý các báo cáo gửi CQNN EHSS/QT-06 Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro - khía cạnh môi trường, an toàn lao động, xã hội
Xây dựng	Thủy điện: Quan trắc Môi trường. Quản lý Chất thải rắn, Chất thải xây dựng, Chất thải nguy hại. Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt. Quản lý an toàn vệ sinh lao động, Quản lý phòng chống cháy nổ Quản lý an toàn đập. Điện mặt trời Quan trắc Môi trường. Quản lý Chất thải rắn, Chất thải xây dựng, Chất thải nguy hại. Giấy phép khai thác sử dụng nước ngầm. Quản lý an toàn vệ sinh lao động, Quản lý phòng chống cháy nổ Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước dưới đất.	EHSS/ST-02 Sổ tay Mô tả Phạm vi hệ thống quản lý EHSS. EHSS/ST-03 Sổ tay cấp cứu. EHSS/QT-06 Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro – khía cạnh môi trường, an toàn lao động, xã hội. EHSS/QT-07 Quy trình ứng phó với sự cố khẩn cấp về EHSS. EHSS/QT-08 Quy trình quản lý ô nhiễm môi trường. EHSS/QT-09 Quy trình quản lý rủi ro Môi trường và Xã hội chuỗi cung ứng. EHSS/QT-11 Quy trình đánh giá nội bộ về EHSS. EHSS/QT-12 Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo về hệ thống quản lý EHSS. EHSS/QT-13 Quy trình quản lý chất thải. EHSS/QT-14 Quy trình Quản lý sự không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa. EHSS/QT-15 Quy trình quản lý xói lở. EHSS/QT-16 Quy trình Sức khỏe và An toàn Cộng đồng. EHSS/QĐ-01 Quy định Cơ chế Khiếu nại của Người lao động. EHSS/QĐ-02 Quy định mục tiêu EHSS. EHSS/QĐ-03 Quy định chức danh và Mô tả công việc về EHSS EHSS/QĐ-04 Quy định an toàn, vệ sinh lao động - PCCC. EHSS/QĐ-05 Quy định tương tác EHSS theo ngành dọc. EHSS/QĐ-08 Quy định trang bị Phương tiện bảo vệ cá nhân.

GIẢI ĐOẠN

CÁC VẤN ĐỀ E&S CẦN TUÂN THỦ

QUẢN LÝ SỰ TUÂN THỦ E&S TẠI GHC

Thủy điện:

Duy trì dòng chảy tối thiểu.
 Quan trắc Môi trường, Quan trắc TNN mặt tự động, trực tuyến
 Báo cáo hiện trạng khai thác nước mặt.
 Quản lý Môi trường sinh thái.
 Duy trì kết nối tín hiệu kết nối dữ liệu Khí tượng thủy văn được với
 Tổng cục khí tượng thủy văn.
 Quản lý chất lượng môi trường lao động, môi trường làm việc.
 Quản lý an toàn vệ sinh lao động, Quản lý PCCC.
 Quản lý an toàn đập.
 Quản lý Chất thải rắn, Chất thải nguy hại.
 Nộp thuế, phí khai thác tài nguyên nước mặt

Vận hành

Điện mặt trời

Quản lý Chất thải rắn, Chất thải nguy hại.
 Quan trắc Môi trường, Quan trắc tài nguyên nước dưới đất.
 Báo cáo hiện trạng khai thác nước ngầm.
 Nộp thuế, phí khai thác tài nguyên nước ngầm.
 Diệt cỏ dại mọc hoang ảnh hưởng tới pin (thuốc trừ cỏ, diệt cỏ).
 Quản lý nước thải sinh hoạt.
 Quản lý chất lượng Môi trường lao động, Môi trường làm việc.
 Quản lý an toàn vệ sinh lao động, Quản lý phòng chống cháy nổ.

EHSS/ST-01 Sổ tay quản lý hệ thống Môi trường và Xã hội.
 EHSS/ST-02 Sổ tay Mô tả Phạm vi hệ thống quản lý EHSS.
 EHSS/ST-03 Sổ tay sơ cấp cứu.
 EHSS/ST-04, EHSS/ST-05 Sổ tay EHSS NM Điện Mặt trời, NM Thủy điện
 EHSS/QT-03 Quy trình xác định nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và các quy định khác về EHSS.
 EHSS/QT-05 Quy trình quản lý các báo cáo gửi Cơ quan nhà nước.
 EHSS/QT-06 Quy trình nhận diện và đánh giá cơ hội, rủi ro - khía cạnh môi trường, an toàn lao động, xã hội.
 EHSS/QT-07 Quy trình ứng phó với sự cố khẩn cấp về EHSS.
 EHSS/QT-08 Quy trình quản lý ô nhiễm môi trường.
 EHSS/QT-09 Quy trình QLRR Môi trường và Xã hội chuỗi cung ứng.
 EHSS/QT-11 Quy trình đánh giá nội bộ về EHSS.
 EHSS/QT-12 Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo về hệ thống quản lý EHSS.
 EHSS/QT-13 Quy trình quản lý chất thải.
 EHSS/QT-14 Quy trình quản lý sự không phù hợp và hành động khắc phục, phòng ngừa.
 EHSS/QT-15 Quy trình quản lý xói lở.
 EHSS/QT-16 Quy trình Sức khỏe và An toàn Cộng đồng.
 EHSS/QĐ-01 Quy định Cơ chế Khiếu nại của Người lao động.
 EHSS/QĐ-02 Quy định mục tiêu EHSS.
 EHSS/QĐ-03 Quy định chức danh và Mô tả công việc về EHSS.
 EHSS/QĐ-04 Quy định an toàn, vệ sinh lao động - PCCC.
 EHSS/QĐ-05 Quy định tương tác EHSS theo ngành dọc.
 EHSS/QĐ-08 Quy định trang bị Phương tiện bảo vệ cá nhân

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN/NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI

TẠI GHC





ĐIỀU HÀNH CHUYÊN NGHIỆP
VẬN HÀNH TỐI ƯU

**AM HIỂU THỊ TRƯỜNG
VỮNG VÀNG HỘI NHẬP**

ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU HÀNH

BỨC TRANH NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết: Năm 2023 đầy sóng gió với ngành năng lượng, Cuộc khủng hoảng năng lượng đang diễn ra và suy thoái kinh tế dự kiến sẽ làm chậm tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện toàn cầu vào năm 2023. Tuy nhiên riêng phân khúc điện, không chỉ duy trì 'dòng chảy' cho phát triển của nhân loại, mà còn đảm nhận cả nhiệm vụ kép trong chuyển dịch năng lượng. Công suất NLTT của thế giới tăng trưởng với tốc độ kỷ lục, mức tăng 50% trong năm 2023, chủ yếu nhờ Trung Quốc triển khai hàng loạt dự án lớn. Tăng trưởng NLTT sẽ giúp cắt giảm lượng khí thải toàn cầu.

Năng lượng xanh - bước ngoặt cho sự phát triển

Trong các xu hướng toàn cầu 2024, theo dự báo của các chuyên gia, là các cột mốc trong lĩnh vực năng lượng xanh sẽ tạo ra bước ngoặt cho sự phát triển bền vững. Một thành tựu nổi bật của năm 2023 là sự gia tăng toàn cầu trong việc áp dụng NLTT. Năm qua, chúng ta chứng kiến sự gia tăng đáng kể trong việc lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời và mua xe điện. Giá pin mặt trời, máy bơm nhiệt ở cấp độ công nghiệp và hộ gia đình cũng như giá năng lượng gió đều giảm. Điều này làm dấy lên hy vọng về việc áp dụng năng lượng sạch mạnh mẽ hơn trong năm mới.

Đáng chú ý nhất là kết quả khả quan từ Hội nghị thượng đỉnh về khí hậu của Liên hợp quốc COP28, diễn ra vào cuối tháng 11-2023 tại Dubai. Đây là lần đầu tiên sau ba thập niên tổ chức hội nghị thượng đỉnh về khí hậu COP, các quốc gia nhất trí về việc phối hợp giảm sử dụng dầu, khí đốt và than đá, vốn chiếm 80% năng lượng toàn cầu. COP28 cũng kêu gọi tăng gấp ba lần công suất NLTT trên toàn cầu vào năm 2030, đẩy nhanh nỗ lực giảm lượng than và tăng tốc các công nghệ như thu hồi và lưu trữ carbon.

Năm 2024 được coi là thời điểm bước ngoặt cho quá trình chuyển đổi toàn cầu sang năng lượng sạch, thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường. Việc áp dụng NLTT ngày càng tăng đóng vai trò là "ngọn hải đăng hy vọng", thể hiện cam kết của thế giới đối với một tương lai bền vững. Mặc dù vẫn còn thách thức trong việc đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng và hợp lý, nhưng sự tăng trưởng nhanh chóng của NLTT cung cấp bằng chứng thuyết phục về một tương lai bền vững trong tầm tay.

TÌNH HÌNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM

2023 là năm thứ ba thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội (giai đoạn 2021 - 2030), nhưng lại là nửa năm đầu tiên bắt đầu triển khai Quy hoạch điện VIII và trở thành năm nhiều biến động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành điện.

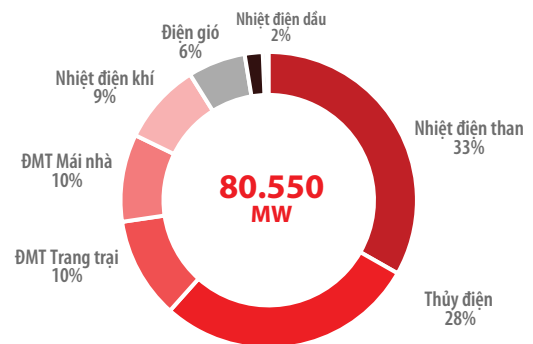
Tính đến cuối năm 2023, tổng công suất nguồn điện toàn hệ thống đạt khoảng 80.555 MW, tăng ~2.800 MW so với năm 2022. Trong đó, tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) là 21.664 MW, chiếm tỷ trọng 26,9%; thủy điện (bao gồm thủy điện nhỏ) là 22.872 MW, chiếm tỷ trọng 28,4%; nhiệt điện than là 26.757 MW, chiếm tỷ trọng 33,2%; nhiệt điện khí 7.160 MW, chiếm tỷ trọng 8,9%. Như vậy, tỷ lệ NLTT (bao gồm điện gió, điện mặt trời, thủy điện) chiếm tỷ trọng 55,3% tổng công suất đặt của hệ thống. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng đầu khu vực ASEAN

Ngày 14/12/2023, Việt Nam, Vương quốc Anh và Liên minh Châu Âu đã công bố Quan hệ Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng (JETP), hỗ trợ Việt Nam thực hiện các mục tiêu khí hậu và năng lượng. JETP sẽ huy động khoản tài chính công và tư ban đầu trị giá 15,5 tỷ USD trong vòng 3 đến 5 năm tới để hỗ trợ quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam từ các nguồn nguyên liệu hóa thạch sang năng lượng sạch. JETP sẽ hỗ trợ Việt Nam hướng tới một số mục tiêu mới đầy tham vọng:

- Đạt đỉnh phát thải khí nhà kính vào năm 2030 thay vì 2035 như dự kiến trước đó.
- Giảm tới 30% đỉnh phát thải hàng năm của ngành điện, từ 240 triệu tấn xuống 170 triệu tấn.
- Giới hạn công suất điện than cao nhất từ con số quy hoạch hiện tại là 37 GW xuống 30,2 GW.
- Đẩy nhanh việc sử dụng NLTT để các nguồn năng lượng này chiếm ít nhất 47% sản lượng điện vào năm 2030, tăng hẳn so với mức theo kế hoạch hiện tại là 36%

Việc thực hiện thành công các mục tiêu đầy tham vọng này sẽ giúp Việt Nam giảm khoảng 0,5 tỷ tấn khí thải vào năm 2035

Cơ cấu nguồn điện toàn hệ thống 2023





ĐÃ ĐI QUA NĂM 2023 VỚI GAM MÀU TƯƠI SÁNG

Với chiến lược: Đón đầu, Đa dạng và Đồng bộ các loại hình Năng lượng - tập trung tại nhiều địa phương để đảm bảo đầu nối. Đây là bước đi kịp thời, hài hòa mối quan hệ phát triển giữa doanh nghiệp và địa phương, đảm bảo cân bằng bài toán phát triển Năng lượng và hiệu quả đầu tư. GHC đã tối ưu các NMTĐ, ĐMT hiện hữu, nâng cao năng suất phát điện, hiệu quả quản lý vận hành hướng đến đẩy mạnh tiếp cận, tham gia thị trường Điện cạnh tranh theo định hướng phát triển chung của Ngành Điện Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Thủy điện: Hiện tượng La Nina kéo dài trong 3 năm trở lại đây góp phần giúp hệ thống Thủy điện tại GHC phát huy tối đa công suất chạy máy, tối đa hóa DT. Năm 2023 ghi nhận 134 triệu kWh sản lượng, cao hơn 3% so với cùng kỳ, đồng thời đóng góp 143 tỷ đồng DTT. Các NM Thủy điện luôn được đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng phát điện là 100%. Chỉ tiêu Biên LNG luôn đảm bảo với mức cao gần 56% do hoạt động bảo trì, bảo dưỡng định kỳ luôn được BĐH chú trọng và chủ động thực hiện theo kế hoạch dựa trên cơ sở kiểm soát chi phí.

Điện Mặt trời: Với vai trò đơn vị tiên phong trong lĩnh vực Điện Mặt trời, GHC đã thành công khi vận hành NM Điện Mặt trời Hàm Phú 2 tại Bình Thuận trong Quý 2/2019 với giá FIT1 9,35 UScents/kWh. Tỷ trọng Doanh thu Điện Mặt trời ổn định, luôn chiếm trên 53% trong cơ cấu DTT. NM ĐMT Hàm Phú 2 luôn được đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng phát điện ở mức tối đa 99,9%, với Biên LNG liên tục ở ngưỡng ổn định khoảng 60% nhờ vào công tác bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu hóa các hoạt động tại NM.

Năm 2020, GHC đã cùng với Chủ Đầu tư là các cá nhân sở hữu diện tích mái nhà lớn để cùng hợp tác phát triển các DA Điện Mặt trời Áp mái trải dài từ khu vực Miền Trung đến Nam Bộ với tổng công suất là 2,6 MWp. Mặc dù chỉ đóng góp khiêm tốn với mức sản lượng 3,4 triệu kWh/năm, tương đương với 6,7 tỷ đồng, chiếm 2% tỷ trọng trong cơ cấu DTT nhưng Biên LNG luôn đạt ở mức khả quan ở ngưỡng 30%, tương đương với Biên LNG ngành.

CHỈ TIÊU	THỦY ĐIỆN	ĐIỆN MẶT TRỜI
Sản lượng điện thương phẩm 2023	134 triệu kWh	74 triệu kWh
Doanh thu 2023 <i>(không thuế phi)</i>	162 tỷ đồng	165 tỷ đồng
Biên LNG	58 %	64 %
Đóng góp DTT	46 %	54 %
Tỷ lệ sẵn sàng phát điện	100 %	99,9 %

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Tối ưu công tác vận hành các Nhà máy điện, Phấn đấu kế hoạch 2024 đạt Tổng doanh thu 351 tỷ đồng, LNTT đạt 168 tỷ đồng

Tiếp tục chuyên nghiệp mọi mặt hoạt động, phát triển đội ngũ và mở rộng quan hệ với các Đối tác, NĐT, Nhà cung cấp trong và ngoài nước...

THỦY ĐIỆN

Mục tiêu Sản lượng Điện gần 125 triệu kWh, Doanh thu đạt 140 tỷ đồng

- Tối ưu các công tác duy tu, bảo trì, sửa chữa các NM Thủy điện dựa trên cơ sở cân đối chi phí nhằm giảm tối đa các tổn thất về DT.
- Thường xuyên đánh giá cơ sở vật chất, hệ thống công trình xây dựng, máy móc thiết bị tại các NM Thủy điện để phát hiện kịp thời các rủi ro liên quan đến việc vận hành, đồng thời đề xuất các giải pháp xử lý hợp lý.
- Xây dựng phương án vận hành tối ưu tại các NM Thủy điện để gia tăng hiệu quả hoạt động, đồng thời phương án vận hành vẫn phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của Pháp luật và đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- Tìm kiếm cơ hội M&A các DA Thủy điện đã vận hành nhằm khai thác tối đa nguồn lực, tăng Doanh thu cho Công ty.

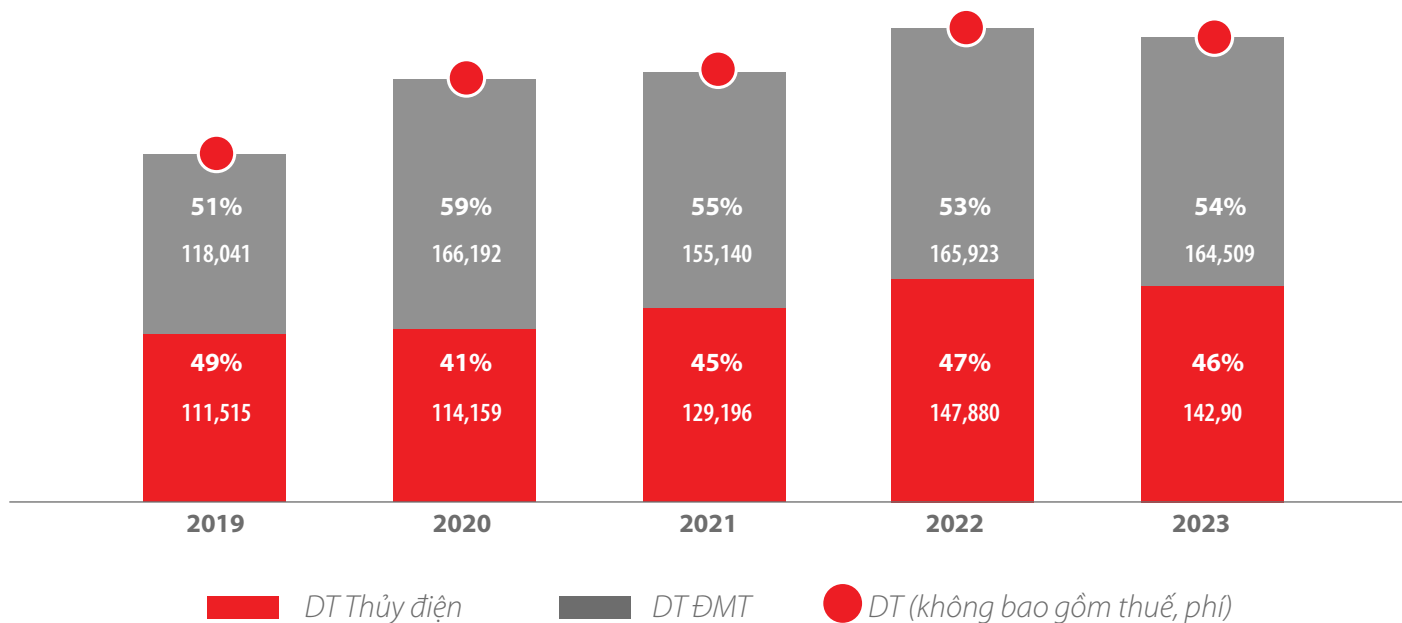
ĐIỆN MẶT TRỜI

Mục tiêu Sản lượng Điện đạt khoảng 75 triệu kWh, Doanh thu khoảng 167 tỷ đồng

- Duy tu, bảo trì, sửa chữa, tối ưu hóa các hoạt động tại NM Điện Mặt trời hiện hữu trên cơ sở cân đối chi phí phù hợp để giảm thiểu tối đa rủi ro.
- Đào tạo nội bộ, làm chủ kiến thức về công nghệ, thiết bị, đồng thời triển khai thực hiện công tác EHSS đầy đủ và đúng yêu cầu của Pháp luật.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định, sổ tay hướng dẫn nội bộ... trong hoạt động quản lý vận hành tại các NM Điện Mặt trời.
- Bám sát theo cơ chế, chính sách hướng dẫn chương trình thí điểm mua bán điện trực tiếp, đồng thời xây dựng chính sách NLTT nội bộ để đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển của Quốc gia.

TỶ TRỌNG DOANH THU TRONG CƠ CẤU DTT 2019 - 2023

ĐVT: Tỷ đồng



Tất cả các mục tiêu được cụ thể hóa qua Chương trình hành động thực sự cụ thể, linh hoạt sẵn sàng các kế hoạch dự phòng và các giải pháp điều chỉnh thích hợp, trên cơ sở đảm bảo được các mục tiêu, nhiệm vụ chung.

Với sự quyết tâm, đồng lòng của BĐH GHC, sự đoàn kết, tâm tâm và năng lực của đội ngũ CBNV ... GHC bước sáng năm 2024 với đầy năng lượng, hứng khởi... tiếp tục vận hành liên tục - hiệu quả, và kì vọng vươn cao, vươn xa...

BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH



Kinh nghiệm:

- Hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió.

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- 0 cổ phiếu

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- GD Khối Thủy điện - CTCP Điện Gia Lai (GEC)
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Năng lượng Điện Cao Nguyên
- GD – CTCP kiêm GD – NM ĐMT Trúc Sơn
- GD - NM Điện Gió Tân Phú Đông 1, 2
- GD - NM ĐMT Krông Pa
- Trưởng Ban QLDA - NM Thủy điện Ea Tih

Thành tựu nổi bật:

- Quản lý vận hành hiệu quả các NM Điện ở nhiều loại hình bao gồm Thủy điện, Điện Mặt trời, Điện Gió
- Phụ trách điều hành Khối Thủy điện với 14 NM, quy mô gần 130 MW bao gồm Chi nhánh Mang Yang, Chi nhánh Lâm Đồng, Chi nhánh Đắk Pi Hao, Chi nhánh Chư Prông, NM Thượng Lộ, Cụm NM Alin B1 và Alin Thượng
- Quản lý vận hành và Quản lý kỹ thuật các NM Thủy điện đạt hiệu quả cao, tiếp quản NM Thủy điện Đa Khai (8 MW) từ những ngày đầu M&A thành công
- Tham gia quản lý DA, phối hợp đưa vào đóng điện vận hành thành công và trực tiếp quản lý điều hành các NM ĐMT Krông Pa (69 MWp), NM ĐMT Trúc Sơn (44,4 MWp), NM ĐG Tân Phú Đông 1 và 2 (150 MW)
- Tham gia quản lý DA Thủy điện Ea Tih (8,6 MW) dự kiến đưa vào vận hành trong Quý 3/2025

ÔNG TRẦN DANH BẢO

GIÁM ĐỐC - 1980

Bổ nhiệm tháng 01/2024



BÀ CHÂU TIỂU PHỤNG

PHÓ GIÁM ĐỐC - 1989
Bổ nhiệm tháng 03/2020T

Kinh nghiệm:

- 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điề hành, đầu tư, xây dựng, vận hành tại các NM TĐ, ĐMT, ĐG

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- 12.800 cổ phiếu, chiếm 0,03%

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- PGĐ - CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC)
- GD khối hỗ trợ - CTCP Điện Gia Lai (GEC)

Thành tựu nổi bật:

- Quản lý các hoạt động vận hành, thực hiện kiểm soát chi phí và xây dựng ngân sách dựa trên cấu trúc tối ưu theo thông lệ ngành. Tham gia đào tạo nguồn nhân lực tinh nhuệ, năng động bảo đảm ổn định hoạt động Công ty, xây dựng đội ngũ kế thừa sẵn sàng cho việc hội nhập quốc tế.



ÔNG LÊ QUANG QUỐC DŨNG

PHÓ GIÁM ĐỐC - 1982
Bổ nhiệm tháng 01/2024

Kinh nghiệm:

- 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Thủy điện, Điện Mặt trời ...

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- 15.000 cổ phiếu, chiếm 0,034%

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- PGĐ - CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC)
- Giám đốc chi nhánh TTC Bình Thuận - GHC
- Giám đốc Chi nhánh TTC Mang Yang - GEC
- Trưởng phòng Quản lý Sản xuất - GHC

Thành tựu nổi bật:

- Quản lý vận hành ổn định và hiệu quả các nhà máy TĐ, ĐMT, góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận 2023.



ÔNG NGUYỄN TIẾN BẰNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG - 1986
Bổ nhiệm tháng 8/2019

Kinh nghiệm:

- 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý Tài chính và huy động vốn đầu tư, Xây dựng và Vận hành các NM Thủy điện, Điện Mặt trời ...

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- 0 cổ phiếu

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- KTT - CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC)

Thành tựu nổi bật:

- Xây dựng hệ thống kế toán vững mạnh và minh bạch. Tham mưu BĐH về những thay đổi của chế độ Kế toán từng thời kỳ bao gồm Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - VAS cũng như việc chuẩn bị và áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế IFRS. Huy động các nguồn vốn trong nước phục vụ quá trình phát triển danh mục dự án NLTT của GHC

MÔ HÌNH KINH DOANH

NGUỒN ĐẦU VÀO

TÀI CHÍNH

VĐL	476 tỷ đồng
VCSH	959 tỷ đồng
TTS	1.497 tỷ đồng
Tổng nợ vay	470 tỷ đồng

Rủi ro

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thương mại

NHÂN SỰ

Nhân sự trong đó	74	Nhân sự chính thức
Khoá đào tạo	20	
Độ tuổi lao động	30 - 50	

Rủi ro

- Rủi ro nhân sự
- An toàn và sức khỏe

TÀI NGUYÊN

Lưu lượng nước khai thác	483 triệu m ³
Bức xạ nắng	4,6-5,3 kWh/m ² /ngày
Giờ nắng	1.521-2.930 giờ/năm
Tốc độ gió	6,3- 16,4 m/s

Rủi ro

- Thay đổi khí hậu

SẢN XUẤT

Tổng công suất đã và đang phát triển	151 MW
Hợp đồng mua bán điện dài hạn	06 nhà máy
Quý Đầu tư phát triển	72 tỷ đồng

Rủi ro

- Rủi ro vận hành
- Rủi ro thiết bị

MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Tiêu chuẩn IFC PS1-8	8
Tiêu chuẩn GRI 300, 400	2

Rủi ro

- Rủi ro pháp lý
- Rủi ro môi trường xã hội

NGUỒN ĐẦU RA

TÀI CHÍNH

LNTT	175 tỷ đồng
LNST	156 tỷ đồng
Cổ tức 2022-2023	25% ổn định
Tổng lãi vay 2023	46 tỷ đồng

TÀI CHÍNH

Tổng chi phí nhân công 2023	14,5 tỷ đồng
Mức lương bình quân 2023	16 triệu đồng/người/tháng
Năng suất lao động 2023 theo DTT	368 triệu đồng/người/tháng
Năng suất lao động 2023 theo LNTT	197 triệu đồng/người/tháng

TÀI NGUYÊN

Chứng chỉ NLTT 2019-2023	300.000 chứng chỉ
Bán chứng chỉ Năng lượng sạch RECs 2019-2023	1,8 tỷ đồng
Giảm thải CO ₂ 2010-2023	217.000 tấn

SẢN XUẤT

- Tăng cường nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật cao, nâng cao hiệu suất hoạt động của NM, tối ưu hóa sản lượng và đa dạng hóa nguồn thu

MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Đóng góp Ngân sách Nhà nước 2019-2023	275 tỷ đồng
CSR 2012-2023	1,3 tỷ đồng

CHUỖI GIÁ TRỊ

PHÁT TRIỂN DỰ ÁN & M&A

- BSQH - Tự triển khai - Tìm kiếm/ tư vấn M&A DA NLTT

PHÁP LÝ & THIẾT KẾ

- Tư vấn thiết kế
- Tư vấn chuyên Ngành Điện
- Tư vấn ký kết PPA
- Cung cấp thiết bị

TÌM KIẾM VÀ PHÁT TRIỂN DA NLTT TIỀM NĂNG

- Đảm bảo vận hành hiệu quả
- Tối ưu chi phí
- Dự báo nhằm đưa ra chiến lược hiệu quả tối ưu

PHÁT ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN | TRUYỀN TẢI VÀ PHÂN PHỐI

- 2 NM Thủy điện, 1 NM Điện Mặt trời, 3 Hệ thống Điện Mặt trời Áp mái, 2 NM Điện Gió
- Cung cấp các loại hình liên quan đến mảng Năng lượng: Quản lý vận hành, thí nghiệm dịch vụ, dịch vụ kỹ thuật, chứng chỉ NLTT

CUNG CẤP NGUỒN ĐIỆN CHO KHÁCH HÀNG

- Đảm bảo tiêu chuẩn vận hành Ngành Điện
- Cung cấp điện trực tiếp cho EVN theo PPA 20 năm đối với NM ĐMT và ĐG theo cơ chế giá FIT ưu đãi và theo Biểu giá Chi phí tránh được đối với NM TĐ
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, hàng hóa thuộc lĩnh vực NLTT cho đơn vị hoạt động trong lĩnh vực NLTT
- Khách hàng tiềm năng khác khi thị trường đang dần dịch chuyển sang thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

KẾT QUẢ VẬN HÀNH

TÀI CHÍNH

- Mức cổ tức tăng trưởng ổn định
- Đảm bảo chi trả tổ chức tín dụng đúng hạn
- Tăng cường mở rộng mối quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn vốn huy động đa dạng từ cả kênh Thị trường tiền tệ và Thị trường vốn, đặc biệt là tín dụng nhà thầu, phục vụ nhu cầu vốn DA

SẢN XUẤT

- Duy trì hoạt động sản xuất ổn định, liên tục, kể cả những thách thức về điều kiện thời tiết và lạm phát

TÀI CHÍNH

- Đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm, chuyên môn cao
- Tập trung chủ yếu là trong Ngành NLTT, PTDA, Tài chính đến vận hành

TÀI NGUYÊN

- Các DA NLTT của GHC trước khi thi công đều được khảo sát kỹ càng để đảm bảo hiệu suất và hiệu quả hoạt động tối ưu
- Tìm kiếm và mở rộng các danh mục NLTT tiềm năng khác (Điện Rác, Hydrogen, Điện Gió ngoài khơi...) để mở rộng quy mô đầu tư, giảm thiểu bớt các rủi ro tác động bởi thời tiết

MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

- Đáp ứng Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam, Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội theo tiêu chuẩn Quốc tế IFC và Bộ Tiêu chuẩn
- Báo cáo PTBV Quốc tế GRI Hợp nhất gồm Kinh tế, Môi trường và Xã hội
- Tăng cường kết nối với cộng đồng thông qua hoạt động tình nguyện, từ thiện, CSR và bảo vệ môi trường
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

KỶ NGUYÊN CÔNG NGHỆ

Ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động SXKD là giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động liên tục cũng như đa dạng hóa nguồn thu. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực NLTT cùng đội ngũ CBNV chuyên môn kỹ thuật cao, GHC liên tục cải tiến và ứng dụng các giải pháp công nghệ để đảm bảo Doanh thu, Lợi nhuận ổn định và tăng trưởng trong năm 2023.

Nhiệm vụ trọng tâm

- Tham mưu cho BLĐ các vấn đề liên quan đến công tác kỹ thuật, đề xuất các giải pháp tối ưu hóa hoạt động vận hành nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Phối hợp, giám sát và thực hiện Kế hoạch sửa chữa hàng năm với chi phí tối ưu, thời gian linh hoạt nhằm giảm tổn thất.
- Giám sát hoạt động sản xuất và vận hành các NM Năng lượng của GHC đảm bảo tuân thủ quy định của Ngành Điện, Công ty hướng đến hoàn thành mục tiêu Doanh thu, Lợi nhuận.

- Hỗ trợ Kỹ thuật, giám sát và kiểm tra định kỳ các NM Điện: 48 Hạng mục/3 NM.
- Khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành ở các NM: 5 lần/3 NM.

- Quản lý và giám sát công tác vận hành ở các NM Điện an toàn và hiệu quả.
- Thực hiện 20 lần kiểm tra định kỳ ở các NM Điện.
- Xây dựng hướng dẫn khắc phục lỗi panels giúp tiết kiệm chi phí, đảm bảo lượng hàng dự phòng.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp công nghệ, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất để giảm chi phí trong quá trình vận hành các NM Điện: Giải pháp kết nối SCADA (hệ thống điều khiển, giám sát và thu thập dữ liệu tổng) các NM TĐ GHC về Phòng O&M;
- Rà soát, hiệu chỉnh VBLQ để hỗ trợ công tác vận hành ở các NM Điện được đảm bảo an toàn, đúng kỹ thuật và theo quy định của Nhà nước.

- Đội ngũ Kỹ thuật được đào tạo hàng năm, để nắm bắt các công nghệ mới, được cập nhật kiến thức và kỹ năng cần thiết, từng bước phát triển đội ngũ kỹ sư lành nghề đảm bảo công tác Quản lý Vận hành nội bộ và hướng đến cung cấp dịch vụ ra bên ngoài.
- Phối hợp thực hiện đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành các NM về các kiến thức kỹ thuật, an toàn điện, xử lý sự cố... đảm bảo đội ngũ nhân sự chất lượng, sẵn sàng cho các NM GHC.

Hiệu quả đạt được

- Lắp đặt hệ thống SCADA đưa thông tin về Trung tâm điều hành cho 2 NM Thủy điện của GHC (H'Chan, H'Mun).
- Triển khai giải pháp Giám sát tập trung cho toàn bộ hệ thống Camera tại các NM của GHC về Trung tâm điều hành.
- Đảm bảo tỷ lệ tổn thất về việc dừng máy do sự cố dưới mức cam kết.

- Đảm bảo các NM vận hành liên tục.

- Đảm bảo các NM Điện sẵn sàng phát điện: Thủy điện (100%), Điện Mặt trời (100%)

- NM Thủy điện, Điện Mặt trời, Áp mái được đảm bảo vận hành ổn định.
- Độ sẵn sàng thiết bị của các NM Thủy điện (100%), Điện Mặt trời (100%)

- Thủy điện và Điện Mặt trời: GHC đã hoàn toàn chủ động về công nghệ trong quá trình lắp đặt, vận hành và sửa chữa.

- Công nghệ sản xuất Hydrogen: Tìm hiểu và nắm bắt xu hướng công nghệ để có tham mưu phù hợp trong việc phát triển loại hình mới này.

- Hoàn thành đào tạo An toàn điện cho: 48 nhân sự

GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ - SỐ HÓA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng và cải tiến công nghệ mới luôn được GHC đầu tư và chú trọng trong giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2023, GHC đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số phục vụ Quản lý và Điều hành ở tất cả các Đơn vị với các phạm vi thực hiện:

Nội dung

BCTC Hợp nhất

- Triển khai BCTC tích hợp vào Hệ thống ERP.
- Đảm bảo tính toàn vẹn số liệu khi thực hiện giao dịch trên hệ thống liên quan Tài chính.

Triển khai ERP

- Áp dụng cho tất cả các Phòng ban, 3 NM Điện, 3 Hệ thống Áp mái.
- 8 Phân hệ gồm Quản lý mua hàng, Quản lý hàng tồn kho, Quản lý bán hàng, Quản lý ngân sách, Kế toán DA, Kế toán tài chính, Quản lý bảo trì bảo dưỡng.

Hạ tầng CNTT

- GHC xây dựng Hạ tầng CNTT phục vụ vận hành Công ty trên nền tảng đám mây (Cloud).
- Xây dựng hệ thống Scada cho 2 NM Thủy điện với công suất 28,2 MW và truyền tín hiệu về Trung tâm điều hành để giám sát tập trung.
- Người dùng có thể truy cập và thao tác trong và ngoài Công ty nhằm đảm bảo tính liên tục trong quá trình HĐKD.
- Bảo trì định kỳ 2 lần/năm hệ thống CNTT.
- Giám sát và mua sắm bản quyền phần mềm theo qui định của Luật sở hữu trí tuệ

Hệ thống Quản lý kế hoạch và tiến độ thực hiện

- Quản lý công việc đang theo dõi và thực hiện tại các Đơn vị. Qua đó, cập nhật thông tin, báo cáo kịp thời và thông suốt đến BLĐ.
- Quản lý, giám sát và ghi nhận kế hoạch đào tạo CBNV của GHC.

Báo cáo Quản trị (BI)

- Xây dựng Hệ thống báo cáo BI bao gồm các thông tin trình bày dưới dạng báo cáo, bảng phân tích hoặc Dashboard từ dữ liệu giao dịch tại tất cả Đơn vị.
- Quản lý, giám sát và ghi nhận kế hoạch đào tạo CBNV của GHC.

Hiệu quả

- Hơn 70% các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và công nợ nội bộ thực hiện tự động.
- BCTC truy xuất dễ dàng và nhanh chóng.

- Tối ưu hóa hoạt động.
- Tối ưu công tác điều hành Công ty.
- Tối ưu công tác QTRR của GHC.

- Giám sát và khắc phục sự cố mạng (mạng chậm, lỗi kết nối mạng).
- Ổn định hệ thống CNTT như ngăn ngừa rủi ro do virus, tấn công mạng hoặc hư hỏng.
- Tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ giúp Công ty tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- Hệ thống scada giúp Trung tâm điều hành theo dõi và ghi nhận công suất phát, điện áp, dòng điện... của tổ máy và trạm biến áp theo thời gian thực tại NM Thủy điện.

- Các Đơn vị luân chuyển/báo cáo/cập nhật và tương tác thông tin hiệu quả - thông suốt - kịp thời.
- Ban Quản lý DA theo dõi tiến độ thực hiện của DA, giám sát hoạt động liên quan DA, quản lý các tài liệu và các thông tin liên quan DA đầy đủ và xuyên suốt.

- Báo cáo kịp thời theo yêu cầu của BLĐ, giúp đưa ra những hành động hoặc quyết định phù hợp.
- BLĐ có nhiều thông tin và góc nhìn khác nhau về sức khỏe tài chính của Công ty.

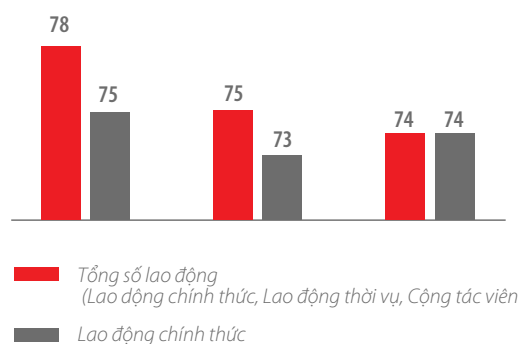
CON NGƯỜI VÀ VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

HỆ THỐNG NHÂN SỰ CỦA GHC

Tổng số lao động năm 2023 là 74 nhân sự - giảm 01 người (1%) so với năm 2022 và giảm 04 người (5%) so với năm 2021. Theo đó, năng suất lao động theo LNTT tăng 1% lên 4.427 triệu/người/năm so với 4.390 triệu/người/năm của 2021 và tăng 16% so với 3.809 triệu/người/năm của 2021

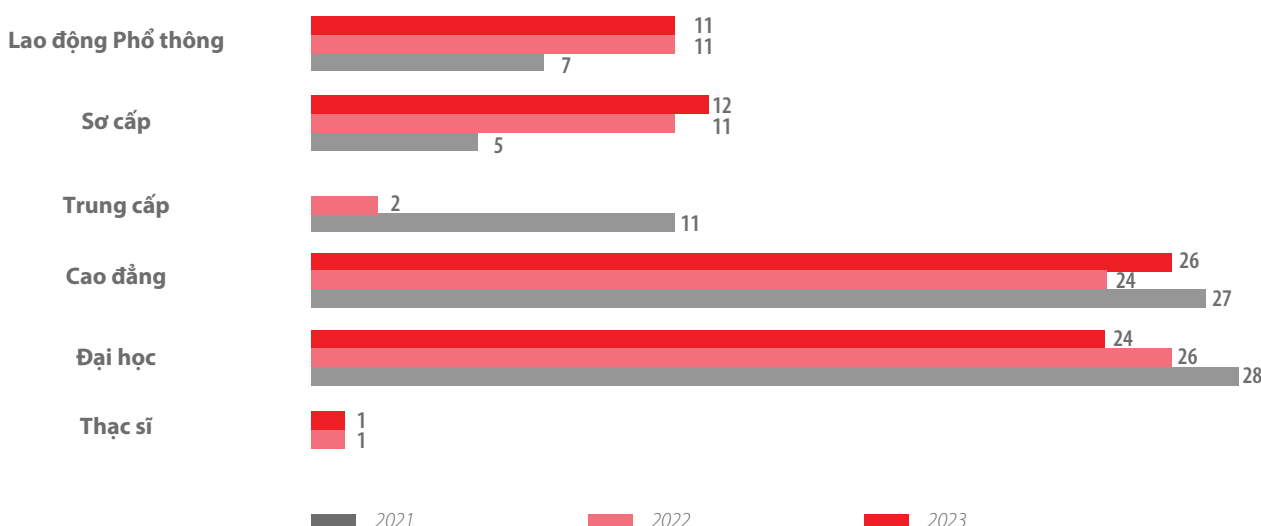
Nghề nghiệp	Số lượng		Tăng/ Giảm
	2022	2023	
Nhân sự Quản lý - điều hành (BDH)	3	3	0%
Nhân sự Văn phòng và hỗ trợ tại chỗ	11	10	9%
Nhân sự Kỹ thuật	5	5	0%
Nhân sự tham gia sản xuất	48	48	0%
Nhân sự Lao động phổ thông	8	8	0%
Tổng	75	74	-1%

TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ 2021 - 2023



Tỷ lệ kiêm nhiệm - nghĩa là 1 nhân sự làm được nhiều công việc khác nhau vào cuối năm 2023 khoảng 5%. Đây là 1 trong những chiến lược về nhân sự mà BDH Công ty đang áp dụng hiệu quả trong khoảng 4 năm trở lại đây. Về trình độ, Nhân sự từ Đại học và sau Đại học chiếm 35%, Cao đẳng 35%, Trung cấp 15% và còn lại là Lao động phổ thông 15%. Đội ngũ nhân sự chất lượng cao của GHC được duy trì ở mức ổn định qua các năm. CBNV trong độ tuổi từ 30-50 đang chiếm tỷ lệ khá cao - trên 91%. Đây cũng là độ tuổi có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn và kỹ năng, góp phần trong việc tăng hiệu quả hoạt động của Công ty. Lực lượng trong Khối Sản xuất chiếm tỷ trọng cao trong tổng số nhân sự 76%

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ NĂM 2021 - 2023



LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN THÀNH CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Xây dựng lộ trình phát triển cho nhân viên là điều mà bất cứ doanh nghiệp nào cần thực hiện nếu muốn nhân viên chuyên tâm cống hiến cho công ty. Hàng năm, bên cạnh rà soát, sắp xếp định biên nhân sự hợp lý để nâng cao năng suất lao động, Công ty chú trọng việc xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa. Định kỳ Công ty triển khai đánh giá năng lực CBNV, xây dựng danh sách nhân sự kế thừa, Xây dựng lộ trình đào tạo kết hợp với kế hoạch đào tạo hàng năm để triển khai.
- Ghi nhận sự đóng góp của mỗi CBNV và để khuyến khích tự xây dựng một kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân, GHC đã đưa ra 2 lộ trình thăng tiến cho nhân sự Khối Sản xuất và Khối ngoài Sản xuất.
- Tùy theo năng lực, tiềm năng phát triển, nguyện vọng và tính cách của mỗi cá nhân, GHC sẽ có Lộ trình đào tạo để cơ hội thăng tiến trở nên thực tế đối với mỗi cá nhân.
- Ngoài ra là cơ chế chuyển đổi giữa 2 Lộ trình để hỗ trợ, đồng hành cùng CBNV để đạt được kế hoạch phát triển cá nhân.
- Mục tiêu GHC đạt được là sở hữu một đội ngũ Nhân sự kế thừa chất lượng và phù hợp với môi trường, văn hóa cũng như định hướng phát triển của Công ty.



NHỮNG CHÍNH SÁCH NỔI BẬT ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

TIỀN LƯƠNG

CHỈ TIÊU CHÍNH

Xây dựng các chính sách nhân sự đồng bộ phù hợp với mục tiêu định hướng của Công ty.

Chuẩn hóa hệ thống đánh giá Hiệu quả công việc một cách toàn diện, tạo cơ sở tính lương một cách công bằng - công khai - phù hợp

Điều chỉnh tiền lương định kỳ đối với CBNV căn cứ vào kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ và phân công công việc đảm trách.

Thông qua các chính sách cụ thể và trực tiếp, đời sống của CBNV đã được cải thiện.

ĐIỂM NỔI BẬT

- Quỹ lương năm 2023 của GHC đạt 14,4 tỷ đồng, giảm 6% so với 2022 (0,9 tỷ đồng).
- Tỷ lệ Quỹ lương tương ứng với từng Khối lần lượt là: Khối ngoài Sản xuất 31%, Khối Thủy điện 43%, Khối Điện Mặt trời 23%, Áp mái 3%.
- Năng suất lao động năm 2023 theo LNTT và DTT lần lượt đạt 189 triệu đồng/người/tháng và 369 triệu đồng/người/tháng.

- Cải tiến Hệ thống Bảng Mô tả Công việc đảm bảo tính cụ thể, đo lường, khả thi, sự liên quan và thời gian hoàn thành từng công việc.
- Triển khai đánh giá năng lực toàn diện đến toàn thể CBNV từ Trưởng Đơn vị trở xuống để làm tiền đề xây dựng kế hoạch Nhân sự/Tiền lương/Phát triển nguồn nhân lực một cách hợp lý.

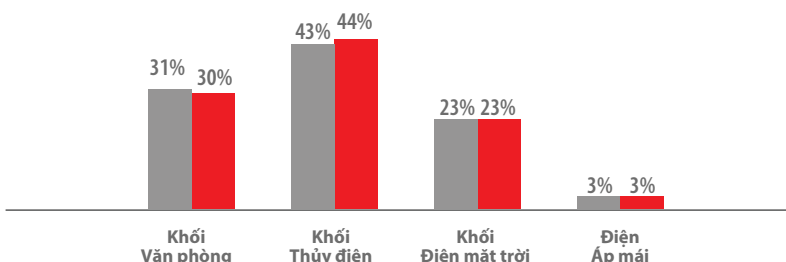
- **Khối Sản xuất:** Thường xuyên theo dõi đối chiếu Quỹ lương kế hoạch và thực hiện, đưa ra phương án điều chỉnh phù hợp đối với các đơn vị có sự chênh lệch lớn do nguyên nhân khách quan như khống chế công suất, điều kiện thời tiết... Xây dựng chính sách tiền lương bổ sung đối với DT bị khống chế do khách quan để đảm bảo ổn định thu nhập cho CBNV.

- **Khối ngoài Sản xuất:** Xây dựng phương án đánh giá Thường hiệu quả công dựa trên cả đánh giá KPI Công việc và KPI Hành vi, nâng cao tinh thần làm việc chuyên nghiệp đối với CBNV

Thu nhập bình quân CBNV đạt 16,2 triệu đồng/tháng, giảm 4% so với 2022 (16,8 triệu đồng/tháng).

Lương bình quân Khối ngoài Sản xuất/DA 20 triệu đồng/tháng - tăng 9%; Khối Thủy điện 15,6 triệu đồng/tháng- giảm 13%, Khối Điện Mặt trời 15 triệu đồng/tháng - giảm 3%, Áp mái 9,2 triệu đồng/tháng - tăng 3%. Đây là mức lương cạnh tranh tại các Địa phương so với các NM cùng công suất.

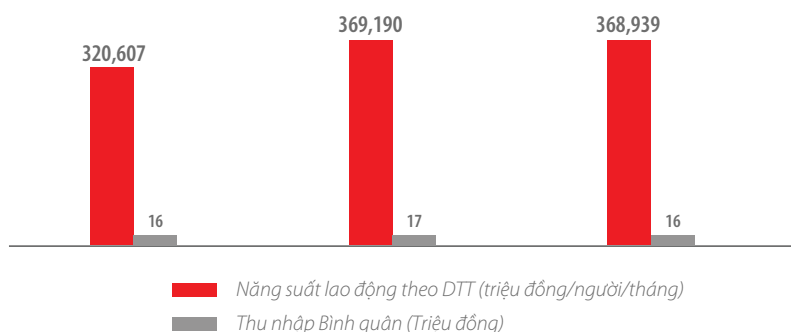
CƠ CẤU QUỸ LƯƠNG CÁC KHỐI



ĐỊNH HƯỚNG 2024

- Kế hoạch Quỹ lương năm 2024 không điều chỉnh so với năm 2023, dự kiến 14,8 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2023.
 - Khối ngoài Sản xuất/DA vẫn giữ tỷ lệ 57% để tập trung nhân sự phát triển các DA mới tại những thị trường mới.
 - Năng suất lao động năm 2024 theo DTT dự kiến đạt 374 triệu đồng/người/tháng - tăng 17% so với 2023.
 - Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh/cân đối tiền lương cho CBNV trên toàn Công ty, phù hợp với hiệu quả công việc và phân công công việc mới.
-
- Chuẩn hóa Hệ thống Đánh giá Mục tiêu - KPIs làm cơ sở cho việc chi lương hàng tháng dựa vào hiệu quả, chất lượng và thời gian hoàn thành công việc. Từ đó hướng đến việc định hướng lộ trình thăng tiến và lộ trình tăng trưởng thu nhập.
 - Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại và tiến đến chuyển đổi công nghệ số trong công tác quản trị nguồn nhân lực.
-
- Tại các NM sẽ có những giai đoạn DOANH THU thấp (NM Thủy điện - vào mùa khô, NM Điện Mặt trời - vào mùa mưa, NM Điện Gió - khi đứng gió), dẫn đến thu nhập của CBNV NM thấp hơn Bình quân Kế hoạch đã xây dựng. Nhằm đảm bảo thu nhập cho CBNV, tiếp tục chỉnh sửa phù hợp các chính sách Bảo hiểm tiền lương đối với Khối Sản xuất, chi bổ sung lương trong trường hợp Tiền lương trong kỳ không đạt 80% tiền lương bình quân kế hoạch.
 - Đối với Khối ngoài Sản xuất, sẽ thực hiện điều chỉnh tăng giảm thu nhập theo hiệu quả công việc đánh giá trên từng tháng.
-
- Thông qua kết quả đánh giá Năng lực toàn diện CBNV, mỗi CBNV tự đánh giá năng lực và những thành quả đạt được để đề xuất điều chỉnh mức lương tương ứng.
 - Xây dựng bổ sung chính sách thu nhập nhằm nâng thu nhập bình quân của CBNV tương đương mức Bình quân Trung bình Ngành trên thị trường.

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG THEO DTT VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN 2021-2023



NHỮNG CHÍNH SÁCH NỔI BẬT ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

PHÚC LỢI NGOÀI LƯƠNG

CHỈ TIÊU CHÍNH

Duy trì và phổ biến đầy đủ các chế độ Bảo hiểm CBNV được hưởng theo Quy định của Pháp luật.

Đề cao các chính sách đảm bảo sức khỏe cho CBNV, An toàn lao động.

Mở rộng các chế độ phúc lợi khác dành cho Người lao động.

ĐIỂM NỔI BẬT

- Trợ cấp nghỉ hưu và Trợ cấp thất nghiệp: Việc đóng góp đầy đủ Quỹ Bảo hiểm xã hội, CBNV Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận Lương hưu từ Bảo hiểm Xã hội/trợ cấp thất nghiệp khi chấm dứt Hợp đồng lao. Tổng Chí phí Bảo hiểm Bắt buộc (32%) Công ty đã đóng góp trong năm 2023 lên tới 1,5 tỷ đồng.
- Trợ cấp thôi việc: thực hiện đầy đủ việc chi trả trợ cấp thôi việc cho mỗi năm làm việc cho NLD tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định.
- Các bảo hiểm giá trị gia tăng: Công ty đã kết hợp với Tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt triển khai các chương trình bảo hiểm sức khỏe ưu việt dành cho CBNV: Bảo hiểm thân thể/tai nạn, Bậc 5.1 trở xuống; Bảo hiểm sức khỏe, Bậc 4.3 trở lên,
- Khối Sản xuất tổ chức làm việc theo Ca/Kíp. CBNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.
- Công nhân vận hành NM, Cán bộ quản lý, kỹ thuật đi kiểm tra, giám sát hiện trường... được đảm bảo cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân. Công ty cũng thường xuyên kiểm tra điều kiện lao động, thường xuyên kiểm định các thiết bị, máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động.
- Ưu tiên các chính sách về chăm sóc sức khỏe như khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBNV sản xuất trực tiếp.
- Mở rộng các chế độ phúc lợi khác với Người lao động như: Sinh nhật, Kết hôn, Sinh con, Trung thu, Tết cổ truyền Việt Nam và các dịp đặc biệt khác... Đồng thời chi ngân sách khoảng 350 triệu đồng để tổ chức Teambuilding, nghỉ mát để NLD có dịp nghỉ ngơi tái tạo sức lao động và giao lưu trao đổi kinh nghiệm.
- Tại các NM: đầu tư khu thể thao để CBNV tập luyện, rèn luyện sức khỏe. Phụ cấp độc hại bằng hiện vật đối với CBNV tham gia công tác vận hành NM Thủy điện
- Ngày phép thâm niên: Tăng 2 ngày phép khi đủ 5 năm (cao hơn Luật định).

ĐỊNH HƯỚNG 2024

- Tiếp tục duy trì các chế độ Bảo hiểm bắt buộc cơ bản như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn...
 - Mức lương Bảo hiểm bắt buộc đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu Vùng.
 - Tiếp tục thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Chế độ đối với Người Lao động theo Quy định của Luật Lao động, bổ sung các Chế độ cao hơn Luật và có lợi cho Người Lao động.
 - Tiếp tục duy trì các gói bảo hiểm giá trị gia tăng và thực hiện bảo hiểm trách nhiệm nhà quản lý (D&O) cho các Thành viên BLĐ nhằm san sẻ gánh nặng chi phí cho các nhà quản lý trong quá trình điều hành Công ty, đảm bảo các tiêu chuẩn Quản trị Doanh nghiệp quốc tế mà GHC đang áp dụng.
-
- Công ty định kỳ mời các Cơ quan chức năng kiểm tra độ ồn, rung, bụi... nghiên cứu và trang bị bổ sung phương tiện bảo vệ cá nhân nhằm hạn chế ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe người lao động, giảm trừ những yếu tố nguy hiểm, có hại...; từ đó cải thiện môi trường làm việc và đưa ra chế độ phụ cấp độc hại.
 - Công ty luôn nỗ lực xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp; trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác ATVSLĐ cho toàn thể CBNV. Hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBNV được tham gia khám sức khỏe, khuyến khích CBNV nghỉ phép để phục hồi sức lao động.
-
- Thực hiện rà soát và điều chỉnh các Chế độ Phúc lợi dành cho NLD đầy đủ và kịp thời.
 - Xây dựng hài hòa mối quan hệ người lao động và người sử dụng lao động, nâng cao vai trò của Công đoàn cơ sở, là cầu nối cho người lao động và người sử dụng lao động, giải quyết hài hòa các mối quan hệ.
 - Tăng cường phối hợp với tổ chức Công đoàn trong tiến trình đổi mới hoạt động, từng bước đi vào thực chất, quan tâm thiết thực tới đời sống người lao động.
-

NHỮNG CHÍNH SÁCH NỔI BẬT ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

CHẾ ĐỘ THƯỞNG

CHỈ TIÊU CHÍNH

Duy trì và mở rộng các chính sách thưởng định kỳ/đợt xuất ngoài Thưởng Hiệu quả công việc định kỳ hàng tháng.

Khen thưởng kịp thời bằng hiện vật/hiện kim đối với các Tập thể, Cá nhân có thành tích nổi bật, có quá trình cống hiến cho sự phát triển Công ty, có sáng kiến/hành động góp phần tạo ra giá trị gia tăng/tiết kiệm chi phí cho Công ty.

ĐIỂM NỔI BẬT

- Dựa trên kết quả Đánh giá hiệu quả công việc thực hiện chi thưởng cuối năm cho cá nhân và tập thể xuất sắc trong năm 2023 với tổng quỹ chi thưởng là gần 01 tỷ đồng
- Khen thưởng đột xuất Tập thể/Cá nhân. Thưởng bổ sung, Thưởng vượt kế hoạch, Thưởng thâm niên, Thưởng xuất sắc nhiều năm liền, Thưởng Tập thể/Cá nhân đạt Danh hiệu thi đua Xuất sắc 3 năm liền hoặc 5 năm liền. CBNV có thâm niên làm việc đạt các mốc 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm... CBNV đóng góp vào quá trình triển khai DA Năng lượng. Hỗ trợ mua ô tô/mua nhà, Hỗ trợ điều trị bệnh nội/ngoại trú, Dịch vụ nghỉ dưỡng đặc biệt... Chế độ hỗ trợ đối với CB Trung Kiên.

ĐÀO TẠO

Trao cho CBNV cơ hội phát triển phù hợp với từng đối tượng.

Nâng cao năng suất của lực lượng lao động hiện tại.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự chuẩn bị cho chiến lược phát triển Công ty trong tương lai.

Phát huy tối đa nguồn nhân lực trong sự phát triển của tổ chức.

- Trong năm 2023, có 26 Chương trình đào tạo được tổ chức (+8% so với 2022 – 24 Chương trình) với sự tham gia của 325 lượt học viên (- 36% so với 2022 - 184 lượt học viên). Tổng chi phí chỉ gần 127 triệu đồng (tiết giảm 39% so với năm 2022 - 81 triệu đồng).
- Phân hóa Chương trình đào tạo phù hợp với từng đối tượng
- Ngày phép thâm niên: Tăng 2 ngày phép khi đủ 5 năm (cao hơn Luật định).

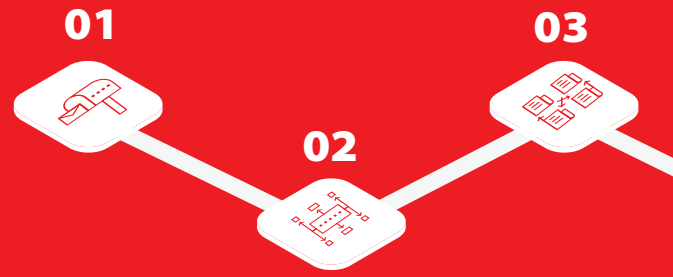
ĐỊNH HƯỚNG 2024

- Quỹ thưởng Hiệu quả công việc và lương tháng 13 kế hoạch cho năm 2024 dự kiến tương đương năm 2023 vào khoảng 6,2 tỷ đồng thông qua việc tối ưu nhân sự trong bối cảnh Ngành và Kinh tế vĩ mô.
- Xây dựng các phong trào thi đua có thưởng như: Công tác 5S, Thi An toàn Điện, Tiết kiệm chi phí... kết hợp công tác truyền thông để thúc đẩy các hoạt động tại Công ty.
- Dự kiến trong năm 2024 sẽ triển khai 23 khóa đào tạo với chi phí 280 triệu đồng. Áp dụng công nghệ trong theo dõi công tác đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo của từng CBNV.
- Chuẩn hóa Năng lực và tăng cường đào tạo Kỹ năng. Đảm bảo lực lượng vận hành luôn đáp ứng điều kiện theo quy định khi tham gia sản xuất.
- Chú trọng công tác đào tạo, GHC xây dựng đội ngũ lao động có khả năng thích nghi với sự thay đổi, chấp nhận thách thức, luôn nỗ lực hoàn thiện để cải thiện năng suất lao động mang lại hiệu quả trong kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự phát triển của Công ty

Quy trình khiếu nại cho hành vi không hợp pháp (bao gồm tham nhũng), không phù hợp đạo đức

Bộ Luật Lao động 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 hiệu lực kể từ 01/01/2021 đưa ra quy định chung về nội dung khiếu nại liên quan Khiếu nại về kỷ luật Lao động, trách nhiệm vật chất. Theo đó, Người bị xử lý kỷ luật Lao động, bị tạm đình chỉ công việc hoặc phải bồi thường theo chế độ trách nhiệm vật chất nếu thấy không thỏa đáng có quyền khiếu nại với Người sử dụng lao động, với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự do Pháp luật quy định.

Nhằm quản lý các khiếu nại của Người lao động tại GHC theo một cách thức có hệ thống, minh bạch, tôn trọng, khuyến khích Người lao động nói lên các mối quan ngại về môi trường làm việc như phân biệt đối xử, quấy rối, tiền lương không kịp thời/không đầy đủ, thu nhập, Thuế TNCN, các phúc lợi khác và các vấn đề về sức khỏe và an toàn.



TIẾP NHẬN KHIẾU NẠI

3 ngày làm việc

XÁC NHẬN VIỆC NHẬN KHIẾU NẠI

5 ngày làm việc

SÀNG LỌC 3 LOẠI KHIẾU NẠI

Loại 1: Đơn giản
Loại 2: Không thể trả lời ngay
Loại 3: Nghiêm trọng

CÁC HÀNH VI VÀ THÁI ĐỘ KHI LÀM VIỆC

- Trong quá trình giao tiếp, cho dù là ở trong phạm vi Công ty hay bên ngoài CBNV phải kiểm soát hành vi cá nhân để không làm ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty nhằm bảo vệ uy tín của Công ty.
- CBNV cũng không nói xấu hoặc có những hành vi lăng mạ các cá nhân, tổ chức khác.
- CBNV không được có thái độ phân biệt đối xử và hành vi quấy rối tại nơi làm việc.
- CBNV phải tuân thủ quy định về đồng phục công sở và thời gian làm việc của Công ty để đảm bảo tác phong chuyên nghiệp, hình ảnh thương hiệu của Công ty.
- Không được phép tàng trữ, sử dụng (dưới mọi hình thức: hút, hít, chích...), sở hữu, bán hoặc phân phối các chất kích thích, chất gây nghiện (ma túy, đồ dùng liên quan đến ma túy...), vũ khí... trong phạm vi Công ty.

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ CÁN BỘ QUẢN LÝ VỚI CẤP DƯỚI

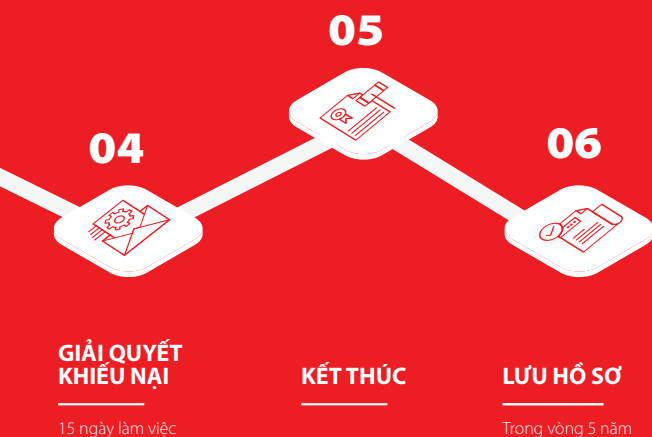
- Cán bộ quản lý luôn tôn trọng mỗi cá nhân là CBNV. Luôn tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển và có cơ hội thăng tiến.
- Biết lắng nghe để xuất và các ý kiến phản hồi của nhân viên; biết khen, khuyến khích động viên nhân viên đúng lúc, đúng chỗ và phê bình nhân viên một cách hợp lý.
- Phải công tâm, trung thực, công bằng, không lỏng động cơ cá nhân, không có thái độ và hành vi trù dập nhân viên khi đánh giá thi đua, khen thưởng và kỷ luật nhân viên của mình.

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ GIỮA CẤP DƯỚI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ

- CBNV phải giữ thái độ nghiêm túc, lịch sự, tôn trọng khi giao tiếp với Cán bộ quản lý.
- Chấp hành nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện mọi nhiệm vụ được phân công, thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.
- Trung thực, thẳng thắn, thiện chí trong mọi báo cáo, đề xuất với cấp trên.
- Tôn trọng ý kiến của cấp trên, giữ gìn và bảo vệ uy tín, danh dự của cấp trên.

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ ĐỒNG NGHIỆP CÙNG ĐƠN VỊ

- Chân thành và hợp tác khi giải quyết công việc. Đồng cảm và sẵn sàng chia sẻ khó khăn với đồng nghiệp trong công tác và cuộc sống. Cùng đồng nghiệp xây dựng đơn vị đoàn kết, môi trường làm việc thân thiện.
- Luôn niềm nở chào hỏi đồng nghiệp khi làm việc tại Công ty.
- Luôn tôn trọng, bảo vệ uy tín, danh dự của đồng nghiệp. Biết lắng nghe ý kiến góp ý của đồng nghiệp. Chân thành và thẳng thắn khi góp ý cho đồng nghiệp.
- Thường xuyên trao đổi, chủ động phối hợp trong công việc, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, khuyết điểm của mình cho đồng nghiệp. Không ghen ghét, đố kỵ, lời kéo, bè cánh, phe nhóm, gây mất đoàn kết nội bộ.



QUY TRÌNH KHIẾU NẠI DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠI GHC

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ ĐỒNG NGHIỆP KHÁC ĐƠN VỊ

- Luôn cởi mở, hòa nhã, thân thiện và hợp tác. Sẵn sàng, nhanh chóng phối hợp công việc một cách hiệu quả nhất. Đồng cảm, chia sẻ khó khăn trong cuộc sống.
- Không có thái độ gây khó khăn, cản trở, thiếu hợp tác khi giải quyết và phối hợp công việc.

GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ VỚI KHÁCH HÀNG - ĐỐI TÁC

- Có thái độ lịch sự, nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, tư vấn, giải thích rõ ràng, cụ thể về các dịch vụ và những thắc mắc của Khách hàng về công việc của doanh nghiệp mình tham gia; cung cấp thông tin trung thực, dễ hiểu.
- Không phát ngôn thiếu ý thức, thiếu trách nhiệm gây hiểu lầm.
- Không được có thái độ hách dịch, những nhieu, gây khó khăn, phiền hà cho Khách hàng.
- Thực hiện đúng cam kết với Khách hàng, đối tác.

QUY TẮC GIAO TIẾP, ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ NHÂN VIÊN

THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT

Trong xu thế hội nhập cùng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc nâng cao hiểu biết và tuân thủ Pháp luật luôn là ưu tiên hàng đầu được Ban Điều hành Công ty quan tâm và đôn đốc. Việc thượng tôn Pháp luật sẽ quyết định sự thành công trong hoạt động kinh doanh về lâu dài của Công ty. Với vị thế là một Công ty đại chúng quy mô lớn, GHC luôn tuân thủ đúng các quy định trong lĩnh vực Chứng khoán, Doanh nghiệp, Quản trị bao gồm nhưng không giới hạn các quy định khung tại các văn bản như sau:

CHỨNG KHOÁN

- Luật Chứng khoán 26/11/2019, NĐ 155/2020/NĐ-CP 31/12/2020 hướng dẫn Luật Chứng khoán
- NĐ 156/2020/NĐ-CP 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK, NĐ 128/2021/NĐ-CP 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 156/2020/NĐ-CP
- TT 96/2020/TT-BTC 16/11/2020 hướng dẫn CBTT trên TTCK

DOANH NGHIỆP

- Luật Doanh nghiệp 2020 17/6/2020
- NĐ 01/2021/NĐ-CP 4/1/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

QUẢN TRỊ

- TT 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về QTCT áp dụng đối với công ty đại chúng tại NĐ 155

Liên quan đến Ngành nghề kinh doanh chính là Năng lượng, GHC luôn tuân thủ tất cả các quy định tại các văn bản cụ thể về Ngành và các loại hình cụ thể sau:

NĂNG LƯỢNG

- TT 31/2022/TT-BCT 8/11/2022 sửa đổi TT 57/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện và TT 57/2020/TT-BCT 31/12/2020 quy định phương pháp xác định giá phát điện, PPA do Bộ Trưởng BCT ban hành.
- Tờ trình 8129/TTr-BCT 16/12/2022 gửi Hội đồng thẩm định về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

ĐIỆN MẶT TRỜI VÀ ĐIỆN GIÓ

- Văn bản 6570/EVN-TTĐ về việc khung giá phát điện NM Điện Mặt trời, Điện Gió chuyển tiếp ngày 20/11/2022 của EVN gửi BCT, ERAV

PHÁT ĐIỆN SỬ DỤNG CHẤT THẢI RẮN

- QĐ 31/2014/QĐ-TTg 5/5/2014 về cơ chế hỗ trợ phát triển các DA phát điện sử dụng Chất thải rắn
- TT 32/2015/TT-BCT 8/10/2015 quy định về PTDA và PPA mẫu áp dụng cho các DA phát điện sử dụng Chất thải rắn.
- TT 44/2015/TT-BCT 9/12/2015 quy định về PTDA, biểu giá chi phí tránh được và PPA mẫu áp dụng cho các DA Điện Sinh khối

ĐIỆN SINH KHỐI

- QĐ 08/2020/QĐ-TTg 5/2/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 24/2014/QĐ-TTg 24/3/2014 của TTCP về cơ chế hỗ trợ phát triển các DA Điện Sinh khối tại Việt Nam.
- TT 16/2020/TT-BCT 7/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều TT 44/2015/TT-BCT 9/12/2015 Bộ Trưởng BCT quy định về phát triển DA, biểu giá chi phí tránh được và PPA mẫu áp dụng cho DA Điện Sinh khối

GHC định hướng tiếp tục kiện toàn bộ máy, quy trình vừa phù hợp với quy định của Pháp luật, vừa đáp ứng kỳ vọng chuẩn mực của các NĐT Quốc tế theo đúng xu hướng của thế giới về ESG:

TT	VĂN BẢN	ĐIỂM NỔI BẬT
MÔI TRƯỜNG		
1	Tiêu chuẩn TCVN 6707:2009	Quy định chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo
2	QC QCVN 14: 2008/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt
3	QC QCVN 40:2011/BTNMT	Quy định chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo
4	NĐ 41/2021/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 82/2017/NĐ-CP
5	Luật Tài nguyên nước 2012	Quy định Luật liên quan đến bảo vệ, khai thác, sử dụng TNN
6	NĐ 134/2013/NĐ-CP	Quy định về xử phạt VPHC lĩnh vực điện lực, AT ĐTĐ, sử dụng NL hiệu quả
7	TT 27/2014/TT-BTNMT	Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép TNN
8	NĐ 80/2014/NĐ-CP	Quy chuẩn về chất lượng nước mặt ước và xử lý nước thải
9	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước mặt
10	QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước dưới đất
11	Luật Khí tượng thủy văn 2015	Quy định về hoạt động khí tượng thủy văn
12	NĐ 38/2016/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.
13	TT 270/2016/TT-BTC	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng TNN
14	TT 08/2017/TT-BXD	Quy định về quản lý Chất thải rắn xây dựng
15	NĐ 82/2017/NĐ-CP	Quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác TNN
16	TT 64/2017/TT-BTNMT	Quy định về xác định dòng chảy tối thiểu
17	NĐ 114/2018/NĐ-CP	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước
18	Luật Đa dạng sinh học	Quy định về bảo tồn và PTBV đa dạng sinh học
19	TT 31/2018/TT-BTNMT	Quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo TN nước mặt, nước ngầm
20	QC QCVN 01-1:2018/BYT	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt
21	TT 09/2019/TT-BCT	Quản lý an toàn đập, hồ chứa Thủy điện, các biểu mẫu báo cáo
22	NĐ 36/2020/NĐ-CP	Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực TNN và khoáng sản
23	NĐ 48/2020/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 38/2016/NĐ-CP
24	NĐ 53/2020/NĐ-CP	Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
25	TT 10/2021/TT-BTNMT	Quy định về kỹ thuật QTMT và quản lý thông tin, dữ liệu QTMT.
26	TT 17/2021/TT-BTNMT	Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước
27	Luật Bảo vệ Môi trường 2020	Quy định về hoạt động bảo vệ môi trường
28	NĐ 04/2022/NĐ-CP	Sửa đổi NĐ về xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai; TNN và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ
29	NĐ 06/2022/NĐ-CP	Quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn
30	TT 01/2022/TT-BTNMT	Hướng dẫn Luật Bảo vệ Môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu
31	TT 02/2022/TT-BTNMT	Quy định chi tiết thi hành các điều, khoản, điểm quy định bảo vệ MT nước, bảo vệ MT đất, bảo vệ MT di sản thiên nhiên...
32	NĐ 08/2022/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
33	NĐ 17/2022/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều về xử phạt VPHC trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập TĐ, sử dụng NL hiệu quả...
34	NĐ 45/2022/NĐ-CP	Quy định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
35	NĐ 02/2023/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Tài nguyên nước
MÔI TRƯỜNG		
36	Luật Di sản văn hóa 2001	Quy định hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa.
36	NĐ 05/2011/NĐ-CP	Quy định về công tác dân tộc.
36	Luật Khiếu nại 2011	Quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước
36	Luật Đất đai 45/2013/QH13	Quy định chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn và trách nhiệm NN đại diện Chủ sở hữu toàn dân về đất đai; thống nhất quản lý về đất đai

SỰ THAY ĐỔI HỆ THỐNG VĂN BẢN LẬP QUY TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, GHC đã thực hiện điều chỉnh, xây dựng mới 15 VBLQ để cập nhật các Văn bản Pháp luật vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty. Số lượng VBLQ năm 2023 là 86, tương đương với năm 2022, tập trung vào Văn bản về Chính sách, Hướng dẫn, Quy chế và Quy định của Công ty. Việc ban hành các Hướng dẫn cụ thể về Quản lý vận hành NM, Chính sách Công nghệ thông tin, Chính sách - Pháp chế, Tổ chức bộ máy giúp kiện toàn VBLQ, Tổ chức Công ty và Hướng dẫn thực thi cho CBNV. Việc ban hành và cập nhật VBLQ nhằm tiêu chuẩn hóa hoạt động Công ty, đảm bảo tuân thủ Pháp luật, các Quy định và Chuẩn mực Quốc tế.

Trong hệ thống VBLQ thì Quy trình chiếm tỷ trọng lớn nhất với 45%, theo sau là Hướng dẫn 23%, Quy định 12%, Quy chế 8%. Đối với Lĩnh vực, số lượng VBLQ nhiều nhất là Nhân sự đào tạo 29%, Tổ chức Bộ máy 24%, Hành chính - Hỗ trợ 15%, Tài chính Kế toán 8%... phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC NHÀ MÁY NLTT

- Đảm bảo công tác triển khai, đầu tư và phát triển các dự án Năng lượng của GHC luôn được đảm bảo tuân thủ các văn bản Pháp luật chính yếu điều chỉnh trong lĩnh vực Điện năng và những Luật pháp có liên quan khác tác động đến việc phát triển các dự án Năng lượng
- Các chính sách Pháp luật được điều chỉnh trong lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường, đầu tư, đấu thầu, cơ chế phát triển ĐMT, ĐG... luôn được cập nhật, phở biến và áp dụng kịp thời
- Các hoạt động của GHC trong năm qua đều đảm bảo tuân thủ Pháp luật. Các Nhà máy vận hành đạt hiệu quả kinh doanh. Đối với các NMTĐ, các quy định về an toàn hồ chứa, đập, quan trắc môi trường, quan trắc nguồn nước ... được GHC xây dựng lộ trình triển khai theo đúng chuẩn

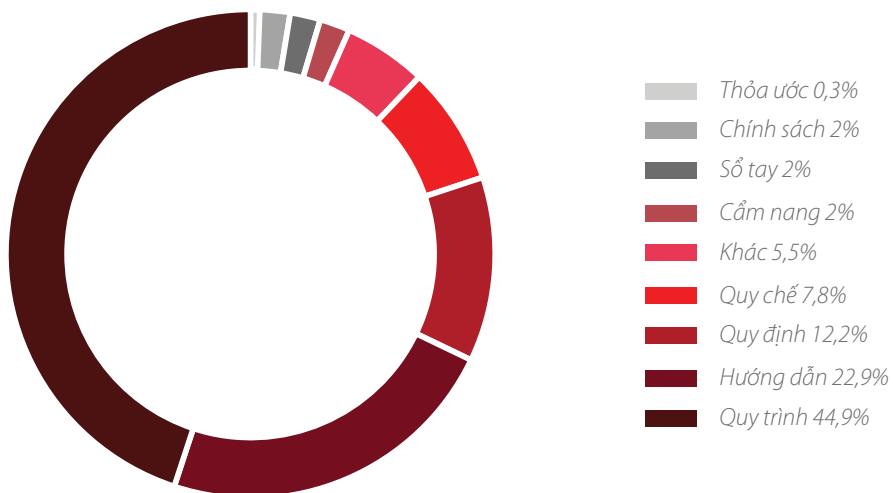
ĐỐI VỚI TIÊU CHUẨN AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

- Trong năm 2023, GHC tiếp tục kiện toàn khuôn khổ VBLQ trong lĩnh vực An toàn, Sức khỏe, Môi trường. Các VBLQ được xây dựng để đáp ứng tiêu chuẩn ISO 1400:2015 - Bộ tiêu chuẩn được Quốc tế công nhận, tiêu chuẩn này được xem là khung chuẩn và định hướng giúp GHC tổ chức và quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường.
- Song hành cùng với phát triển các dự án Năng lượng, việc tuân thủ các quy định của Pháp luật điều chỉnh các công tác triển khai dự án luôn là tôn chỉ được đặt lên hàng đầu, đặc biệt các lĩnh vực liên quan như Điện lực, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, đầu tư. Tại GHC, Ban Lãnh đạo luôn chú trọng việc tuân thủ tiêu chuẩn hoạt động Môi trường và Xã hội tại các Dự án NLTT của Công ty. Đây là yếu tố tiên quyết trong định hướng PTBV mà Công ty theo đuổi

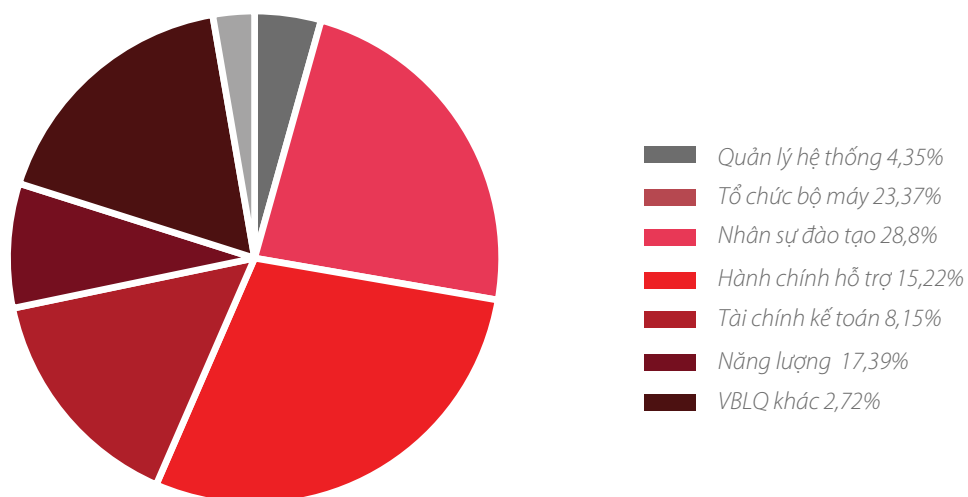
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

- Là Công ty Cổ phần Đại chúng quy mô lớn, niêm yết trên sàn chứng khoán, GHC phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn về việc QTDN, CBTT và những yêu cầu khác theo quy định của Pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của CĐ.
- Việc tuân theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán, tăng cường tính khách quan trong BCTC, tăng cường tính minh bạch trong việc CBTT... GHC sẵn sàng kịp thời đáp ứng các tiêu chuẩn được ban hành của Pháp luật về Chứng khoán, góp phần hỗ trợ TTCK Việt Nam được đánh giá cao hơn của các NĐTNN

TỶ LỆ VĂN BẢN LẬP QUY THEO LOẠI HÌNH 2023



TỶ LỆ VĂN BẢN LẬP QUY THEO LĨNH VỰC NĂM 2023



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Với tầm nhìn và hoài bão trở thành một trong những Tổ chức tư nhân hàng đầu Việt Nam về phát triển NLTT, đóng góp vào mục tiêu PTBV và đạt phát thải ròng bằng 0 năm 2050, GHC cùng với GECG đã và đang nỗ lực, trau dồi, phát huy các thế mạnh trong chuỗi giá trị khép kín từ Phát triển và M&A Dự án, thi công và vận hành Dự án trong lĩnh vực NLTT nhằm mở rộng quy mô cũng như đảm bảo PTBV.

THƯƠNG HIỆU VÀ UY TÍN CỦA CÔNG TY

GHC đã từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu trên thị trường NLTT Việt Nam với tổng công suất vận hành và đang phát triển trong năm 2023 đạt 150 MWp. GHC là Doanh nghiệp niêm yết thuận hoạt động trong lĩnh vực NLTT, với kết quả kinh doanh ổn định tăng trưởng qua từng năm

Các Dự án của GHC đều được đánh giá cao về chất lượng thi công trong thời gian tối ưu và hiệu quả vận hành về Doanh thu Lợi nhuận; đặc biệt là đáp ứng các tiêu chuẩn Môi trường Xã hội Quốc tế IFC khắt khe.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ GIÀU KINH NGHIỆM VÀ CHUYÊN MÔN VỀ NLTT

Trong 5 năm gần đây, ngoài lĩnh vực Thủy điện, GHC đã tiên phong đầu tư vào các Dự án Điện Gió và Điện Mặt trời nhằm phát triển đa dạng danh mục các loại hình NLTT và đã đạt được những thành công bước đầu.

Bên cạnh các yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của dự án như công nghệ, kỹ thuật và cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự có chuyên môn, nhiệt huyết và kinh nghiệm tích lũy qua nhiều dự án đóng vai trò then chốt, đặc biệt trong bối cảnh cơ chế chính sách tại Việt Nam đòi hỏi các dự án phải triển khai trong thời gian eo hẹp nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng công trình đạt được các tiêu chuẩn đóng điện và tối ưu Doanh thu phát điện.

ĐÓN ĐẦU CƠ CHẾ GIÁ DÀNH CHO DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ CHUYỂN TIẾP

Sau khi cơ chế giá FIT Điện Gió kết thúc vào cuối tháng 10/2021, các dự án chưa vận hành thương mại trước thời hạn giá FIT sẽ được hưởng Cơ chế giá chuyển tiếp với giá bán điện dự kiến ưu đãi hơn so với các dự án phát triển mới.

Ngày 07/01/2023, Bộ Công thương đã ban hành khung giá phát điện Nhà máy Điện Mặt trời, Điện Gió chuyển tiếp theo Quyết định số 21/QĐ-BCT. Hiện GHC đang tập trung rà soát, tập hợp hồ sơ để xuất các Dự án để chuẩn bị cho việc nâng tổng công suất vận hành của GHC lên 150 - 200 MWp.

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI

DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ VẬN HÀNH

Stt	Nhà máy	Địa điểm	Công suất (MW)	Năm vận hành	Sản lượng 2023 (Tr kWh)	Doanh thu 2023 (Tỷ đồng)	Giảm thải CO2 2018-2023 (Tấn)
1	H'Chan	Gia Lai	12 MW	2006	59,7	72	603.906
2	H'Mun	Gia Lai	16,2 MW	2010	74,6	90	760.380
1	Hàm Phú 2	Bình Thuận	49 MWp	2019	70,9	157,8	329.197
2	Áp mái	Gia Lai, Hậu Giang Sóc Trăng	2,6 MWp	2019	3,4	6,7	84.205
1	Ia Bang	Gia Lai	50 MW	2006	131	267	244.329
2	V.P.L 1	Bến Tre	30 MW	2010	81	182	146.181

NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ VPL2

CÔNG SUẤT **30MW**

TUABIN

Công ty
VPL

1.500
tỷ đồng

Sản lượng
trung bình
92 triệu
kWh/năm

Vận tốc Gió
6,8 m/s

Giảm thải CO2
trung bình năm

77.814
tấn/năm

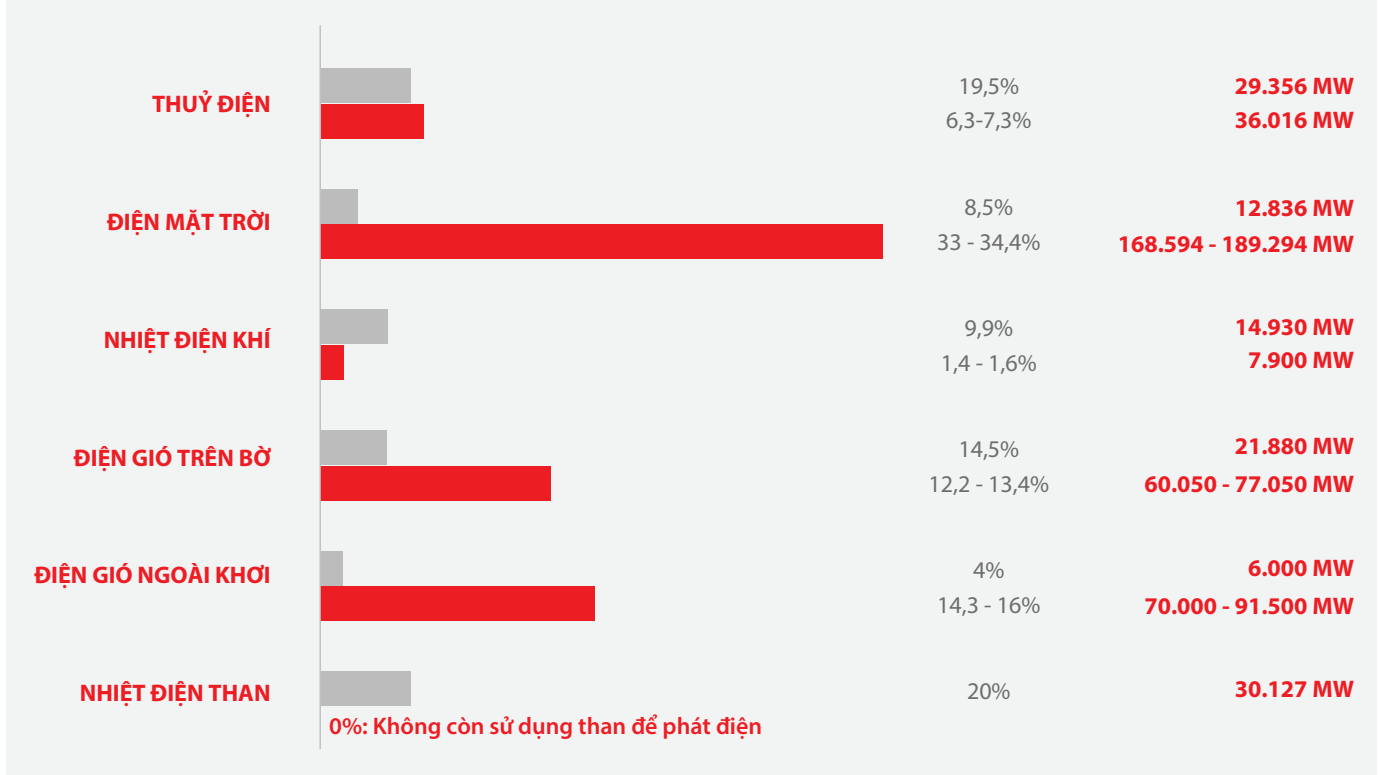
Gần bờ

Bến Tre

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THÍCH ỨNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

Thủ tướng Chính phủ vừa ký Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QH 8). QH 8 quy hoạch phát triển nguồn điện và lưới điện truyền tải ở cấp điện áp từ 220 kV trở lên, công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo, năng lượng mới trên lãnh thổ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm cả các công trình liên kết lưới điện với các quốc gia láng giềng.

CƠ CẤU NGUỒN ĐIỆN



Trong bối cảnh chính sách liên tục cập nhật, GHC xác định chiến lược PTDA trong giai đoạn tới là sự thích ứng. Việc linh hoạt thích nghi với các chính sách, chủ trương phát triển mới, đồng thời kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó là yêu cầu tiên quyết và chìa khóa giúp các đơn vị PTDA NLTT thành công trong giai đoạn này.

ƯU TIÊN VÀ THẾ MẠNH - TỐI ƯU VIỆC PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO HIỆN HỮU (THỦY ĐIỆN, ĐIỆN MẶT TRỜI, ĐIỆN GIÓ)

Liên quan đến Ngành nghề kinh doanh chính là Năng lượng, GHC luôn tuân thủ tất cả các quy định tại các văn bản cụ thể về Ngành và các loại hình cụ thể sau:

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG M&A TẬP TRUNG VÀO CÁC NHÓM DỰ ÁN

- Đã vận hành thương mại và Chủ Đầu tư có nhu cầu hợp tác hoặc chuyển nhượng.
- Điện Mặt trời ký hợp đồng mua bán điện trước ngày 01/01/2021 và Điện Gió ký hợp đồng mua bán điện trước ngày 01/11/2021, chưa vận hành thương mại. Đây là những dự án được xếp vào giai đoạn chuyển tiếp và có thể áp dụng cơ chế đàm phán giá điện mới.
- Các dự án thủy điện trong danh mục đánh giá khả thi, hiệu quả

MỞ RỘNG PHÁT TRIỂN DỰ ÁN TẠI CÁC KHU VỰC LÁNG GIỀNG NHẪM NHẬP KHẨU ĐIỆN VỀ VIỆT NAM

- Căn cứ vào cơ chế khuyến khích nhập khẩu điện của Việt Nam, GHC sẽ ưu tiên khảo sát các Khu vực có điều kiện tự nhiên tốt, gần biên giới Việt Nam để thuận lợi đấu nối, tiết giảm chi phí đường dây và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

TIẾT GIẢM TỔNG MỨC ĐẦU TƯ KHI PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN MỚI ĐỂ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ DỰ ÁN TRONG BỐI CẢNH KHÔNG CÒN CHÍNH SÁCH GIÁ FIT

Đối với Điện Gió, GHC ưu tiên lựa chọn các dòng Tuabin:

- Có đường kính cánh lớn nhằm cải thiện đường cong công suất, tăng sản lượng điện sản xuất và Doanh thu.
- Công suất lớn để giảm số lượng Tuabin cần lắp đặt, vì vậy tiết giảm chi phí xây dựng móng, đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí vận hành Công suất lớn để giảm số lượng Tuabin cần lắp đặt, vì vậy tiết giảm chi phí xây dựng móng, đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí vận hành.
- Một số dòng Tuabin mới như Vestas V163-4,5 MW, V162-5,6 MW, V162-6 MW, Goldwind V165-5,2 MW/5,6 MW/6,0 MW.

Đối với Điện Mặt trời:

- Tương tự, các dòng tấm pin mặt trời mới có công suất lớn 635-670 Wp giúp tiết giảm quỹ đất.
- Giảm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.
- Giảm chi phí cáp.
- Tăng hiệu suất chuyển đổi của tấm pin

Tận dụng nguồn vốn của đối tác

- Để đạt mục tiêu giảm phát thải ròng về mức 0 trước năm 2050, Chính Phủ các nước trên thế giới đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn đối với các doanh nghiệp có danh mục đầu tư xanh.
- Các Tập đoàn lớn ở các nước này đang nỗ lực chạy đua trên con đường đầu tư NLTT trong nước và các Quốc gia khác.
- Tận dụng thương hiệu và uy tín của GEG, GHC trên thị trường Năng lượng Việt Nam, GHC sẽ tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, cùng thành lập liên doanh để phát triển dự án mới nhằm giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả đầu tư dự án.

TIẾT GIẢM TỔNG MỨC ĐẦU TƯ KHI PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN MỚI ĐỂ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ DỰ ÁN TRONG BỐI CẢNH KHÔNG CÒN CHÍNH SÁCH GIÁ FIT

- GHC đầu tư Hệ thống Điện Mặt trời Mái nhà và bán điện tại chỗ với giá thấp hơn giá bán điện của EVN từ 10-15% cho các khách hàng sử dụng điện sản xuất, phụ tải tiêu thụ ổn định.
- Tập trung phát triển cơ hội đầu tư Nhà máy Điện Mặt trời mặt đất hoặc Điện Mặt trời nổi quy mô lớn, đấu nối trực tiếp vào các Nhà máy/Khu Công nghiệp quy mô lớn, có khả năng tiêu thụ 100% sản lượng điện tạo ra từ Nhà máy.

ĐIỆN RÁC

Tiềm năng phát triển Điện Rác ở Việt Nam rất lớn. Với dân số hơn 98 triệu người, hằng năm, trung bình có gần 35.000 tấn chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 34.000 tấn chất thải sinh hoạt nông thôn mỗi ngày. Riêng các Thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM, mỗi ngày có từ 7.000 - 8.000 tấn rác thải, theo Tổng cục Năng lượng - BCT. Phần lớn rác thải tại Việt Nam được xử lý chủ yếu bằng công nghệ chôn lấp, đòi hỏi nhiều quỹ đất, trong đó hầu hết các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường. Để giải quyết bài toán môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 41/CT-TTg đưa ra các giải pháp cấp bách để tăng cường quản lý chất thải rắn, trong đó chú trọng phát triển các nguồn điện từ chất thải rắn và sinh khối cũng như đảm bảo các ưu đãi để thúc đẩy thu hút đầu tư loại hình này. Hiện nay, mức giá bán điện áp dụng cho các Nhà máy Điện Rác là 10,05 UScents/kWh và không giới hạn thời gian vận hành thương mại của Nhà máy. Về công nghệ, các công nghệ được sử dụng phổ biến bao gồm công nghệ lò đốt thùng quay, công nghệ lò đốt tầng sôi và công nghệ lò đốt buồng lửa có ghi. Mỗi loại công nghệ sẽ phù hợp với một loại rác thải đầu vào khác nhau và có các ưu/nhược điểm khác nhau.

Do đặc thù nguồn rác ở Việt Nam không phân loại, độ ẩm cao, nhiệt trị thấp, GHC đang và sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác đã có kinh nghiệm tại Việt Nam cũng như trên thế giới đồng thời triển khai khảo sát tại các Tỉnh có nguồn rác lớn nhằm đảm bảo lựa chọn công nghệ phù hợp với nguồn đầu vào và vận hành hiệu quả.

THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các dạng NLTT tiên tiến khác, hiện nay trên thế giới đã hình thành nên một xu hướng khá phổ biến là Thủy điện tích năng nhằm giải quyết vấn đề thừa, thiếu trong biểu đồ phụ tải hệ thống điện. Mô hình của Thủy điện tích năng gồm 2 hồ chứa nước ở 2 cao độ khác nhau và 1 NMTĐ với Tuabin thuận nghịch nằm ở gần hồ chứa bên dưới, nối với hồ chứa bên trên bằng đường ống áp lực. NMTĐ tích năng là một dạng "hộ tiêu thụ điện đặc biệt" với công dụng chính là tích lũy Năng lượng để bổ sung cho hệ thống vào những lúc cần thiết. Thủy điện tích năng vận hành dựa trên nguyên tắc cân bằng nhu cầu phụ tải của hệ thống điện. Trong giờ cao điểm, khi nhu cầu dùng điện cao, Thủy điện tích năng vận hành như NMTĐ bình thường bằng cách lấy nước từ hồ chứa bên trên, chảy qua đường ống áp lực, làm quay Tuabin để phát điện lên hệ thống, nước xả xuống hồ dưới. Vào giờ thấp điểm, phụ tải thừa thì lúc này Thủy điện tích năng làm việc như một trạm bơm, dùng điện bơm nước từ hồ dưới ngược lên hồ trên.

Trong năm qua, GHC được cấp chủ trương khảo sát Nhà máy Thủy điện tích năng tại Tỉnh Lâm Đồng. Định hướng nghiên cứu không chỉ tại Việt Nam mà các Khu vực lân cận để phát triển loại hình này

HYDROGEN XANH

Hydrogen xanh được sản xuất bằng cách sử dụng NLTT để cung cấp Năng lượng điện phân - phân tách các phân tử nước thành Hydro và Oxy. Hydrogen được phát triển để thay thế nhiên liệu hóa thạch nhằm phục vụ cho sản xuất, lưu trữ điện, công nghiệp, giao thông vận tải, sản xuất phân bón, hóa chất... Kết hợp các Dự án Điện Gió ngoài khơi với Hydrogen xanh giúp giảm gánh nặng, đầu tư vào hệ thống lưới điện truyền tải trong nước và giữ cho hệ thống hoạt động ổn định thông qua việc lưu trữ điện bằng pin Hydrogen xanh. Tuy nhiên, công nghệ, nguồn nhân lực và cả tài chính do giá thành sản xuất quá cao là những thách thức trong quá trình chuyển đổi Năng lượng sử dụng Hydrogen. Loại hình NL này còn mới ở Việt Nam, đòi hỏi công nghệ xử lý tiên tiến chi phí đầu tư cao.

Trong năm qua GEC đã được cấp chủ trương khảo sát Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian tới, GEC và GHC sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác có kinh nghiệm tại nước ngoài để tìm hiểu các yêu cầu đối với điều kiện đầu vào và đánh giá chi tiết tính hiệu quả Dự án

ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI

Với đường bờ biển dài, Việt Nam có tiềm năng phát triển Năng lượng Gió vô cùng lớn. Tốc độ gió tại các Khu vực xa bờ thường cao hơn đáng kể so với Khu vực gần bờ/trên bờ, hứa hẹn mang lại Doanh thu lớn

Các Dự án của GHC đều được đánh giá cao về chất lượng thi công trong thời gian tối ưu và hiệu quả vận hành về Doanh thu Lợi nhuận; đặc biệt là đáp ứng các tiêu chuẩn Môi trường Xã hội Quốc tế IFC khắt khe

KỶ NGUYÊN NĂNG LƯỢNG XANH

Đây là những loại hình NLTT mới, có tiềm năng phát triển ở Việt Nam trong thời gian tới mà GHC đang nỗ lực làm việc với các đối tác và triển khai khảo sát tại các Tỉnh để lựa chọn vị trí dự án phù hợp cũng như M&A các dự án có nhu cầu hợp tác hoặc chuyển nhượng, đảm bảo hiệu quả đầu tư của GHC.





QUẢN TRỊ TRÁCH NHIỆM
BỀN BỈ KIẾN TẠO

**GIA TĂNG GIÁ TRỊ
HOẠCH ĐỊNH TƯƠNG LAI**

BỘ MÁY QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THÁI HÀ - 1980

Thạc sĩ Kinh tế Phát triển
Chủ tịch HĐQT

Bổ nhiệm tháng 4 năm 2019

Thành tựu nổi bật:

- Hoạch định lộ trình chiến lược và định hướng GHC trở thành Doanh nghiệp phát triển đa dạng NLTT xanh, sạch và thân thiện Môi trường gồm TĐ nhỏ, ĐMT, Áp mái và ĐG
- Hiện thực hóa chiến lược phát triển đa dạng danh mục NLTT gồm TĐ, ĐMT và ĐG; mang lại nguồn thu hiệu quả, hạn chế rủi ro tập trung một loại hình Năng lượng.
- Trong gần 5 năm giữ cương vị chủ tịch Hội đồng quản trị, bà đã đưa ra hoạch định lộ trình chiến lược phát triển của Công ty, từng bước đưa GHC trở thành doanh nghiệp phát triển đa dạng NLTT xanh, sạch, thân thiện môi trường.

Kinh nghiệm:

- 22 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành tại Tập đoàn TTC và Ngân hàng thương mại cổ phần.

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- 481.000 cổ phiếu, chiếm 1,01%

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy điện Gia Lai (GHC)
- TGD CTCP Điện Gia Lai (GEC)
- Chủ tịch HĐQT CTCP Điện Gió la Bang
- Thành viên HĐQT CTCP Năng lượng Điện Gió Tiền Giang
- Thành viên HĐQT CTCP Điện TTC Đức Huệ Long An
- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Thành Thành Công

Phụ trách Chung công tác Quản trị Công ty các mảng hoạt động sau:

- Định hướng Chiến lược phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.
- Công tác quản trị doanh nghiệp, Công tác quản lý hệ thống: hoạch định và chủ trì việc xây dựng/triển khai giải pháp quản trị doanh nghiệp của Công ty.
- Công tác tái cấu trúc, Đầu tư tài chính, Đầu tư dự án.
- Công tác tài chính, kế toán, điều tiết nguồn lực tài chính, tín dụng và thanh khoản, Công tác Mua sắm, thanh lý tài sản cố định.
- Công tác nhân sự, đào tạo, chế độ người lao động...
- Công tác Quản lý Cổ đông, quyền Cổ đông ...



Ông VÕ HOÀNG VINH - 1990

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
Thành viên HĐQT Độc lập
Chủ tịch UBKT

Bổ nhiệm tháng 4 năm 2021

Kinh nghiệm: 11 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành Công ty

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 Cổ phiếu

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch UBKT - CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC)
- Chánh Văn phòng – CTCP Đầu tư Thành Thành Công
- TV HĐQT – CTCP Chè Ngọc Thành
- TV HĐQT – CTCP Thương mại Thành Thành Công

Thành tựu nổi bật:

- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, Thiết lập, giám sát thực hiện công cụ QTRR
- Rà soát công tác KTNB bao gồm kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động và kiểm toán BCTC.
- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện soát xét các vấn đề trọng yếu, tham mưu HĐQT về chiến lược quản trị rủi ro, kiểm soát rủi ro

Phụ trách Chung công tác Quản trị các mảng hoạt động sau:

- Phụ trách công tác hoạt động của UBKT, Quản trị và giám sát thực hiện các công cụ QTRR và giám sát tính hiệu quả của hệ thống KSNB, PTBV gắn liền tính tuân thủ cao và giảm thiểu rủi ro.
- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp.
- Hỗ trợ, liên hệ giữa GHC với BLQ, Giám sát độc lập các hoạt động liên quan QTCT, các hoạt động của BDH, bao gồm việc cân bằng và ngăn ngừa những xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của CĐ.



Ông LÊ THÁI BÌNH - 1993

**Thạc sĩ tài chính Ngân hàng
Cử nhân Kế toán Kiểm toán
Thành viên HĐQT
Thành viên UBKT**
Bổ nhiệm tháng 4 năm 2022

Kinh nghiệm: 9 năm kinh nghiệm Quản trị Quản lý lĩnh vực Tài chính Kế toán Năng lượng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 Cổ phiếu

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT Thành viên UBKT (GHC)
- Trưởng Phòng KTNB CTCP Điện Gia Lai (GEG)

Thành tựu nổi bật:

- Từng bước củng cố và hoàn thiện hệ thống KSNB hiệu quả cho GHC
- Đảm bảo cao nhất tính tuân thủ các chuẩn mực QTCT của OECD và Thẻ điểm QTCT Khu vực Asean ASEAN SCORECARD.

Phụ trách Chung công tác Quản trị các mảng hoạt động sau:

- Quản trị và giám sát thực hiện các công cụ QTRR, hệ thống KSNB, PTBV gắn liền tính tuân thủ cao và giảm thiểu rủi ro.
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả tại Công ty.
- Kiểm tra các hợp đồng và các giao dịch liên quan đến các hoạt động NLTT của Công ty để đảm bảo tính hợp lệ và chính xác.



Ông PHẠM THÀNH TUẤN ANH - 1983

**Cử nhân Tài chính
Thành viên HĐQT**
Bổ nhiệm tháng 4 năm 2021

Kinh nghiệm: 9 năm kinh nghiệm Quản trị Quản lý Điều hành lĩnh vực CNTT Đầu tư Năng lượng

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 Cổ phiếu

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT CTCP Thủy Điện Gia Lai (GHC)
- Chánh Văn phòng CTCP Điện Gia Lai (GEC)
- Thành viên HĐQT CTCP Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn

Thành tựu nổi bật:

- Tư vấn lộ trình chiến lược phát triển đồng bộ các loại hình NLTT
- Tham mưu các chiến lược QTDN, PTBV và ESG thông qua việc cải thiện các vấn đề liên quan đến QTDN hiện đại, định hướng theo thông lệ tốt trên thị trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển của GHC
- Từng bước tăng cường mối quan hệ giữa Công ty với các Cơ quan ban ngành Địa phương, Đối tác phù hợp với định hướng mở rộng, tìm kiếm dự án NLTT

Phụ trách Chung công tác Quản trị các mảng hoạt động sau:

- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác Quản trị doanh nghiệp
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty với các cơ quan ban ngành địa phương, đối tác nhằm phục vụ công tác phát triển NLTT.
- Phối hợp công tác Quản lý hệ thống: hoạch định và chủ trì việc xây dựng/triển khai giải pháp quản trị doanh nghiệp của Công ty.
- Phối hợp công tác Quản lý sổ cổ đông, CBTT...



Ông MAI VĂN ĐỊNH - 1979

**Cử nhân Luật
Thành viên HĐQT
Thành viên UBKT**
Bổ nhiệm tháng 4 năm 2021

Kinh nghiệm: 9 năm kinh nghiệm Quản trị Pháp lý Công ty

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 Cổ phiếu

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên HĐQT Thành viên UBKT (GHC)

Thành tựu nổi bật:

- Tham mưu lộ trình chiến lược phát triển đồng bộ các loại hình NLTT một cách hợp lý và bền vững theo đúng các chuẩn mực đầu tư vì Môi trường, xã hội.
- Tư vấn, hỗ trợ công tác Pháp lý và văn bản lập quy phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động của Công ty

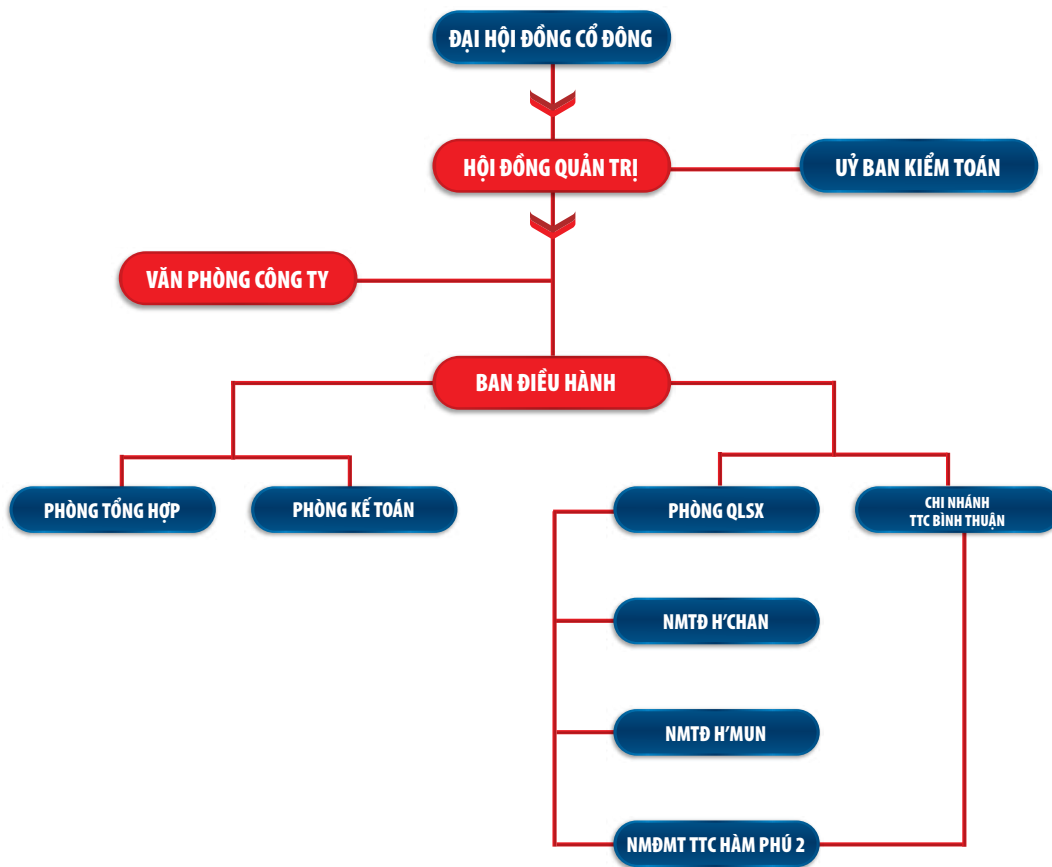
Phụ trách Chung công tác Quản trị các mảng hoạt động sau:

- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hỗ trợ HĐQT trong việc đảm bảo công tác Pháp lý và Văn bản lập quy Công ty phù hợp với quy định Pháp luật và tình hình hoạt động Công ty

MÔ HÌNH VÀ NGUYÊN TẮC QTCT ÁP DỤNG TẠI GHC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỘNG HƯỞNG ESG

Tuân thủ những quy định mới nhất về QTCT, GHC đã thực hiện nhiều hoạt động Quản trị và Điều hành theo thông lệ tốt để hướng đến hoạt động hiệu quả và minh bạch. Các quy tắc QTCT theo chuẩn mực luôn được áp dụng và cập nhật hàng năm để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty trong trung và dài hạn cũng như đóng góp một phần nhỏ vào phát triển của khu vực kinh tế tư nhân nói chung tại Việt Nam. Các chuẩn mực cao về Quản trị góp phần xây dựng HDQT hiệu quả hơn và công tác Quản trị Điều hành tốt hơn, nhờ đó cải thiện quy trình ra quyết định, nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro.

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ - SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Người phụ trách quản trị Công ty

Bà Nguyễn Thanh Nga là Người phụ trách Quản trị Công ty. Với kinh nghiệm hơn 6 năm trong công tác Thư ký và lĩnh vực Năng lượng, trong năm 2023, Người phụ trách Quản trị Công ty đã hỗ trợ HDQT trong công tác quản trị Công ty cụ thể như sau:

- Hỗ trợ HDQT trong việc tổ chức và thực hiện các vấn đề liên quan công tác họp ĐHĐCĐ và lấy ý kiến cổ đông theo quy định;
- Chuẩn bị chương trình, tài liệu và tham dự các cuộc họp HDQT;
- Hỗ trợ và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- Thực hiện công việc liên quan giữa công ty và cổ đông, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

NĂM 2023

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐHĐCĐ

Trong Năm 2023, Công ty đã triển khai 8 Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2022 ngày 28/4/2023, cụ thể như sau:

Nghị quyết	Nội dung thông qua	Nội dung thực hiện
01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	<p>Thông qua các Báo cáo:</p> <p>Báo cáo Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022 và Kế hoạch năm 2023</p> <p>Báo cáo Hoạt động năm 2022 của Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị.</p> <p>Báo cáo Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2022 và Kế hoạch năm 2023</p> <p>Báo cáo Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch năm 2023.</p>	Thông qua
02/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua Báo cáo Tình hình sử dụng vốn.	Thông qua
03/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.	Thông qua
04/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.	Thông qua
05/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Phân phối Lợi nhuận, Chi trả cổ tức năm 2023.	<p>DTT năm 2023 đạt 327 tỷ đồng, bằng 107% KH LNTT đạt 175 tỷ đồng, bằng 168% KH Năm 2023, Công ty đã chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền với tổng mức chi trả 25%, tương đương 119 tỷ đồng.</p>
06/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua Lựa chọn Đơn vị kiểm toán cho Năm tài chính 2023	Đã lựa chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam là Đơn vị kiểm toán cho Năm tài chính 2023.
07/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch đối với Người có liên quan (là tổ chức/pháp nhân) của Công ty	Các giao dịch phát sinh đảm bảo đúng nội dung và thẩm quyền phê duyệt, trong năm không phát sinh giao dịch nào thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ
08/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Thông qua Thủ lao Hội đồng Quản trị và Dự trù kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và các cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị năm 2023.	Thực hiện theo đúng NQ ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng Thủ lao HĐQT năm 2023 (đã bao gồm tháng 13): 2.080 triệu đồng.

NĂM 2023

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

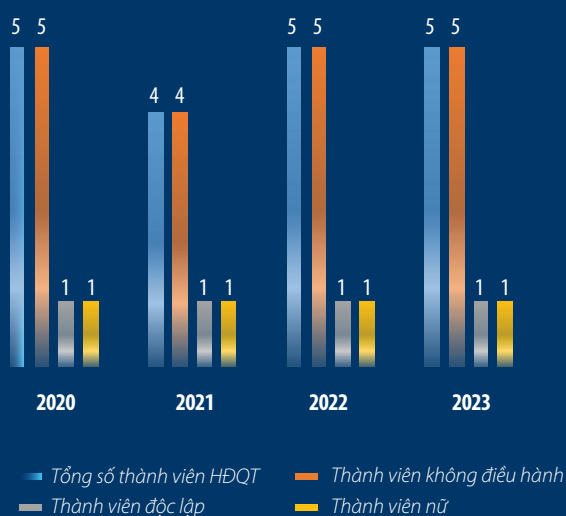
Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, ban hành 23 Nghị quyết HĐQT nhằm tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan việc triển khai NQ của ĐHCĐ; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023. Các NQ của HĐQT đều được các Thành viên thông qua với tỷ lệ 100%; tập trung vào việc triển khai NQ của ĐHCĐ và được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng Quản trị, Giám sát độc lập hoạt động của BDH trong việc thực hiện NQ của ĐHCĐ và HĐQT.

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	17/02/2023	Phê duyệt góp vốn vào Công ty Cổ phần (CTCP) Năng lượng VPL
2	02/2023/NQ-HĐQT	09/03/2023	Phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển Dự án Nông nghiệp tại tỉnh Hậu Giang
3	03/2023/NQ-HĐQT	10/03/2023	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội Đồng cổ đông (ĐHCĐ) Thường niên Năm 2023
4	04/2023/NQ-HĐQT	20/03/2023	Phê duyệt Kế hoạch chi phí mua sắm, sửa chữa Năm 2023
5	05/2023/NQ-HĐQT	06/04/2023	Phê duyệt phê duyệt Bộ Tài liệu trình Đại hội Đồng Cổ đông thường niên Năm Tài chính 2022
6	06/2023/NQ-HĐQT	25/04/2023	Phê duyệt điều chỉnh Thành viên Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông tham dự Đại hội Đồng Cổ đông thường niên Năm Tài chính 2022
7	07/2023/NQ-HĐQT	28/04/2023	Phê duyệt chủ trương ký kết các Hợp đồng Giao dịch với Bên Liên quan
8	08/2023/NQ-HĐQT	28/04/2023	Phê duyệt cho CTCP Năng lượng VPL vay vốn ngắn hạn
9	09/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Phê duyệt phương án bảo lãnh vay vốn ngắn hạn cho CTCP Năng lượng VPL do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tài trợ
10	10/2023/NQ-HĐQT	12/07/2023	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023
11	11/2023/NQ-HĐQT	20/07/2023	Phê duyệt cho CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An vay vốn ngắn hạn
12	12/2023/NQ-HĐQT	28/07/2023	Phê duyệt gia hạn thời gian cho vay vốn ngắn hạn
13	13/2023/NQ-HĐQT	17/08/2023	Phê duyệt cho CTCP Điện TTC Đức Huệ - Long An vay vốn ngắn hạn
14	14/2023/NQ-HĐQT	18/08/2023	Phê duyệt cho CTCP Nhà Máy (NM) Điện Mặt Trời (ĐMT) Trúc Sơn vay vốn ngắn hạn
15	15/2023/NQ-HĐQT	05/09/2023	Phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1/2023
16	16/2023/NQ-HĐQT	19/09/2023	Phê duyệt chủ trương cho mở bảo lãnh thanh toán bổ sung cho hợp đồng thuê Máy Biến áp (MBA) Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) H'Mun
17	16A/2023/NQ-HĐQT	19/09/2023	Phê duyệt chủ trương Mua sắm MBA 110 kV NMTĐ H'Mun
18	16B/2023/NQ-HĐQT	19/09/2023	Phê duyệt chủ trương thanh lý MBA 110 kV NMTĐ H'Mun
19	17/2023/NQ-HĐQT	28/09/2023	Phê duyệt tái bổ nhiệm Nhân sự giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty - Bà Châu Tiểu Phụng
20	18/2023/NQ-HĐQT	28/09/2023	Phê duyệt chủ trương cho CTCP Năng lượng VPL vay vốn ngắn hạn
21	19/2023/NQ-HĐQT	17/11/2023	Phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 2/2023
22	20/2023/NQ-HĐQT	18/11/2023	Phê duyệt gia hạn thời gian cho CTCP NM ĐMT Trúc Sơn vay vốn ngắn hạn
23	21/2023/NQ-HĐQT	25/12/2023	Phê duyệt chủ trương cho Công ty TNHH MTV Thủy Điện Thượng Lộ vay vốn ngắn hạn

KẾT QUẢ THAM DỰ CÁC CUỘC HỌP CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

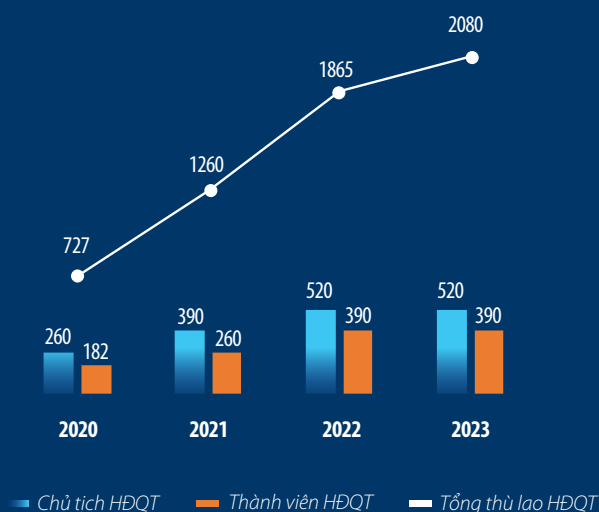
TT	Thành viên HĐQT	Họp ĐHCĐ	Họp HĐQT	Họp UBKT	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thái Hà Chủ tịch HĐQT	1/1 – 100%	23/23 – 100%		
2	Ông Võ Hoàng Vinh Thành viên HĐQT Độc lập Chủ tịch UBKT	1/1 – 100%	23/23 – 100%	4/4 – 100%	
3	Ông Lê Thái Bình Thành viên HĐQT Thành viên UBKT	1/1 – 100%	23/23 – 100%	4/4 – 100%	
4	Ông Phạm Thành Tuấn Anh Thành viên HĐQT	1/1 – 100%	23/23 – 100%		
5	Ông Mai Văn Định Thành viên HĐQT Thành viên UBKT	1/1 – 100%	14/23 – 61%	4/4 – 100%	Ủy quyền Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT cho Ông Phạm Thành Tuấn Anh kể từ ngày 01/9/2023

SỰ ĐA DẠNG TRONG CƠ CẤU THÀNH VIÊN HĐQT



THÙ LAO HĐQT QUA CÁC NĂM

Đvt: triệu đồng/năm



GHC

TIẾP TỤC CẢI THIỆN CÁC TIÊU CHÍ QTCT
THEO CHUẨN MỰC
VÀ THÔNG LỆ TỐT

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GHC DỰA TRÊN BỘ NGUYÊN TẮC QTCT 2019

GHC tham chiếu Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất 2019 dành cho Công ty Đại chúng tại Việt Nam, đánh giá thực tế công tác QTCT hiện tại đang được áp dụng tại Công ty.

TT	10 Nguyên tắc QTCT	2023	Nội dung tiêu biểu
1	Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT	94%	Kiên toàn VBLQ quy định vai trò, trách nhiệm của HĐQT, và tuân thủ thực hiện như Điều lệ Công ty, Quy chế CBTT, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế Tổ chức và Hoạt động Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động UBKT.
2	Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp.	81%	Thành viên HĐQT có kinh nghiệm Quản trị và Điều hành chiếm 100% HĐQT, 5/5 Thành viên có kinh nghiệm nhiều năm trong Ngành NLTT
3	Thiết lập một HĐQT có năng lực và chuyên nghiệp.	89%	Thành viên HĐQT độc lập thực hiện giám sát độc lập và hiệu quả của HĐQT.
4	Thiết lập rõ vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT	75%	Thành lập UBKT trực thuộc HĐQT, phụ trách công tác kiểm toán nội bộ. Tất cả Thành viên của UBKT là TV HĐQT không Điều hành. Chủ tịch Ủy ban là Thành viên độc lập, chuyên môn về Tài chính với hơn 5 năm kinh nghiệm trong Quản trị - Điều hành
5	Bảo đảm hoạt động hiệu quả của HĐQT.	81%	HĐQT phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể cho các Thành viên. Hàng năm thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và báo cáo cụ thể đến HĐQT, ĐHCĐ và trong BCTN
6	Thiết lập và duy trì văn hóa đạo đức Công ty	100%	Ngoài các quy định của Luật; thường xuyên rà soát, đảm bảo các giao dịch BLQ luôn tuân thủ theo quy định hiện hành, Điều lệ Công ty, Bộ Quy tắc Ứng xử
7	Thiết lập Khung QTRR và môi trường kiểm soát vững mạnh.	85%	Ban hành, sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế Tổ chức và Hoạt động Công ty, Điều lệ UBKT nhằm cải thiện môi trường kiểm soát, nâng cao hiệu quả QTCT.
8	Tăng cường hoạt động CBTT của Công ty	96%	Ban hành Quy chế CBTT, tăng cường hoạt động CBTT đầy đủ, kịp thời theo quy định của Pháp luật và Công ty
9	Thiết lập khuôn khổ để thực hiện hiệu quả quyền của CĐ.	100%	CĐ được đảm bảo quyền lợi và các phương thức hiệu quả để tham gia cho ý kiến, thực hiện quyền lợi của CĐ, đảm bảo sự công bằng, minh bạch và hiệu quả.
10	Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các BLQ.	100%	Thực hiện các phương pháp gắn kết các BLQ như khảo sát, tham vấn, lắng nghe, báo cáo, tham dự hội thảo chuyên ngành đối với 6 nhóm BLQ trọng tâm đã được xác định.

GHC tuân thủ đầy đủ và nghiêm ngặt quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng. Trong năm 2023, Công ty tích cực kiện toàn chức năng quản trị để bảo đảm không chỉ tuân thủ quy định pháp luật mà còn hướng tới áp dụng thông lệ tốt của quốc tế về công tác quản trị tại thể điểm Asean Scorecard và Bộ Nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất của IFC và UBCKNN.

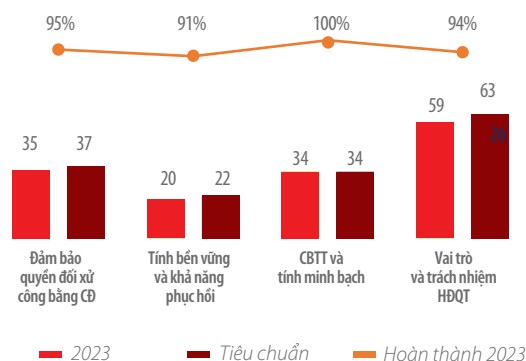
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG QTCT CỦA GHC THEO THẺ ĐIỂM QTCT ASEAN SCORECARD 2023

Để nâng cao tính chuẩn mực trong hoạt động QTCT, GHC đã nỗ lực nâng cao chất lượng QT theo thông lệ quốc tế, điển hình là Thẻ Điểm QTCT ASEAN SCORECARD 2023.

Câu hỏi cấp 1 là Nhóm Câu hỏi đánh giá mức độ đáp ứng Quyền và đối xử công bằng của Cổ đông

Đối với **Thẻ điểm Tiêu chuẩn**, trong năm 2023, GHC đã thực hiện **khá trở lên 141/156 tiêu chí, chiếm 90%**. Số liệu thống kê này thể hiện được sự nỗ lực của GHC trong công tác hoàn thiện QTCT qua các năm và tiếp tục tiệm cận với việc đáp ứng toàn bộ các tiêu chuẩn của ACGS.

Cấp 1 - ĐIỂM VÀ TỶ LỆ HOÀN THÀNH

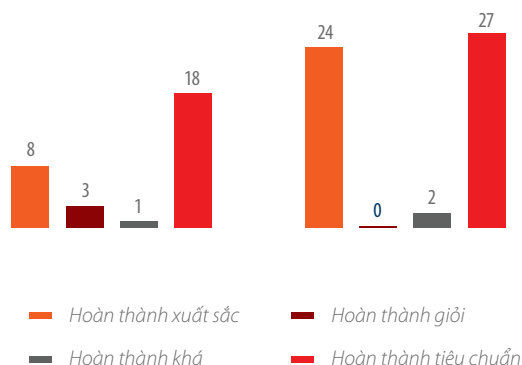


Câu hỏi cấp 2 là Nhóm Câu hỏi đưa vào (1) Các tiêu chí thưởng điểm cho các thực hành tiến bộ và mới được áp dụng và (2) Các khía cạnh cần phạt điểm để phản ánh các thực hành hoặc các hiện tượng, sự kiện tiêu cực của Quản trị kém.

GHC duy trì thực hiện tốt các Tiêu chí Thẻ điểm Thưởng trong tổng số 18 Tiêu chí với chỉ tiêu Xuất sắc đạt 45% (8/18), Giỏi là 17% (3/18) và Khá là 6% (1/18).

Đối với Thẻ điểm Phạt, GHC duy trì không vi phạm hoặc hạn chế tối đa vi phạm các Tiêu chí Thẻ điểm Phạt trong tổng số 26 Tiêu chí với chỉ tiêu Xuất sắc đạt 92% (24/26) và Khá là 8% (4/26). GHC tiếp tục cải thiện các Tiêu chí vẫn chưa đạt tối ưu thuộc Thẻ điểm Phạt trong năm 2024

Cấp 2 - THẺ ĐIỂM THƯỞNG - PHẠT



PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM THƯỜNG

TT	Tiêu chí	Hoạt động trong 2023	2023
1	Công ty có thực hành bỏ phiếu điện tử vắng mặt an toàn theo thời gian thực tại ĐHĐCĐ	Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ đã có hướng dẫn tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến	100%
2	Công ty có công bố thông báo về ĐHĐCĐ thường niên như đã thông báo cho Sở giao dịch ít nhất 28 ngày trước ngày họp?	Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên Năm Tài chính 2022 được CBTT ngày 07/4/2023, trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 21 ngày.	95%
3	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu không?	Có công bố trong BCTN của Công ty	95%
4	Công ty có công bố rằng Báo cáo PTBV của mình bên ngoài có được đảm bảo không?	BCTN tích hợp Báo cáo PTBV và đạt các chuẩn mực quốc tế	85%
5	Công ty có công bố kênh tương tác với các nhóm bên liên quan và cách công ty phản hồi các mối quan ngại về ESG của các bên liên quan?	Có công bố thông tin liên hệ dành các BLQ	100%
6	Công ty có đơn vị/bộ phận/ủy ban chịu trách nhiệm cụ thể về quản lý các vấn đề PTBV	Có phân công nhân sự phụ trách	70%
7	Công ty có công bố hoạt động giám sát của HĐQT/Ủy viên HĐQT đối với các rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững?	Có thể hiện trong phần Báo cáo hoạt động của các TV HĐQT trong BCTN	100%
8	Công ty có công bố mối liên hệ giữa thù lao của GD với QLCC trong năm trước không?	Thể hiện thù lao GD và Ban Điều hành trong BCTN và BCTC Kiểm toán	100%
9	Hệ thống tổ chức của công ty có được quản lý bởi các bên độc lập / thế chế?	Có công bố thông tin liên hệ dành cho các BLQ, để liên hệ và tiếp nhận thông tin	65%
10	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có được công bố trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính không?	BCTC kiểm toán năm 2022 được CBTT ngày 30/3/2023, 90 ngày sau khi kết thúc năm Tài chính	82%
11	Công ty có ít nhất một nữ TV HĐQT độc lập?	Có 01 TV HĐQT là nữ	50%
12	Công ty có chính sách và công bố các mục tiêu có thể đo lường được để thực hiện sự đa dạng trong HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được các mục tiêu của mình không?	Thể hiện trong BCTN mục QTCT từ năm 2018 đến nay.	100%
13	Ủy ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ các giám đốc/ủy viên độc lập không?	Chưa thành lập Ủy ban Nhân sự, 1 TV HĐQT độc lập là Chủ tịch UBKT	30%
14	UB Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các Thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược?	Có quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các Thành viên HĐQT.	50%
15	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm chuyên nghiệp hoặc các nguồn thông tin bên ngoài khác không? Ứng viên (chẳng hạn như cơ sở dữ liệu giám đốc do giám đốc hoặc cơ quan cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng viên vào hội đồng quản trị/ủy viên?	Thông báo rộng rãi trước 21 ngày diễn ra ĐHĐCĐ thường niên tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử TV HĐQT bằng hình thức CBTT.	80%
16	Thành viên HĐQT/ủy viên độc lập không điều hành có chiếm hơn 50% HĐQT đối với công ty có chủ tịch độc lập?	Thành viên không điều hành 100%. Thành viên Độc lập 20%. Chủ tịch là Thành viên không điều hành	70%
17	Công ty có công bố rằng HĐQT đã xác định rủi ro chính liên quan đến công nghệ thông tin bao gồm gián đoạn, an ninh mạng và khắc phục thảm họa, để đảm bảo rằng những rủi ro đó được quản lý và tích hợp vào khuôn khổ quản lý rủi ro tổng thể?	Có căn nhắc đến rủi ro an ninh thông tin, rủi ro CNTT trong chiến lược Công ty. Có Quy trình ứng phó sự cố, Quy định về sử dụng và bảo mật hệ thống CNTT. Các hoạt động kiểm soát, đảm bảo trước các rủi ro an ninh thông tin, CNTT và các hoạt động nâng cao nhận thức của CBNV về các rủi ro liên quan đến thiết bị, hệ thống, bảo mật và sử dụng hệ thống CNTT	95%
18	Công ty có Ủy ban Rủi ro cấp HĐQT riêng biệt không?	UBKT chịu trách nhiệm về hoạt động của chức năng QTRR, đảm bảo chức năng và nhiệm vụ của UB QTRR trong việc tham mưu HĐQT và đánh giá, giám sát hiệu quả QTRR Công ty.	90%

PHÂN TÍCH THẺ ĐIỂM PHẠT

TT	Tiêu chí	Hoạt động trong 2023	2023
1	Công ty có thất bại hoặc sơ suất trong việc đối xử bình đẳng trong việc mua lại cổ phiếu cho tất cả các cổ đông?	Không phát sinh	100%
2	Có bằng chứng nào về rào cản ngăn cản cổ đông trao đổi, tham khảo ý kiến với các cổ đông khác không?	Không phát sinh	100%
3	Công ty có đưa nội dung chương trình nghị sự bổ sung và không được bảo trước nào vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHCĐ bất thường không?	CBTT trước 21 ngày ĐHCĐ. CBTT cập nhật thông tin trước 5 ngày ĐHCĐ nếu có thay đổi tài liệu, đảm bảo tuân thủ luật và tiêu chuẩn QTCT	100%
4	Chủ tịch HĐQT và Chủ tịch tất cả các Ủy ban HĐQT và Giám đốc có vắng mặt trong ĐHCĐ gần đây nhất không?	Tham gia đầy đủ	100%
5	Công ty đã không tiết lộ sự tổn tại của: Thỏa thuận cổ đông?	Không phát sinh	100%
6	Công ty đã không tiết lộ sự tổn tại của: Giới hạn biểu quyết?	Không phát sinh	100%
7	Công ty đã không tiết lộ sự tổn tại của: Nhiều quyền biểu quyết?	Không có	100%
8	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu chéo có rõ ràng không?	Có tồn tại	70%
9	Có bất kỳ cáo buộc nào về giao dịch nội gián liên quan đến giám đốc/ ủy viên, ban điều hành và nhân viên trong ba năm qua không?	Không vi phạm	100%
10	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định không liên quan đến các giao dịch bên liên quan trọng yếu trong ba năm qua?	Không vi phạm	100%
11	Có bất kỳ RPT nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (tức là không được thực hiện trực tiếp) cho các đơn vị không phải là công ty con thuộc sở hữu toàn phần không?	Không có	100%
12	Có vi phạm pháp luật nào liên quan đến các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/ cạnh tranh hoặc môi trường không?	Không vi phạm	100%
13	Công ty có phải đối mặt với bất kỳ lệnh trừng phạt nào của cơ quan quản lý do không đưa ra thông báo trong khoảng thời gian cần thiết cho các sự kiện quan trọng không?	Không có	100%
14	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đang tham gia vào các hoạt động rửa xanh không?	Không có	100%
15	Công ty có nhận được "ý kiến ngoại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập không?	Không có	100%
16	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập không?	Không có	100%
17	Công ty có nhận được "ý kiến từ chối trách nhiệm" trong báo cáo kiểm toán độc lập không?	Không có	100%
18	Trong năm qua công ty có sửa đổi BCTC vì những lý do khác ngoài lý do thay đổi chính sách kế toán không?	Không sửa đổi	100%
19	Có bằng chứng nào cho thấy công ty đã không tuân thủ bất kỳ quy tắc và quy định niêm yết nào ngoài các quy định về CBTT?	Không có	100%
20	Có trường hợp nào mà TV HĐQT không điều hành đã từ chức và nêu ra bất kỳ vấn đề nào liên quan đến quản trị?	Không có	100%
21	Công ty có thành viên HĐQT/ủy viên độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm hoặc hai nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ 5 năm?	Không có	100%
22	Có phải công ty đã không xác định chính xác mô tả của TV HĐQT Độc lập là độc lập, không điều hành và điều hành?	Không có	100%
23	Công ty có thành viên HĐQT/không điều hành/TV độc lập nào phục vụ trong tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty niêm yết?	Không có	100%
21	Có GD hoặc quản lý cấp cao nào từng là nhân viên hoặc đối tác cũ của kiểm toán viên bên ngoài hiện tại (trong 2 năm qua) không?	Không có	100%
22	Chủ tịch có phải là Giám đốc điều hành của công ty trong ba năm qua không?	Không phải	100%
23	Thành viên HĐQT không điều hành có nhận được quyền chọn, cổ phiếu hoặc tiền thưởng không?	Được mua ESOP và quyền chọn mua.	80%

Xuất sắc 91- 100% > Tốt 81 - 90% > Khá 61 - 80% > Trung bình 50% - 60% > Yếu < 50%

QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông **VÕ HOÀNG VINH** - Thành viên hội đồng Quản trị độc lập

Trình độ:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm:	5 năm kinh nghiệm Quản trị và Điều hành lĩnh vực Tài chính, Đầu tư, Kế toán Kiểm toán
Bổ nhiệm:	06/4/2021 đến nay
Kiểm nhiệm:	Chủ tịch UBKT từ 30/6/2021 đến nay
Trách nhiệm:	Phụ trách chính UBKT Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống kiểm soát, KTNB, đảm bảo quá trình vận hành hiệu quả tại GHC.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP TRONG NĂM 2023

Thành viên HĐQT Độc lập luôn đề cao sự chuyên nghiệp, khách quan trong hoạt động giám sát độc lập. Hoạt động giám sát của Thành viên HĐQT độc lập luôn gắn liền với chiến lược của Công ty, phù hợp với hoạt động của BDN, đảm bảo việc ra quyết định của HĐQT trong các vấn đề được khách quan, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích, khẳng định vai trò của người giám sát không thiên vị, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của CĐ, đặc biệt là các CĐ nhỏ - người luôn cần được bảo vệ và đối xử công bằng trong mọi tình huống, đảm bảo các nguyên tắc trong những chuẩn mực về QTCT.

Hỗ trợ HĐQT thực hiện QTCT hiệu quả, minh bạch

- Giám sát, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành hệ thống VB Quản trị nội bộ phù hợp mô hình Công ty.
- Triển khai hoàn thiện QTCT theo Bộ NTQT mới nhất bao gồm Quy chế nội bộ về QTCT, Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT, Điều lệ và Quy chế hoạt động UBKT... nhằm đảm bảo chính sách QTCT được thực hiện hiệu quả.

Giám sát và kiểm soát BCTC

- Giám sát việc lập và trình bày BCTC phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- Giám sát chất lượng, cập nhật kết quả kiểm toán BCTC và CBTT kịp thời

Giám sát HĐQT, BDN và KTNB trong việc triển khai các NQ của ĐHĐCĐ, HĐQT

- Giám sát hoạt động thực hiện dự án nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và nguồn lực phân bổ.
- Đảm bảo các NQ được thực hiện như kế hoạch trừ các trường hợp bất khả kháng phải có giải trình cụ thể cho HĐQT và ĐHĐCĐ.

Giám sát giao dịch các BLQ

- Giám sát hoạt động thực hiện dự án nhằm đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và nguồn lực phân bổ
- Đảm bảo các NQ được thực hiện như kế hoạch trừ các trường hợp bất khả kháng phải có giải trình cụ thể cho HĐQT và ĐHĐCĐ

Giám sát giao dịch các BLQ

- Giám sát, rà soát thường xuyên giao dịch các BLQ tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty và Chính sách giao dịch các BLQ được thiết lập trong nội bộ để đảm bảo hoạt động kiểm soát và giám sát
- Đảm bảo giao dịch BLQ được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường

Giám sát công tác CBTT

- Giám sát các thông tin, số liệu bao gồm thông tin tài chính và phi tài chính
- Các thông tin đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, cam kết tính minh bạch, chính xác và kịp thời trước khi CBTT đến các CĐ, NĐT và các BLQ

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BĐH TRONG NĂM 2023

HOẠT ĐỘNG HĐQT

- Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã ban hành 23 NQ với sự thống nhất cao của các Thành viên. Tập trung vào việc triển khai NQ của ĐHĐCĐ, chỉ đạo kịp thời, định hướng đúng đắn đối với các mục tiêu, chiến lược phát triển, đảm bảo tuân thủ quy định Pháp luật, Công ty.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát BĐH thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty và các CĐ.

HOẠT ĐỘNG BĐH

- Vượt kế hoạch về Doanh thu và Lợi nhuận theo số liệu BCTC năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán hàng đầu PwC Việt Nam: DTT đạt 327 tỷ đồng - bằng 107% KH và LNTT đạt 175 tỷ đồng - bằng 168% KH.
- Vận hành ổn định, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các NM Năng lượng, Điện Áp mái. Cập nhật sát sao Quy hoạch Điện VIII để đề ra kế hoạch hành động hiệu quả và phù hợp định hướng phát triển chung.
- Duy trì hiệu quả phương pháp, quy trình QTRR.

ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP

HOẠT ĐỘNG HĐQT

- Thành viên Độc lập đã phát huy tốt vai trò giám sát và kiểm soát, song hành cùng HĐQT đưa ra những quyết định công bằng, minh bạch trong CTQT, thận trọng và trách nhiệm, đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, không gây xung đột về lợi ích giữa các BLQ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm CĐ, đảm bảo trách nhiệm của HĐQT trong việc giám sát, hỗ trợ BĐH.

HOẠT ĐỘNG BĐH

- Thành viên Độc lập cùng với HĐQT đã giám sát BĐH triển khai kịp thời các Chỉ thị, QĐ của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với Quy chế tổ chức hoạt động Công ty và Luật Doanh nghiệp. Thành viên Độc lập thực hiện giám sát, đảm bảo hoạt động KTNB, QLRR phát huy tối đa vai trò, chức năng giám sát và đánh giá hệ thống KSNB, giảm thiểu rủi ro tới mức thấp nhất cho Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2024, để thực hiện tốt vai trò giám sát và kiểm soát, Thành viên HĐQT độc lập đề ra các kế hoạch mục tiêu trọng yếu để tiếp tục đồng hành cùng chiến lược khai thông tiềm năng các nguồn tài nguyên Năng lượng sẵn có, phấn đấu năm sau tăng trưởng hơn năm trước, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra và đảm bảo lợi ích của các CĐ và NĐT.

MỤC TIÊU

- Bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của BĐH, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty
- Bảo đảm để việc ra quyết định khách quan hơn, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích. Tạo ra giá trị gia tăng cho Công ty, nâng cao công tác Quản trị và Điều hành
- Nâng cao vị thế HĐQT Độc lập, duy trì tính liêm chính, tính Độc lập. Nâng cao hoạt động KTNB, hoàn thiện hệ thống QTRR để thiết lập môi trường kiểm soát vững mạnh cho Công ty.

HÀNH ĐỘNG

- Giám sát HĐQT và BĐH, ngăn chặn và hòa giải các nguy cơ xung đột lợi ích của các BLQ.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ trong vai trò giám sát độc lập. Đưa ra các ý kiến, phân tích, đánh giá, phản biện đối với các chiến lược, kế hoạch của HĐQT và BĐH đảm bảo tính đa chiều, thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong hoạt động Quản trị và Điều hành tại Công ty.
- Tiếp tục đề ra những định hướng, giải pháp hữu hiệu, giám sát hoạt động KTNB phát huy tốt vai trò là tuyến phòng vệ thứ 3 của Công ty. Hoàn thiện khung QTRR để nhận diện kịp thời các rủi ro, thực hiện công tác QTRR là điều kiện tiên quyết trong mọi hoạt động.

ỦY BAN KIỂM TOÁN



UBKT gồm 3 Thành viên, tất cả đều là Thành viên HĐQT không điều hành. Chủ tịch UBKT có chuyên môn về Tài chính và Kiểm toán, đồng thời là Thành viên HĐQT Độc lập.

Ông Võ Hoàng Vinh	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT
Ông Lê Thái Bình	Thành viên HĐQT	Thành viên
Ông Mai Văn Định	Thành viên HĐQT	Thành viên

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG UBKT

UBKT đã hỗ trợ HĐQT trong công tác QTDN thông qua việc tham mưu và đưa ra kiến nghị đối với những vấn đề trọng yếu, cũng như tư vấn về các giải pháp để kiện toàn mô hình QTDN theo thông lệ tốt. Thẩm quyền, nghĩa vụ, cơ cấu và quy trình hoạt động của UBKT được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động của UBKT do HĐQT phê chuẩn và được công bố trên trang Web của Công ty để đảm bảo tính minh bạch.

Đây cũng là chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó đánh giá được kết quả công việc của UBKT. Trong các năm qua, với sự tham gia kiểm soát độc lập của UBKT, hoạt động của GHC đã minh bạch hơn qua từng năm, giảm thiểu rủi ro gian lận và sai sót, gia tăng hiệu quả hoạt động, thực thi mục tiêu tối đa hóa giá trị Công ty và đảm bảo quyền lợi các BLQ, CĐ và NĐT.

CÁC CUỘC HỌP UBKT NĂM 2023

Trong năm 2023, UBKT đã tiến hành 4 lần họp với sự tham gia đầy đủ 100% các Thành viên UBKT. Các phiên họp đều được lập biên bản họp, thỏa điều kiện UBKT họp ít nhất 2 lần/năm theo quy định tại NĐ 155/2020/ NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán do BTC ban hành. Tất cả cuộc họp đều được tổ chức phù hợp với quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT và QTRR đã được Công ty ban hành. Ngoài ra, các Thành viên UBKT cũng đã chủ động sử dụng linh hoạt các kênh trao đổi để giải quyết kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Biên bản họp	Nội dung	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ thông qua
01/2023/BBH - UBKT Ngày 31/3/2023	Thông qua Báo cáo Hoạt động của UBKT năm 2022 và Kế hoạch năm 2023. Thông qua Bộ Tài liệu trình ĐHCĐ thường niên Năm tài chính 2022.	3/3 – 100%	3/3 – 100%
02/2023/BBH - UBKT Ngày 26/4/2023	Thông qua vv Ký kết các Hợp đồng Giao dịch với Bên liên quan	3/3 – 100%	3/3 – 100%
03/2023/BBH - UBKT Ngày 11/7/2023	Thông qua Phê duyệt Lựa chọn Đơn vị Kiểm toán cho Năm Tài chính 2023	3/3 – 100%	3/3 – 100%
04/2023/BBH - UBKT Ngày 10/8/2023	Thông qua BCTC giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023, đã được Công ty TNHH PwC soát xét	3/3 – 100%	3/3 – 100%

NĂM 2023

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT

CÔNG VIỆC	THỰC HIỆN	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
Kiểm toàn bộ máy UBKT	<ul style="list-style-type: none"> Trong năm 2023, UBKT đã họp và thống nhất phân công nhiệm vụ từng thành viên UBKT đảm bảo thực hiện chức năng nhiệm vụ của UBKT được xuyên suốt, hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng Thành viên UBKT năm 2023 là 3 thành viên UBKT đã phân công nhiệm vụ từng thành viên UBKT để tăng cường hoạt động giám sát, phối hợp hoạt động quản trị và điều hành
Giám sát hoạt động Công ty, HĐQT, BDH	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát các hoạt động của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Giám sát hoạt động của BDH triển khai thực hiện theo NQ HĐQT Tham gia đầy đủ cuộc họp HĐQT Giám sát tính tuân thủ hoạt động Công ty theo Điều lệ, Pháp luật hiện hành, quy định nội bộ Tham mưu, giám sát cải thiện hoạt động QTCT theo thông lệ quốc tế như Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ tốt nhất Việt Nam, Văn bản hóa tất cả các dịch vụ sử dụng giữa Công ty, Bên liên quan, minh bạch trong quan hệ với NĐT 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm bắt thông tin kịp thời cũng như có ý kiến, trao đổi đối các vấn đề thời sự, rủi ro Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đúng và đầy đủ Hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định Pháp luật Tăng cường hiệu quả hoạt động, làm rõ và đẩy mạnh nghĩa vụ từng TV theo phân công trách nhiệm Tăng cường vai trò của HĐQT trong việc bảo đảm trách nhiệm giải trình của BDH
Thẩm định BCTC và giám sát CBTT	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định BCTC Bán niên Soát xét và Kiểm toán Năm, BCTC Quý Công tác CBTT đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư 96/2021/TT-BTC 	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin, số liệu minh bạch trước khi CBTT BCTC trung thực, hợp lý, tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Không có vi phạm về CBTT
Giám sát, duy trì, hoàn thiện hệ thống KSNB, QTRR	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát VBLQ hiện hành Công ty Giám sát hoạt động KTNB Đánh giá tính tuân thủ, hiệu quả trong công tác thực thi KSNB Tham mưu cải thiện các chốt kiểm soát đảm bảo vận hành, phòng tránh rủi ro 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ, tăng cường các kiểm soát để nhận diện và phòng tránh rủi ro Đảm bảo hiệu quả và hiệu lực của hoạt động QTCT GHC tiến tới áp dụng Chuẩn mực BCTC quốc tế IFRS với lộ trình triển khai đến 2025 nhằm phù hợp với các thông lệ quốc tế, tuân thủ các quy tắc chung để BCTC đáp ứng yêu cầu của các NĐT và CĐ nước ngoài. GHC công bố tất cả các loại phí trả cho Công ty Kiểm toán một cách chi tiết theo từng loại phí: <ul style="list-style-type: none"> Phí Kiểm toán GHC thanh toán cho PwC năm 2023 là 209 triệu đồng, tăng so với 151 triệu đồng năm 2022, và 149 triệu đồng so với năm 2021. PWC không cung cấp các dịch vụ Phi Kiểm toán cho Công ty trong năm 2023.
Giám sát hoạt động Kiểm toán độc lập	<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty kiểm toán với các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, tính độc lập, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Công ty kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán, soát xét BCTC. 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm toán BCTC luôn đạt tính độc lập, khách quan Nâng cao sự tin nhiệm của CĐ, NĐT, uy tín và hình ảnh Công ty Minh bạch và tăng độ tin cậy của người sử dụng thông tin
Giám sát giao dịch các BLQ	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên rà soát giao dịch BLQ Đánh giá, rà soát trình bày và đảm bảo CBTT đầy đủ các hoạt động liên quan đến giao dịch các BLQ. 	<ul style="list-style-type: none"> Các giao dịch luôn được thực hiện minh bạch trên cơ sở giá thị trường, tuân thủ theo quy định Pháp luật, Điều lệ, quy định giao dịch BLQ Công bằng trong giao dịch, không đem lại bất kỳ sự thiên vị BLQ

KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CỦA UBKT TRONG NĂM 2024

Nhằm thực hiện các mục tiêu của hoạt động kiểm toán độc lập, khách quan và đáp ứng các nguyên tắc Quản trị tốt; UBKT đề ra các kế hoạch hành động cho năm 2024 trong 6 mục tiêu chính:

01

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT và BDH đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp, minh bạch, cần trọng trong quản lý điều hành, tác nghiệp đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả
- Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác QTDN phù hợp với quy định của Pháp luật và Công ty
- Nỗ lực đáp ứng nguyên tắc QTCT theo thông lệ tốt nhất và chuẩn mực quốc tế

02

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ GIÁM SÁT CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Thực hiện rà soát số liệu kế toán và thẩm tra BCTC Giám sát chất lượng, cập nhật kịp thời kết quả kiểm toán BCTC đóng góp ý kiến hoàn thiện BCTC đảm bảo BCTC tuân thủ Chuẩn mực Chế độ kế toán
- Giám sát CBTT theo đúng quy định
- Duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập thường xuyên

03

GIÁM SÁT, DUY TRÌ VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KSNB QTRR

- Tiếp tục tăng cường công tác tiền kiểm trong vai trò tư vấn hoàn thiện các chốt kiểm soát, hiệu chỉnh hệ thống VBLQ phù hợp với tình hình thực tế hoạt động thông qua từng cuộc kiểm toán
- Giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống KSNB
- Xem xét, đánh giá hiệu quả của QTRR Tham mưu, tư vấn với HĐQT về hệ thống KSNB, tăng cường tính hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, tối đa hóa lợi ích Công ty

04

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Tham mưu, tư vấn lựa chọn Công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHCĐ thường niên phê duyệt nhằm đảm bảo Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực, tính độc lập, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
- Giám sát chất lượng kiểm toán độc lập, trao đổi với Công ty kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán, soát xét BCTC, đảm bảo kết quả Kiểm toán BCTC độc lập, khách quan minh bạch và tăng độ tin cậy
- Giám sát chất lượng của Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn cho các hoạt động phi kiểm toán

05

GIÁM SÁT GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Giám sát, rà soát thường xuyên giao dịch các BLQ, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế giao dịch BLQ nội bộ
- Đánh giá giao dịch với các BLQ để xem xét các giao dịch được thực hiện trên cơ sở giá trị thị trường
- Giám sát và k huyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc CĐ

06

DUY TRÌ MỐI QUAN HỆ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Tăng cường các buổi làm việc với BDH về các vấn đề chưa chuẩn hóa để đốc thúc xử lý kịp thời
Đảm bảo BDH được cung cấp đầy đủ các thông tin từ UBKT đối với các quyết định quan trọng

CAM KẾT THÔNG TIN MINH BẠCH, TRUNG THỰC VÀ HỢP LÝ CỦA BCTC VÀ BCTN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

UBKT cam kết thông tin và số liệu trình bày trong BCTC được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam thông qua công tác tự kiểm tra rà soát và được kiểm toán bởi một trong những đơn vị kiểm toán hàng đầu thế giới.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

UBKT đánh giá BCTN năm 2023 được thể hiện một cách trung thực và hợp lý, đảm bảo nhu cầu thông tin trọng yếu và đem lại giá trị gia tăng cho các BLQ bao gồm Cơ quan Ban Ngành, Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác và Cộng đồng - Xã hội.

TM ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN



VÕ HOÀNG VINH

RỦI RO

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN LÝ

Quản trị rủi ro luôn là một vấn đề cấp thiết trong chuẩn mực QTDN hiện đại nhằm đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp

CHÍNH SÁCH QTRR

- Đóng góp vào sự PTBV và gia tăng khả năng thực hiện các mục tiêu của Công ty
- Được thiết lập theo hướng phân tán về cấu trúc, tập trung và nhất quán về chính sách được xây dựng bởi Bộ phận QTRR.
- Liên tục được cải thiện và tối ưu nhằm phù hợp với nhu cầu của Công ty và sự biến động liên tục trong môi trường kinh doanh.
- Chú trọng vào hình thành văn hóa và nhận thức về rủi ro, mọi CBNV là một phần của hoạt động QTRR.

MÔ HÌNH

QUẢN TRỊ RỦI RO

GHC hướng tới xây dựng chức năng QTRR hợp nhất theo “Mô hình 3 tuyến”, hoàn thiện theo các thông lệ và tiêu chuẩn QTCT nhằm nâng cao khả năng hoàn thành các mục tiêu của Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực ứng phó trước biến động của môi trường kinh doanh.

UBKT trực thuộc HĐQT đã thực hiện kết hợp trách nhiệm kiểm soát độc lập, giám sát kiểm toán và QTRR, đảm bảo các rủi ro tiềm ẩn trong HĐQT của GHC được giám sát và quản trị hợp lý.

HỆ THỐNG QTRR 4 PHÂN LỚP

- 1. **Lớp xác lập - HĐQT:** Phê duyệt cấu trúc và chính sách QTRR. Giám sát hiệu quả của chức năng QTRR. Định hướng và phê duyệt mức chấp nhận rủi ro, khẩu vị rủi ro
- 2. **Lớp quản lý - BĐH:** Tổ chức, triển khai và điều phối các hoạt động của QTRR. Xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện các phương pháp, quy trình QTRR. Thực hiện các hoạt động đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức về QTRR
- 3. **Lớp thực thi - Đơn vị chức năng và Chuyên viên phụ trách:** Nhận diện, đánh giá, thực thi ứng phó với rủi ro theo đặc thù chuyên môn. Đề xuất, báo cáo và tham vấn về các rủi ro trong danh mục. Triển khai các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro
- 4. **Lớp đảm bảo - UBKT:** Thực hiện vai trò giám sát và đánh giá hiệu quả của chức năng QTRR. Tham vấn, phối hợp cải thiện và nâng cao hiệu quả QTRR. Tham mưu HĐQT về QTRR.

HỆ THỐNG QTRR 3 TẦNG KIỂM SOÁT

- 1. **Phòng ngừa:** Tập trung giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro thông qua việc đánh giá rủi ro liên tục, thận trọng và thiết lập các biện pháp kiểm soát phòng ngừa rủi ro
- 2. **Phát hiện:** Tập trung vào 2 tiêu chí rủi ro:
 - Giảm khả năng/xác suất xảy ra của rủi ro thông qua các chỉ báo, cảnh báo sớm.
 - Giảm thiểu mức độ tác động hoặc thiệt hại.
- 3. **Khắc phục/Ứng phó:** Tập trung vào giảm thiểu tác động, thiệt hại trong trường hợp rủi ro xảy ra thông qua các kế hoạch dự phòng, kế hoạch ứng phó sự cố, kiểm soát tổn thất

RỦI RO

ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI

RỦI RO	NHẬN DIỆN VÀ PHÂN TÍCH RỦI RO	GIẢI PHÁP VÀ GIÁM SÁT RỦI RO
RỦI RO TUÂN THỦ VÀ PHÁP LÝ	<ul style="list-style-type: none">Hoạt động SXKD điện của GHC chịu sự chỉ phối mạnh mẽ của quy định pháp lý liên quan: điện lực, đất đai, xây dựng, môi trường, chứng khoán, lao động, bảo hiểm xã hội, thuế...GHC tuân thủ các quy định của cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom; cùng các quy định liên quan.Rủi ro pháp lý trong hoạt động: Tranh chấp hợp đồng, sở hữu trí tuệ, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, hành chính.	<ul style="list-style-type: none">Chú trọng xây dựng năng lực chuyên môn, chủ động, rà soát và thực hiện đảm bảo pháp lý tất cả các mảng hoạt độngCập nhật, đánh giá ảnh hưởng từ các văn bản pháp luật, đảm bảo các phòng ban nắm bắt các thay đổi của pháp luật, hiệu chỉnh hoạt động phù hợp, đảm bảo hoàn thiện hành lang pháp lý quản trị, điều hành, tác nghiệpTham mưu, tư vấn, phối hợp với các công ty, văn phòng luật để nhận tư vấn, hỗ trợ vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động SXKDThường xuyên đánh giá tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định nội bộ đảm bảo An toàn sức khỏe NLD, Môi trường, Xã hội
RỦI RO TÀI CHÍNH	<ul style="list-style-type: none">Sử dụng đòn bẩy tài chính để đầu tư các dự án NLTT có thể gây áp lực đến dòng tiền thanh toán nợ vay, thanh toán lãi vay và tình hình thanh khoản khi các dự án chưa đến thời điểm hoàn vốn đầu tưTài trợ bằng nợ vay, nếu có sự gia tăng về LS vay nợ thì rủi ro LS sẽ tác động đến chi phí hoạt động tài chính của Công ty, ảnh hưởng đến KQKD trong kỳ nếu không giới hạn biên độ dao động của lãi suất vay	<ul style="list-style-type: none">Đánh giá tình hình tài chính, nhận định rủi ro tài chính và chính sách ngành để có những quyết sách tài chính phù hợp nhằm đảm bảo phát triển ổn địnhTập trung vào HĐKD lõi là sản xuất và kinh doanh điện, không đầu tư ngoài ngành đảm bảo dòng tiền ổn định cho HĐKD và các nghĩa vụ tài chínhXây dựng kế hoạch dòng tiền định kỳ để đảm bảo thanh khoản và điều tiết dòng tiền hiệu quảKý kết các hợp đồng tài trợ với giới hạn biên độ dao động của lãi suất vay trong tầm kiểm soátĐa dạng hóa nguồn tài trợ, mở rộng mối quan hệ thị trường vốn trong ngoài nước
RỦI RO VẬN HÀNH	<ul style="list-style-type: none">GHC có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù Ngành, dẫn đến các tổn thất thiệt hại nếu có xảy ra do sự cố không mong đợi: Thiết bị vận hành lâu ngày dẫn đến sự cố. Sự cố lưới điện, tuyến đường dây, tấm pin Năng lượng Mặt trời, cháy nổ, tai nạn lao động... Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây ra những thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng kết quả hoạt động, an toàn lao động, tính mạng con người và liên quan đến an ninh Năng lượng quốc gia	<ul style="list-style-type: none">Phân công, phân nhiệm rõ ràng trong công tác kỹ thuật, đảm bảo vận hành ổn định, an toànBan hành, tuân thủ áp dụng hệ thống VBLQ kiểm soát rủi ro vận hànhỨng dụng CNTT trong công tác điều độ sản xuất, kịp thời phát hiện, cảnh báo và xử lý sự cốThực hiện hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ nhằm vận hành ổn địnhTham gia bảo hiểm cho các nhà máy để phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại nếu có xảy raTổ chức thường xuyên các khóa đào tạo vận hành, củng cố kiến thức của CBNV trong công tác đảm bảo an toàn lao động, vận hành
RỦI RO AN TOÀN THÔNG TIN	<ul style="list-style-type: none">Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp 4.0, với việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, các thông tin được lưu trữ trên phần cứng và không gian mạngViệc chia sẻ thông tin cho nhiều đối tượng khác nhau qua mạng dẫn đến mối nguy về việc sử dụng, khai thác thông tin khách hàng, thông tin tài chính trái phép, ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu, tổn thất danh tiếng và tài chính	<ul style="list-style-type: none">Ban hành VBLQ liên quan công tác quản lý hệ thốngXây dựng các kịch bản ứng phó rủi ro.Nâng cao khả năng bảo mật hệ thống mạng, xây dựng ngân sách trang bị đầy đủ tường lửa, các phần mềm diệt virus để ngăn ngừa các virus có thể gây hại cho hệ thống máy tínhQuản lý người dùng thông qua quyền admin, hạn chế tối thiểu mã độc lan truyền qua mạng LAN, internet và gây hại đến hệ thống Công nghệ thông tin, nguy cơ mất dữ liệu, thông tin bảo mật quan trọng, gây thiệt hại cho hoạt động.Tổ chức đào tạo người dùng nhận thức an toàn an ninh mạng, cam kết bảo mật thông tin
RỦI RO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none">Rủi ro pháp lý trong hoạt động: Tranh chấp hợp đồng, sở hữu trí tuệ, nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, hành chính.Các dự án NLTT của GHC hiện đang vận hành và phát triển mới ngoài việc đóng góp cho an ninh Năng lượng quốc gia thì cũng có những rủi ro tác động đến môi trường, xã hội: Các tác động từ bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn và xói mòn, thay đổi thủy văn sông, các tác động đến hệ động vật... Có thể bao gồm việc chuyển đổi môi trường sống và dẫn đến mất đa dạng sinh học.	<ul style="list-style-type: none">Ban hành hệ thống VBLQ liên quan đến EHSS tuân thủ các quy định Pháp luậtLựa chọn dự án đầu tư Năng lượng đáp ứng các chỉ tiêu tài chính và các đánh giá về chỉ tiêu phi tài chính như các tiêu chuẩn về sức khỏe, an toàn, an ninh cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững...Quy định ràng buộc và tăng trách nhiệm nhà cung cấp đối với vấn đề bảo vệ môi trường, xã hội theo quy định ký kết trên hợp đồngXây dựng, triển khai, giám sát, báo cáo, đánh giá tuân thủ Hệ thống quản lý EHSS với các kế hoạch hành động cụ thể xuyên suốt trong các hoạt động của GHC phù hợp với quy định Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tếXây dựng kế hoạch ngân sách để thực hiện EHSS.



2024

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động năm 2024 của GHC sẽ tập trung ổn định vận hành các nhà máy Thủy điện, điện mặt trời hiện hữu tối ưu sản xuất, tiếp tục mở rộng tham gia đầu tư xây dựng dự án Điện Gió và các loại hình Năng lượng tái tạo khác khác nhằm hoàn thành chiến lược đa dạng các loại hình NLTT song hành cùng công tác Quản trị rủi ro cẩn trọng, kịp thời, hiệu quả, trong đó chú trọng các mục tiêu trọng yếu:

Bảo vệ sức khoẻ tài chính, đảm bảo nguồn vốn được đầu tư hiệu quả nhằm hỗ trợ tăng trưởng và các HĐKD.

Sự chủ động đánh giá công tác QTRR định kỳ và đột xuất, đảm bảo hỗ trợ trong công tác hoạch định chiến lược và hoạt động kinh doanh từng thời kỳ nhưng không cản trở khả năng nắm bắt những cơ hội thị trường phù hợp.

Chú trọng công tác cảnh báo, phòng ngừa, loại trừ, tối thiểu hóa tổn thất cũng là một trong những mục tiêu của công tác QTRR mà GHC hướng tới.

Các quy trình, thủ tục được thực hiện bởi mỗi Đơn vị luôn được được hỗ trợ rà soát, đối chiếu với các quy định mới và thực tiễn áp dụng nhằm đảm bảo nguyên tắc hài hòa giữa chấp nhận rủi ro và tuân thủ đầy đủ.

Gia tăng ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động quản trị, điều hành, sản xuất hướng chuyển đổi số trên cơ sở đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN

ĐẢM BẢO TÍNH MINH BẠCH ĐẦY ĐỦ, BÌNH ĐẲNG VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/CỔ ĐỒNG

Hoạt động IR của GHC dựa trên giá trị cốt lõi của Công ty: Hiệu quả - Sáng tạo - Chính trực - Tinh thần làm chủ - Tiên phong và cam kết công bố thông tin một cách Trung thực - Kịp thời - Minh bạch. Bên cạnh đó, website Quan hệ Cổ đông tiếp tục là cầu nối giúp Nhà đầu tư/ Cổ đông và các Bên liên quan tiếp cận với thông tin doanh nghiệp nhanh chóng, trực quan và thân thiện. Các tài liệu dành cho Nhà đầu tư/Cổ đông và các Bên liên quan liên tục được cập nhật được đăng tải tại mục Quan hệ Cổ đông trên website. Năm 2023, hoạt động IR của GHC luôn tích cực, linh hoạt tổ chức hoạt động đa dạng nhằm duy trì cầu nối thông tin vững chắc và đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư/Cổ đông và các Bên liên quan dựa trên các tiêu chuẩn:

- Điều lệ của Công ty;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 16/11/2020;
- Các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và những văn bản pháp luật có liên quan;
- Đồng thời Công ty đang nỗ lực hướng đến các thông lệ tốt trên thị trường cũng như các tiêu chuẩn quốc tế cao hơn như: Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế OEC

CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ ĐÃ TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2023

CHỦ ĐỘNG, MINH BẠCH CÔNG BỐ THÔNG TIN	ĐA DẠNG KÊNH THÔNG TIN
<p>Truyền tải Giá trị Doanh nghiệp đến Cổ đông/ NĐT tiềm năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • CBTT theo các quy định hiện hành và hướng đến các chuẩn mực quốc tế cao hơn • Chủ động công bố những thông tin quan trọng, được đánh giá là có ảnh hưởng đến lợi ích của NĐT/Cổ đông. • Đảm bảo thông tin cung cấp Nhà đầu tư/Cổ đông phản ánh đúng bản chất thông tin và hoạt động của doanh nghiệp <p>Nâng cao Giá trị Thị trường và Thanh khoản của Cổ phiếu qua “Ngôn ngữ Tài chính”</p> <ul style="list-style-type: none"> • BCTC năm kiểm toán • BCTC bán niên soát xét • Hướng đến BCTC theo tiêu chuẩn IFRS • BCTN theo chuẩn mực quốc tế IIRC và được kiểm tra bởi KTNB • Báo cáo PTBV được tích hợp trong BCTN theo Bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo PTBV toàn cầu GRI <p>Tích cực kết nối, Giao tiếp với NĐT/Cổ đông</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Website Công ty • Cổng thông tin điện tử SSC, HNX • Email cho Nhà đầu tư/Cổ đông

2024

LỊCH TÀI CHÍNH DỰ KIẾN

THÁNG 1

20/01/2024: BCTC Q4/2023
30/01/2024: Báo cáo Quản trị năm 2023

THÁNG 3

8/3/2024: Họp HĐQT Q4/2023
29/3/2024: CBTT BCTC kiểm toán năm 2023

THÁNG 4

17/4/2024: Báo cáo thường niên 2023
20/4/2024: BCTC Q1/2024
25/4/2024: Họp HĐQT Q1/2024
26/4/2024: ĐHCĐ thường niên Năm 2024

THÁNG 7

30/7/2024 : Báo cáo Quản trị bán niên 2024
20/7/2023 : BCTC Q2/2024

THÁNG 8

8/8/2024 : Họp HĐQT Q2/2024
14/8/2024 : BCTC bán niên soát xét

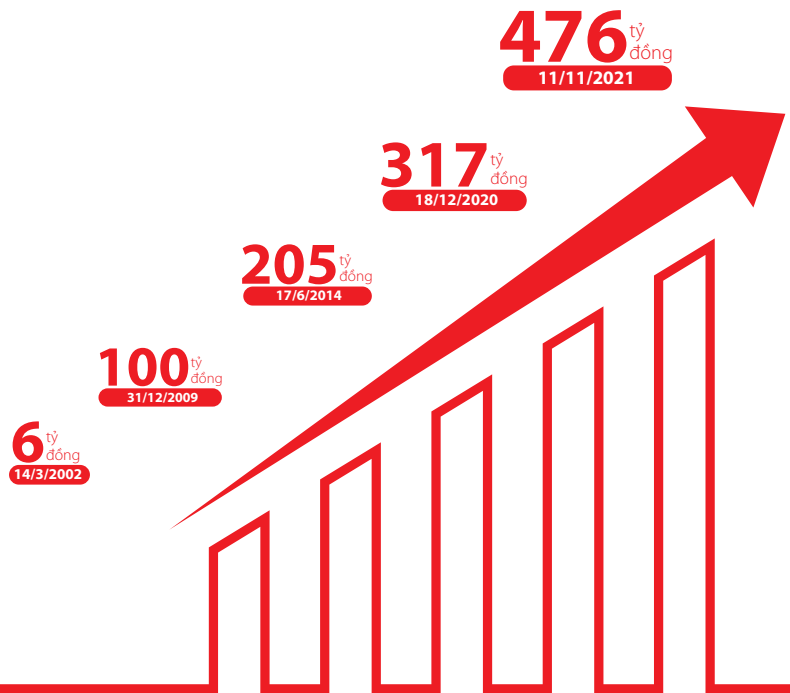
THÁNG 10

20/10/2023 : BCTC Q3/2024

THÁNG 11

7/11/2023 : Họp HĐQT Q 3 2024

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

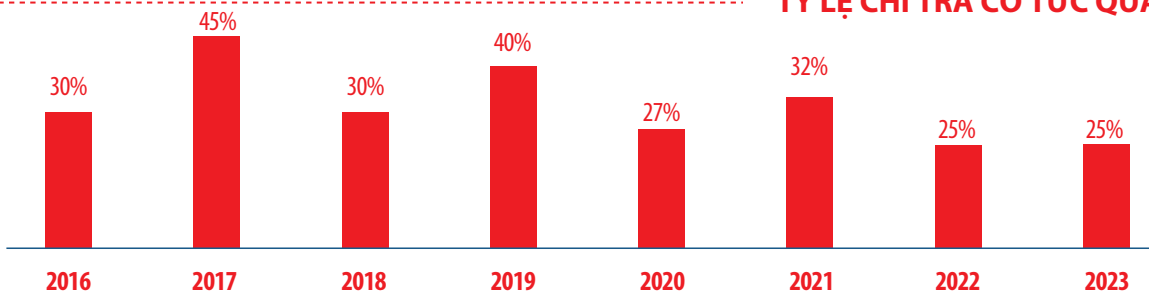


LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng giảm, Việc chia cổ tức là một hành động thể hiện cam kết của DN đối với cổ đông, đặc biệt là khi nền kinh tế đang đối mặt với những thách thức, Điều này góp phần tăng cường lòng tin và tin tưởng từ phía cổ đông. Tỷ lệ trả cổ tức của GHC từ 25 - 40%/năm bằng tiền trong 8 năm qua đặt GHC vào nhóm các công ty mang lại mức lợi tức hấp dẫn cho cổ đông, tạo ra sự hấp dẫn cho những nhà đầu tư tìm kiếm lợi nhuận đáng kể từ đầu tư của họ.

Trong năm 2023 Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt làm hai đợt, đợt 1 vào tháng 9/2023 và đợt 2 vào tháng 12/2023 với tỷ lệ 25% theo đúng kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm Tài chính 2022 thông qua.

TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC QUA CÁC NĂM



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thống kê danh sách Cổ Đông Tại ngày 31/12/2023, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký	476.625.000.000 đồng
Vốn thực góp của cổ đông	476.625.000.000 đồng
Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và đăng ký giao dịch	47.662.500 cổ phiếu
Loại cổ phần	Phổ thông
Số lượng cổ phiếu quỹ:	Không
Loại phổ thông, mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.662.500 cổ phiếu
Giá trị vốn hóa trên thị trường	1.272 tỷ đồng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2023

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1	Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch HĐQT	525.000 cp	1,10%	481.000 cp	1,00%	Bán
---	----------------	---------------	------------	-------	------------	-------	-----

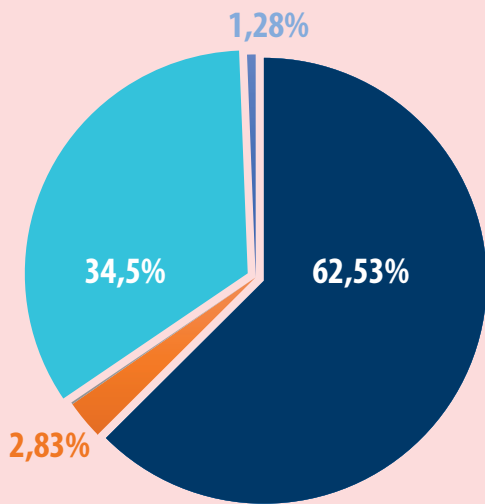
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1	Ngô Trường Thạnh	Giám đốc	89.500 cp	0,18%	38.700 cp	0,08%	Bán
2	Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc	17.300 cp	0,03%	12.800 cp	0,03%	Bán

Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ cổ đông:

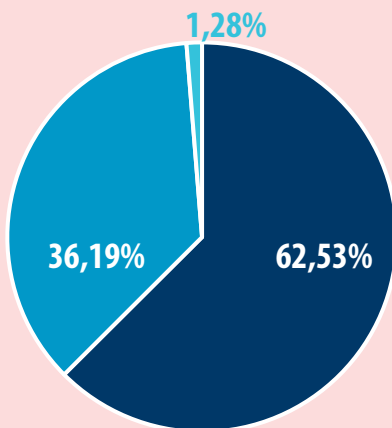
Người phụ trách CBTT - QLGD: Ms Nguyễn Thị Điều
 Điện thoại: 0269.2222170
 Email: dieunt@geccom.vn
 Địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI
 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
 Điện thoại: 0269.2222170
 Website: ghc.vn
 Trang quan hệ cổ đông: <http://ghc.vn/category/quan-he-co-dong/>

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ CỔ PHẦN NĂM 2023



CTCP Điện Gia Lai TCT Điện lực Miền Trung CT trong nước khác CT trong nước khác

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO ĐỊA LÝ NĂM 2023



CT Trong nước CT lớn > 5 CT Trong nước CT nhỏ lẻ CT Nước ngoài

2023

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chính sách tiền tệ tiếp tục được NHNN điều hành linh hoạt, thận trọng trong xu hướng thắt chặt tiền tệ chung của Thế giới. Trái ngược với giai đoạn 2022 khi mà 6 tháng cuối năm, thị trường có nhiều biến động hơn do những tác động tiêu cực từ bên ngoài và các yếu tố nội tại trong nước. Trước xu hướng tăng lãi suất cơ bản của NHTW các nước (nhất là FED, ECB, Úc, Canada...), tỷ giá tăng mạnh (đồng USD tăng 12% so với đầu năm) NHNN đã thực hiện tăng lãi suất điều hành 2 đợt vào ngày 22/9 và 24/10 Điều chỉnh biên độ tỷ giá giao ngay USD/VND vào ngày 17/10 từ mức +3% lên +5%. Thị trường năm 2023 là một năm khó khăn hơn nhiều so với năm 2022 bởi các tác động vĩ mô cả trong và ngoài nước. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục nâng lãi suất trong năm 2023 đã gây không ít khó khăn cho việc điều hành chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó khi tỷ giá USD/VND có những thời điểm tăng mạnh bởi chênh lệch lãi suất USD và VND thấp trên thị trường liên ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước chủ động điều hành tỷ giá thông qua dự trữ ngoại hối cũng như giá bán USD trong năm 2023 khá nhịp nhàng. Sự nguội lạnh về nhu cầu tín dụng trong năm 2023 đã minh chứng cho hệ quả của việc sụt giảm về cầu tiêu dùng và sụt giảm đầu tư. Kèm theo đó là tác động tiêu cực từ việc thắt chặt tiền tệ của Fed dẫn đến sự sụt giảm tổng cầu thế giới và Việt Nam. Vì thế, mặc dù đã 4 lần giảm lãi suất từ đầu năm 2023, nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn khá ỉ ạch và chỉ mới bắt đầu có dấu hiệu hồi phục vào khoảng từ quý 3/2023 trở đi. Hiện tượng thừa tiền của các ngân hàng thương mại Việt Nam, lượng vốn tồn đọng trong ngân hàng khá lớn và không thể đẩy ra nền kinh tế được nhiều đã đẩy lãi suất huy động xuống mức thấp nhất trong lịch sử từ trước đến nay. Ở một số ngân hàng lớn, lãi suất huy động ngắn hạn có thời điểm xuống chỉ còn 1,9%. Điều này làm cho lãi suất các khoản vay của GHC cũng được điều chỉnh giảm thấp hơn so với cùng kỳ làm tác động tích cực đến KQKD năm 2023 của GHC

GHC đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2 đợt trong năm 2023 với tỷ lệ 25%, hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ giao

Tại thời điểm 31/12/2023, TTS của GHC ghi nhận 1.497 tỷ đồng, giảm 2% so với đầu kỳ do giá trị tài sản cố định giảm do khấu hao theo quy định. VCSH theo đó cũng tăng gần 24 tỷ đồng - tăng 3% so với cùng kỳ. Tỷ lệ tăng trưởng kép của TTS, VCSH và VDL giai đoạn 2019-2023 đạt tương ứng 6%, -5% và 18%.

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản cho vay ngắn hạn ghi nhận mức ổn định, đạt 195 tỷ đồng - đảm bảo các Khả năng Thanh toán lãi vay, Chỉ số Thanh toán ngắn hạn hợp lý lần lượt là 2,9 và 4,81 lần.

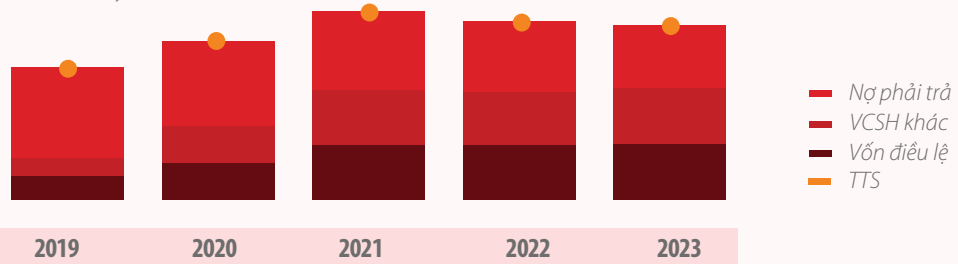
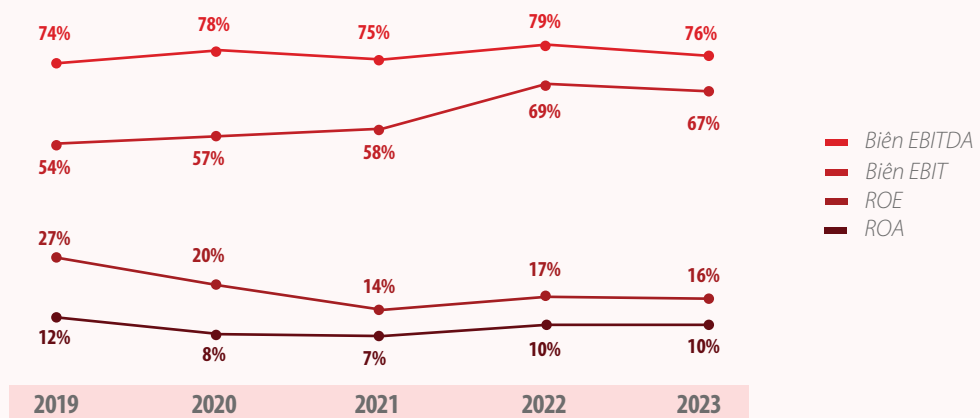
Vietcombank tiếp tục đồng hành cùng GHC để triển khai các DA NLTT khi cấp tín dụng cho DA Điện ĐMT Hàm Phú 2 - 49 MWp với tổng hạn mức cấp tín dụng lên đến 728 tỷ đồng, thời gian cho vay 132 tháng (11 năm) với mức lãi suất thả nổi theo lãi suất tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng cộng với biên 2,6%/năm, hiện tại là 7,4%/năm. Tổng nợ vay tại thời điểm 31/12/2023 ghi nhận 470 tỷ đồng, giảm mạnh so với thời điểm cùng kỳ. Hệ số Nợ vay/TTS và Nợ vay/VCSH vẫn duy trì ở mức an toàn lần lượt là 0,31 lần và 0,49 lần.

Hoạt động kiểm soát chi phí hiệu quả nên đã góp phần tích cực vào các Chỉ số Biên LN qua các năm. Tăng 4% so với năm 2022, Biên EBITDA và EBIT năm 2023 vẫn ở mức hấp dẫn, lần lượt đạt 76% và 67%. Chỉ số ROA và ROE ghi nhận giá trị 10,29% và 16,4%, tương đương so với cùng kỳ.

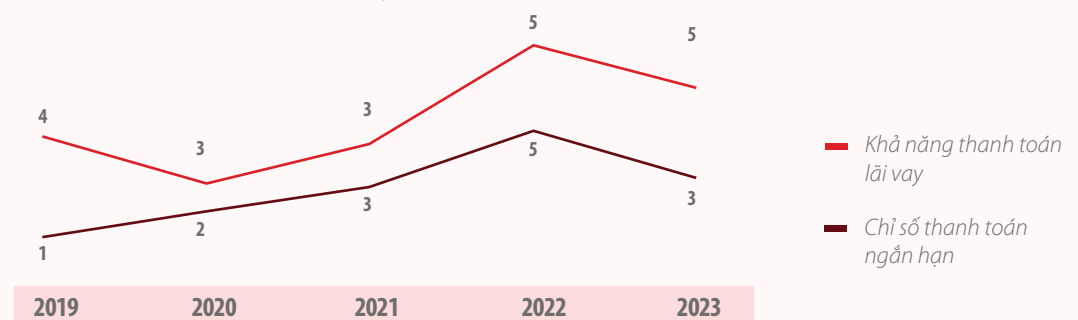
CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2019 - 2023

ĐVT: Tỷ đồng

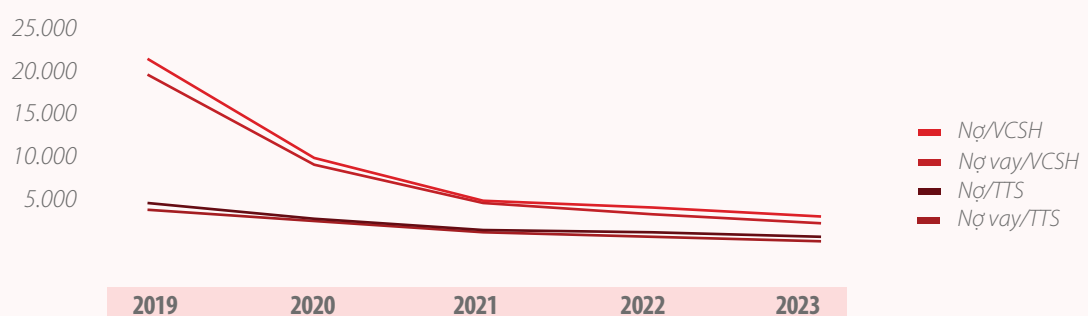
Tỷ lệ tăng trưởng kép TTS: 6%, VCSH: 22%, VDL: 18%

**CHỈ SỐ LỢI NHUẬN 2019 - 2023****CHỈ SỐ THANH TOÁN 2019 - 2023**

ĐVT: Lần

**CHỈ SỐ NỢ 2019 - 2023**

ĐVT: Lần



Ưu điểm - Strength

- Chiến lược rõ ràng về phát triển đồng bộ các loại hình NLTT:**
 Danh mục tiềm năng gồm TĐ, ĐMT, Áp mái, ĐG, Điện Rác, Hydrogen trải dài tại các địa điểm có điều kiện tự nhiên, đường truyền tải thuận lợi phát triển NLTT.
 Các NM đang vận hành và phát triển 100 MWp được phân bố rộng trên khu vực Tây Nguyên, Miền Trung và Nam Bộ.
- Tiên phong trong việc phát triển Điện Mặt trời trang trại tại Việt Nam**
 Vận hành NM Điện Mặt trời từ năm 2019 với tổng công suất 49 MWp.
 Nhiều kinh nghiệm trong việc triển khai các NM NLTT
 Chi phí đầu tư được tiết giảm nhờ vào việc cập nhật các xu hướng phát KHKT.
- Dòng tiền ổn định từ 3 NM NLTT cùng với Hệ thống ĐMT Áp mái**
 Biên Lợi nhuận, EBIT và EBITDA hấp dẫn và vượt trội.
 Duy trì mối quan hệ lâu năm với các Ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam.
 Suất đầu tư hiệu quả các loại hình Điện Mặt trời và Điện Gió
- Đội ngũ CBNV nhiều kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực NLTT**
 Đội ngũ CBNV Công ty có khả năng triển khai tốt, nhanh và hiệu quả.
- Tiềm năng giá trị Công ty**
 Cổ phiếu Năng lượng duy trì giá ổn định trên sàn UpCom.
 Gặt hái nhiều Giải thưởng danh giá trong nước về PTBV, QTCT, BCTN...
- Chỉ số Tài chính**
 Tập trung triển khai vận hành các DA NLTT cùng lúc nên các Chỉ số liên quan đến nợ tương đối thấp và ngày càng giảm dần.
 Hệ số ROA, ROE cạnh tranh so với hệ số trung bình của Ngành.



Nhược điểm - Weakness

- Hầu hết các NM Thủy điện có quy mô nhỏ**
 So với các Doanh nghiệp Nhà nước, quy mô công suất Thủy điện tương đối nhỏ.
 Chi phí nâng cấp và bảo dưỡng định kỳ.
- Danh mục NLTT hiện chưa đủ đa dạng**
 Doanh thu chủ yếu đến từ Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió.
 Nhiều DA NLTT đang trong giai đoạn hoàn thiện pháp lý.
 Hạn chế kinh nghiệm trong việc xây dựng, quản lý và vận hành DA NLTT mới.
- Lĩnh vực Kỹ thuật**
 Đáp ứng nhu cầu nội bộ, chưa xây dựng thương hiệu trên thị trường.
 Các hợp đồng thương mại với trang trại Điện Mặt trời khác tương đối nhỏ.



Cơ hội - Opportunities

➤ Xu thế chuyển dịch Năng lượng toàn cầu

Xu hướng phát triển NLTT trên thế giới và Việt Nam.
Cam kết Net Zero của Chính phủ Việt Nam tại COP28.

➤ Vị thế của Việt Nam trên thị trường Năng lượng

Việt Nam là nước sử dụng Điện lớn thứ 2 Đông Nam Á.
Quy mô công suất nguồn điện của Việt Nam đứng đầu ASEAN.
Chi phí đầu tư được tiết giảm nhờ vào việc cập nhật các xu hướng phát KHKT.

➤ Điều kiện thuận lợi để phát triển NLTT tại Việt Nam

Định hướng chiến lược của Chính phủ hỗ trợ trực tiếp lĩnh vực NLTT.
Chú trọng hoạt động M&A Thủy điện
Tăng tỷ giá trung tâm USD/VND sẽ giúp tăng Doanh thu cho các DA hiện hữu.

➤ Lĩnh vực ưu đãi đầu tư

Ưu đãi về Thuế TNDN: NM NLTT được áp dụng theo thuế suất ưu đãi (4 năm đầu - 0%, 9 năm tiếp theo - 5%, 2 năm tiếp theo - 10%, các năm sau - 20%).

Thuế Nhập khẩu: Miễn Thuế Nhập khẩu đối với hàng hoá tạo TSCĐ, nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được để thi công DA.

➤ Ưu đãi về tiền sử dụng đất: Hầu hết các DA NLTT đều được miễn tiền thuê đất do ở Khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.
Tiếp cận nguồn tài chính ưu đãi để phục vụ cho việc phát triển các DA NLTT mới.

➤ Tích lũy kinh nghiệm triển khai và vận hành các NM NLTT

Nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ vào SXKD
Tự triển khai EPC các DA ĐMT và hướng đến là các DA ĐG để tối ưu chi phí đầu tư.

➤ Chiến lược PTBV theo chuẩn Quốc tế

QTCT hướng đến tuân thủ các thông lệ Quốc tế ESG.
Tuân thủ các tiêu chuẩn Quốc tế về E&S của IFC.

W



T

Thách thức - Threat

➤ Chính sách chưa ổn định dẫn đến sự bị động trong phát triển DA

Khung giá phát điện chuyển tiếp cho DA ĐMT, ĐG thiếu hấp dẫn.
Quy hoạch Điện VIII đã được ban hành chính thức nhưng chưa có hướng dẫn thực hiện
Công nghệ phát triển nhanh sẽ tác động đáng kể đến chính sách mua điện của EVN.
Chi phí đầu tư ban đầu khá cao đối với các DA NLTT.

➤ Cơ sở hạ tầng Ngành Điện chưa được đồng bộ

Quá tải và mất ổn định lưới Điện Quốc Gia.
Rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động. Cắt giảm công suất.

➤ Số lượng lớn DA NLTT đang chờ để duyệt BSQH

Nhiều DA đã được và chờ phê duyệt BSQH.
Các hợp đồng thương mại với trang trại ĐIMT khác tương đối nhỏ.

➤ ENSO - Các hiện tượng thời tiết bất thường ảnh hưởng đến tài nguyên nước, bức xạ

Hiện tượng thời tiết EL NINO và LA Nina ảnh hưởng đến hoạt động các NM Thủy điện, Điện Mặt trời và Điện Gió.





CỘNG HƯỞNG LỢI ÍCH
CÂN BẰNG NỘI LỰC
TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

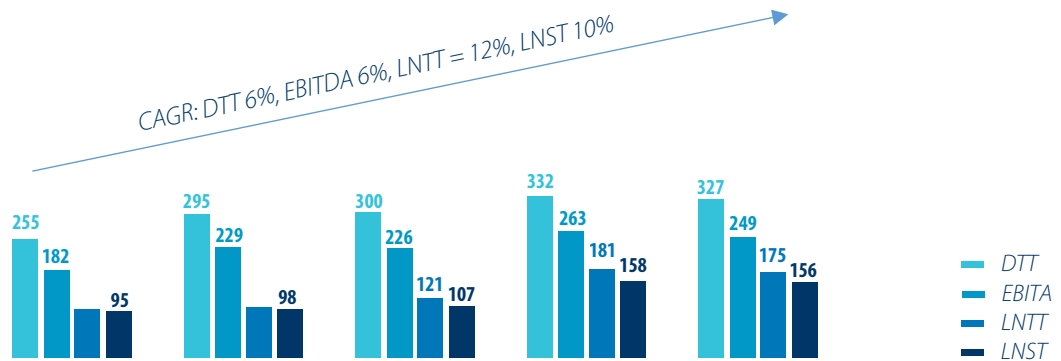


TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA GHC TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH TRONG NHIỀU NĂM LIÊN TIẾP

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

ĐVT: Tỷ đồng



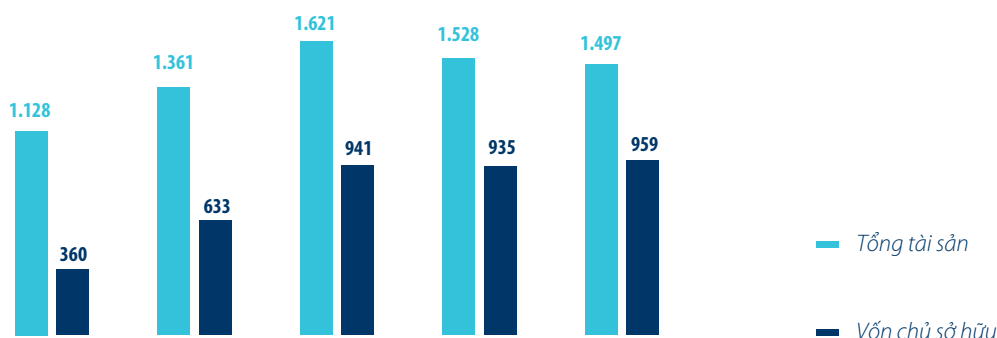
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH ĐẢM BẢO TÍNH AN TOÀN VÀ TRONG TẦM KIỂM SOÁT

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	TĂNG/GIẢM
CHỈ SỐ THANH TOÁN	DUY TRÌ Ở MỨC AN TOÀN > 1						
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	0,86	1,74	2,60	4,57	2,94	64%
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	0,84	1,72	2,56	4,52	2,90	64%
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	4,20	2,69	3,23	4,65	4,81	103%
CHỈ SỐ CẤU TRÚC VỐN	KHẢ NĂNG CHI TRẢ LÃI VAY VẪN ĐƯỢC ĐẢM BẢO						
Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,53	0,42	0,39	0,36	93%
Nợ vay/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,50	0,39	0,35	0,31	89%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,14	1,15	0,72	0,63	0,56	89%
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,98	1,08	0,68	0,57	0,49	85%
CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG	LIÊN TỤC CẢI THIỆN QUA MỖI NĂM						
Vòng quay khoản phải thu	Lần	7,70	6,14	6,24	6,47	5,84	90%
Số ngày vòng quay khoản phải thu	Ngày	47	59	59	56	63	111%
Vòng quay khoản phải trả	Lần	2,98	7,48	77,21	307,13	132,20	43%
Số ngày vòng quay khoản phải trả	Ngày	122	49	5	1	3	232%
CHỈ SỐ SINH LỢI	KHẢ NĂNG SINH LỢI BỀN VỮNG QUA NHIỀU NĂM, TIẾP TỤC GHI NHẬN TĂNG TRƯỞNG TẠI HẦU HẾT						
Biên EBITDA	%	54,57	77,66	75,21	79,08	76,14	96%
Biên Lợi nhuận gộp	%	57,62	57,98	58,91	57,29	61,18	107%
Biên EBIT	%	54,48	56,58	58,26	69,20	67,48	98%
Biên Lợi nhuận từ HĐKD	%	41,50	35,55	40,22	54,34	53,44	98%
Biên Lợi nhuận ròng	%	38,80	33,04	35,68	47,44	47,54	100%

TĂNG TRƯỞNG VÀ AN TOÀN

TỔNG TÀI SẢN VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

ĐVT: Tỷ đồng



LÝ DO

Các chỉ số thanh toán của công ty luôn ở mức an toàn cao do nguồn thu từ hoạt động sản xuất điện thu đều, đảm bảo kế hoạch thanh khoản của công ty và nguồn thu từ HĐSXKD năm 2023 làm các chỉ số năm 2023 ở mức cao, ổn định.

Các chỉ số cấu trúc vốn năm 2023 giảm do khoản vay đầu tư dự án Hàm Phú 2 và Rooftop đã trả nợ gốc theo kế hoạch trả nợ, dư nợ gốc 2023 giảm nhiều so với năm 2019, 2020, 2021, 2022

Do Đặc thù Ngành nên chính sách thu tiền Điện luôn được thực hiện theo đúng quy định

Công ty uy tín trong việc thanh toán công nợ đúng hạn, số dư công nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nợ phải trả

CÁC CHỈ TIÊU

Các NMTĐ của GHC đã đi vào hoạt động ổn định mang lại lợi nhuận cao

Công ty đã thực hiện kiểm soát Chi phí trong năm hiệu quả
Do điều kiện thời tiết thuận lợi làm cho doanh thu năm 2023 tương ứng năm 2022, thêm vào đó là việc kiểm soát chi phí và việc sử dụng nguồn tiền hợp lý làm gia tăng lợi nhuận tài chính so với năm 2022

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021	2022	2023	TĂNG/GIẢM	CAGR 19-23
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN							
TÀI SẢN	1.128	1.361	1.621	1.528	1.497	-2%	27%
Tài sản ngắn hạn	85	172	257	334	259	-23%	26%
Tiền và các khoản tương đương tiền	14	69	130	53	24	-54%	12%
Khoản phải thu ngắn hạn	63	100	123	277	231	-17%	30%
Hàng tồn kho	2	3	3	4	3	-22%	8%
Tài sản ngắn hạn khác	7	0	1	1	1	-31%	-35%
Tài sản dài hạn	1.043	1.188	1.364	1.193	1.238	4%	3%
Tài sản cố định	1.041	1.017	945	873	816	-7%	-5%
Tài sản dài hạn dở dang	0	0	0	0	0	1167%	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	170	410	320	420	31%	
Tài sản dài hạn khác	2	2	8	0	2	2525%	-2%
NGUỒN VỐN	1.128	1.361	1.621	1.528	1.497	-2%	6%
Nợ phải trả	769	727	680	592	538	-9%	-7%
Nợ phải trả ngắn hạn	99	99	99	73	88	20%	-2%
Nợ vay ngắn hạn	44	53	57	18	20	11%	-15%
Nợ phải trả dài hạn	669	629	581	519	450	-13%	-8%
Nợ vay dài hạn	669	629	581	519	450	-13%	-8%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	360	633	941	935	959	3%	22%
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH							
Doanh thu thuần	244	296	300	332	327	-1%	6%
Giá vốn hàng bán	104	124	123	142	127	-10%	4%
Lợi nhuận gộp	141	171	177	190	200	5%	7%
Chi phí lãi vay	32	62	54	49	46	-7%	8%
Doanh thu ròng từ hoạt động tài chính	-31	-58	-46	0	-14	6073%	-14%
Chi phí Bán hàng và Quản lý doanh nghiệp	9	8	8	9	10	10%	3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101	105	123	181	176	-3%	12%
Chi phí và Doanh thu khác	0	0	-2	0	-1	167%	-221%
Lợi nhuận trước thuế	101	105	121	181	175	-3%	12%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7	7	14	23	19	-16%	24%
Lợi nhuận sau thuế	95	98	107	158	156	-1%	10%
EBIT	133	167	175	230	221	-4%	11%
EBITDA	182	229	226	263	249	-5%	6%

TỔNG QUAN TÀI CHÍNH 2019-2023

ĐVT: TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021	2022	2023	TĂNG/GIẢM
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ						
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận trước thuế	101	105	121	181	175	-3%
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	165	146	165	184	186	2%
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-750	-241	-267	-7	-28	281%
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	582	150	163	-253	-187	-26%
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ	-3	55	61	-77	-29	-63%
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	14	69	130	53	24	-54%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2023
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thông tin về doanh nghiệp	132
Báo cáo của Ban Giám đốc	133
Báo cáo kiểm toán độc lập	134
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	135 - 136
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	137
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	138
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	139 - 157

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Số 6131810703 ngày 13 tháng 10 năm 2015

Số 5122585301 ngày 13 tháng 10 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Số 2326266056 ngày 10 tháng 8 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 14 cấp ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch
Ông Võ Hoàng Vinh	Thành viên độc lập
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên
Ông Mai Văn Định	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch
Ông Mai Văn Định	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc (từ ngày 16 tháng 1 năm 2024)
Ông Ngô Trường Thạnh	Giám đốc (đến ngày 16 tháng 1 năm 2024)
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc (từ ngày 16 tháng 1 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch
-------------------	----------

Trụ sở chính

Số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ban Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 16 tháng 1 năm 2024.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 43. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



TRẦN DANH BẢO

Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Tỉnh Gia Lai, Nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn ngày 21 tháng 03 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



QUÁCH THÀNH CHÂU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

THÁI VĂN CƯỜNG

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3435-2020-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14700
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024



Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (028)38230796, www.pwc.com/vn



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN

TT	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (VNĐ)	SỐ ĐẦU NĂM (VNĐ)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		258.607.032.726	334.498.163.590
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.946.637.930	52.569.886.154
111	Tiền		3.946.637.930	7.569.886.154
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	45.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		230.689.312.784	276.710.160.901
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	56.339.040.182	55.777.849.558
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		26.300.000	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	171.000.000.000	218.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	3.323.972.602	2.932.311.343
140	Hàng tồn kho	7	3.172.884.113	4.056.939.312
141	Hàng tồn kho		3.172.884.113	4.056.939.312
150	Tài sản ngắn hạn khác		798.197.899	1.161.177.223
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	798.197.899	1.161.177.223
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.238.179.240.218	1.193.122.623.949
220	Tài sản cố định		816.163.771.912	873.031.719.590
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	797.576.476.405	853.639.957.671
222	Nguyên giá		1.316.379.802.478	1.327.463.173.100
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(518.803.326.073)	(473.823.215.429)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	18.587.295.507	19.391.761.919
228	Nguyên giá		22.239.570.976	22.239.570.976
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.652.275.469)	(2.847.809.057)
240	Tài sản dở dang dài hạn		345.454.546	27.272.727
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		345.454.546	27.272.727
250	Đầu tư tài chính dài hạn	9	420.000.000.000	320.000.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết		420.000.000.000	320.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.670.013.760	63.631.632
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	1.670.013.760	63.631.632
270	TỔNG TÀI SẢN		1.496.786.272.944	1.527.620.787.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN

TT	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (VNĐ)	SỐ ĐẦU NĂM (VNĐ)
300	NỢ PHẢI TRẢ		537.991.145.409	592.483.793.661
310	Nợ ngắn hạn		87.966.145.409	73.158.793.661
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.546.736.784	375.889.582
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	22.251.476.163	17.938.138.559
314	Phải trả người lao động		227.404.758	242.745.639
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		820.433.756	997.215.874
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	4.218.123.241	4.385.356.622
320	Vay ngắn hạn	14(a)	19.800.000.000	17.805.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	39.101.970.707	31.414.447.385
330	Nợ dài hạn		450.025.000.000	519.325.000.000
338	Vay dài hạn	14(b)	450.025.000.000	519.325.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		958.795.127.535	935.136.993.878
410	Vốn chủ sở hữu		958.795.127.535	935.136.993.878
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16, 17	476.625.000.000	476.625.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		476.625.000.000	476.625.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	17	337.979.579.990	337.979.579.990
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	72.419.646.025	72.419.646.025
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	71.770.901.520	48.112.767.863
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	20.384.286.350
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		71.770.901.520	27.728.481.513
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.496.786.272.944	1.527.620.787.539



NGUYỄN TIẾN BẰNG
Kế toán trưởng
Người lập



TRẦN DANH BẢO
Giám đốc

Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

TT	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (VNĐ)	SỐ ĐẦU NĂM (VNĐ)
01	Doanh thu bán hàng		327.372.967.783	332.270.826.417
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	21	327.372.967.783	332.270.826.417
11	Giá vốn hàng bán	22	127.088.240.254	141.908.562.039
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	22	200.284.727.529	190.362.264.378
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	31.716.968.069	49.169.202.613
22	Chi phí tài chính	24	45.974.534.766	49.400.396.156
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	24	45.971.612.205	49.400.180.598
25	Chi phí bán hàng		180.507.734	58.738.624
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	10.021.881.887	9.200.468.038
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)		175.824.771.211	180.871.864.173
31	Thu nhập khác		607.922.727	34.487.694
32	Chi phí khác		1.486.347.911	363.479.819
40	Lỗ khác (40 = 31 - 32)		(878.425.184)	(328.992.125)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		174.946.346.027	180.542.872.048
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		19.321.555.578	22.910.729.040
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		155.624.790.449	157.632.143.008
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19(a)	2.996	3.082
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19(b)	2.996	3.082



NGUYỄN TIẾN BẰNG
Kế toán trưởng
Người lập



TRẦN DANH BẢO
Giám đốc

Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN

TT	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (VNĐ)	SỐ ĐẦU NĂM (VNĐ)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		174.946.346.027	180.542.872.048
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		64.248.888.346	72.986.873.842
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(47.587.745)	(2.103.264)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.272.785.883)	(49.167.099.349)
06	Chi phí lãi vay		45.971.612.205	49.400.180.598
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		252.846.472.950	253.760.723.875
09	Tăng các khoản phải thu		(9.730.086.225)	(7.474.859.387)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		884.055.199	(873.224.752)
11	Tăng các khoản phải trả		943.943.006	3.298.127.414
12	Tăng/giảm chi phí trả trước		(1.243.402.804)	8.033.895.135
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.255.713.142)	(49.388.337.206)
15	Thuế TNDN đã nộp		(5.933.171.036)	(21.592.943.691)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.122.883.470)	(2.185.453.886)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		186.389.214.478	183.577.927.502
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(7.699.122.487)	(547.855.469)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		603.405.559	-
23	Tiền chi cho vay		(481.100.000.000)	(390.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		528.100.000.000	239.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(100.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	117.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.671.208.845	26.879.858.188
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.424.508.083)	(7.467.997.281)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		12.055.561.427	75.710.828.794
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(79.360.561.427)	(176.586.671.850)
36	Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông		(119.284.353.500)	(152.355.033.400)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(186.589.353.500)	(253.230.876.456)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(28.624.647.105)	(77.120.946.235)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		52.569.886.154	129.678.928.460
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.398.881	11.903.929
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		23.946.637.930	52.569.886.154

NGUYỄN TIẾN BẰNG
Kế toán trưởng
Người lập



TRẦN DANH BẢO
Giám đốc

Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 29 tháng 6 năm 2023.
- Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên Hệ thống công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu GHC.
- Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 16(b).
- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện, kinh doanh điện.
- Hoạt động chính của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.
- Tại ngày cuối năm, Công ty có 74 nhân viên (tại ngày đầu năm: 75 nhân viên).
- Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Phú, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Tại ngày cuối năm, Công ty có hai công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 9 - Đầu tư tài chính dài hạn. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: %

Công ty liên kết	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Tỉnh Gia Lai	39,53	39,53	39,53	39,53
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Tỉnh Bến Tre	29,72	29,72	20,24	20,24

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính này được lập theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.8 Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc:	8 - 25 năm
Máy móc, thiết bị:	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn:	6 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 - 8 năm
Khác:	2 - 19 năm
Phần mềm máy tính:	3 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 - 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 8 tháng 11 năm 2019.

Trong năm, Công ty đã quyết định thay đổi thời gian sử dụng ước tính của một số TSCĐ tại Nhà máy Điện mặt trời Hàm Phú 2. Việc thay đổi ước tính kế toán này dẫn đến chi phí khấu hao trong năm tài chính hiện hành giảm 8.581.011.835 Đồng so với ước tính trước đó.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

(a) Thu nhập lãi:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng xuất bán cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 8).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	-	5.701.472
Tiền gửi ngân hàng	3.946.637.930	7.564.184.682
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	45.000.000.000
	23.946.637.930	52.569.886.154

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng với lãi suất 2,8%/năm tại ngày cuối năm (ngày đầu năm: 5,1%/năm).

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bên thứ ba		
Công ty Mua Bán Điện	36.565.246.648	26.169.972.234
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.205.425.520	29.036.377.433
Khác	568.368.014	571.499.891
	56.339.040.182	55.777.849.558

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản cho vay ngắn hạn	171.000.000.000	-	218.000.000.000	-

Biến động các khoản cho vay ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Chi cho vay	Thu hồi nợ vay	Số cuối năm
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))				
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	70.000.000.000	135.000.000.000	(77.000.000.000)	128.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ		26.100.000.000	-	26.100.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL		155.000.000.000	(143.100.000.000)	11.900.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA		18.000.000.000	(13.000.000.000)	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An		126.000.000.000	(126.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang	115.000.000.000	-	(115.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	33.000.000.000	21.000.000.000	(54.000.000.000)	-
	218.000.000.000	481.100.000.000	(528.100.000.000)	171.000.000.000

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm (VNĐ)	Mục đích cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	128.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	3 tháng	8%	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	26.100.000.000	Bổ sung vốn lưu động	3 tháng	6%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	11.900.000.000	Bổ sung vốn lưu động	3 tháng	6%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	3 tháng	6%	Tín chấp
	171.000.000.000				

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên thứ ba				
Ký quỹ, ký cược	1.020.000.000	-	10.000.000	-
Khác	2.303.972.602	-	2.922.311.343	-
	3.323.972.602	-	2.932.311.343	-

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	2.409.989.332	-	3.139.174.307	-
Nguyên vật liệu	762.894.781	-	917.765.005	-
	3.172.884.113	-	4.056.939.312	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	421.960.274.528	785.512.625.844	53.528.863.438	2.513.665.317	63.947.743.973	1.327.463.173.100
Mua trong năm	-	7.380.940.668	-	-	-	7.380.940.668
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.464.311.290)	-	-	-	(18.464.311.290)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	421.960.274.528	774.429.255.222	53.528.863.438	2.513.665.317	63.947.743.973	1.316.379.802.478
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	175.869.048.753	242.682.450.568	13.910.715.652	1.119.168.675	40.241.831.781	473.823.215.429
Khấu hao trong năm	18.824.647.896	38.560.628.694	1.612.495.824	414.548.806	4.032.100.714	63.444.421.934
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.464.311.290)	-	-	-	(18.464.311.290)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	194.693.696.649	262.778.767.972	15.523.211.476	1.533.717.481	44.273.932.495	518.803.326.073
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	246.091.225.775	542.830.175.276	39.618.147.786	1.394.496.642	23.705.912.192	853.639.957.671
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	227.266.577.879	511.650.487.250	38.005.651.962	979.947.836	19.673.811.478	797.576.476.405

Tại ngày cuối năm, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 40,9 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 51,9 tỷ Đồng).

Tại ngày cuối năm, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 684,1 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 726,9 tỷ Đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 14(b)).

Ngoài ra, tại ngày cuối năm, TSCĐ hữu hình tại Nhà máy Thủy điện H'Chan và Nhà máy Thủy điện H'Mun của Công ty với tổng giá trị còn lại là 104,9 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 124,8 tỷ Đồng) đang được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“Công ty mẹ”) từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam.

(b) TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VNĐ

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	TỔNG CỘNG
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	20.980.986.631	1.258.584.345	22.239.570.976
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.198.027.210	649.781.847	2.847.809.057
Khấu hao trong năm	500.065.166	304.401.246	804.466.412
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.698.092.376	954.183.093	3.652.275.469
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	18.782.959.421	608.802.498	19.391.761.919
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	18.282.894.255	304.401.252	18.587.295.507

Tại ngày cuối năm, quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 18,2 tỷ Đồng (tại ngày đầu năm: 18,8 tỷ Đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 14(b)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 – DN

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá trị	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	250.000.000.000	(*)	-	150.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện gió la Bang	170.000.000.000	(*)	-	170.000.000.000	(*)	-
	420.000.000.000		-	320.000.000.000		-

(*) Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí bảo hiểm	785.312.330	941.456.516
Khác	12.885.569	219.720.707
	798.197.899	1.161.177.223

(b) Dài hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ	1.637.053.747	-
Công cụ, dụng cụ	32.960.013	63.631.632
	1.670.013.760	63.631.632

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số dư đầu năm	63.631.632	8.360.355.260
Tăng trong năm	2.140.366.388	43.454.737
Phân bổ trong năm	(533.984.260)	(8.340.178.365)
Số dư cuối năm	1.670.013.760	63.631.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên thứ ba				
Công ty CP Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	1.458.000.000	1.458.000.000	-	-
Khác	88.736.784	88.736.784	375.889.582	375.889.582
	1.546.736.784	1.546.736.784	375.889.582	375.889.582

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có các khoản phải trả người bán ngắn hạn đã quá hạn chưa thanh toán.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm tài chính như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cấn trừ trong năm/khác	Số cuối năm
Thuế TNDN	5.926.293.148	19.321.555.578	(5.933.171.036)	9.529.465	19.324.207.155
Thuế tài nguyên	4.401.736.625	12.968.308.205	(16.108.003.588)	-	1.262.041.242
Thuế thu nhập cá nhân	1.076.142.822	2.436.985.433	(2.635.143.900)	-	877.984.355
Thuế giá trị gia tăng	6.533.965.964	29.362.152.541	(31.473.395.424)	(3.635.479.670)	787.243.411
Khác	-	2.931.594.416	(2.931.594.416)	-	-
	17.938.138.559	67.020.596.173	(59.081.308.364)	(3.625.950.205)	22.251.476.163

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bên thứ ba		
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 18)	3.762.530.526	3.890.634.026
Phí bảo vệ môi trường rừng	452.777.364	442.281.492
Khác	2.815.351	52.441.104
	4.218.123.241	4.385.356.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN

14. VAY

(a) Ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Giải ngân	Phân loại lại	Thanh toán	Số cuối năm
Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 14(b))	17.800.000.000	-	69.300.000.000	(67.300.000.000)	19.800.000.000
Vay ngân hàng	5.000.000	12.055.561.427	-	(12.060.561.427)	-
	17.938.138.559	67.020.596.173	69.300.000.000	(79.360.561.427)	19.800.000.000

(b) Dài hạn

	Phân loại lại	Thanh toán	Số cuối năm
Vay ngân hàng	519.325.000.000	(69.300.000.000)	450.025.000.000

Chi tiết số dư cuối năm của các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

Bên cho vay	Hạn mức tín dụng	Số cuối năm	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Gia Lai	728.000.000.000	452.500.000.000	Đầu tư vào DA Nhà máy ĐMT TTC - Hàm Phú 2.	Thời hạn cho vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	(*)	TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 (Thuyết minh 8).
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV") – Chi nhánh Gia Định	54.340.000.000	17.325.000.000	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2, và Đại Ân 3.	Thời hạn cho vay từ 96 đến 102 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	(**)	TSCĐ hữu hình của các dự án điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Đại Ân 3, Bàu Cạn 2, quyền sử dụng đất của dự án Bàu Cạn 2 (Thuyết minh 8); và tài sản của các đối tác kinh doanh của công ty.
Đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 14(a))		469.825.000.000				
		(19.800.000.000)				
		450.025.000.000				

(*) Lãi suất 7,8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong những năm tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm với thời hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 7,4%/năm (tại ngày đầu năm là 9%/năm).

(**) Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo lãi suất do BIDV - Chi nhánh Gia Định thông báo. Lãi suất tại thời điểm cuối năm là 10,2%/năm (tại ngày đầu năm là 8,5% - 9%/năm).

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số dư đầu năm	31.414.447.385	22.447.664.560
Tăng trong năm (Thuyết minh 17)	12.810.406.792	11.152.236.711
Phân bổ trong năm	(5.122.883.470)	(2.185.453.886)
Số dư cuối năm	39.101.970.707	31.414.447.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

16. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	47.662.500	-	47.662.500	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	29.804.891	62,53	29.804.891	62,53
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.350.000	2,83	1.350.000	2,83
Các cổ đông khác	16.507.609	34,64	16.507.609	34,64
	47.662.500	100,00	47.662.500	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	47.662.500	476.625.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

17. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	54.152.861.566	941.177.087.581
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	157.632.143.008	157.632.143.008
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(11.152.236.711)	(11.152.236.711)
Cổ tức công bố (Thuyết minh 18)	-	-	-	(152.520.000.000)	(152.520.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	48.112.767.863	935.136.993.878
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	155.624.790.449	155.624.790.449
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	-	(12.810.406.792)	(12.810.406.792)
Cổ tức công bố (Thuyết minh 18) (**)	-	-	-	(119.156.250.000)	(119.156.250.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	71.770.901.520	958.795.127.535

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được dựa vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2023 của Công ty căn cứ theo Nghị quyết 05/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2023/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 9 năm 2023 về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phần (tương đương 71,5 tỷ Đồng) và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19/2023/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phần (tương đương 47,7 tỷ Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

18. CỔ TỨC

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số dư đầu năm	3.890.634.026	3.725.667.426
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 17)	119.156.250.000	152.520.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(119.284.353.500)	(152.355.033.400)
Số dư cuối năm	3.762.530.526	3.890.634.026

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận thuần (VNĐ)	155.624.790.449	157.632.143.008
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.810.406.792)	(10.747.411.495)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	142.814.383.657	146.884.731.513
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	47.662.500	47.662.500
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.996	3.082

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ: Tại thời điểm cuối năm, khoản mục tiền và tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 1.145 Đô la Mỹ (tại ngày đầu năm: 16.851 Đô la Mỹ).

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu thuần về bán điện	326.343.607.232	331.701.743.435
Doanh thu khác	1.029.360.551	569.082.982
	327.372.967.783	332.270.826.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn bán điện	127.088.240.254	141.908.562.039

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.100.000.000	-
Lãi cho vay (Thuyết minh 28(a))	14.765.976.888	12.707.096.937
Lãi tiền gửi	1.803.403.436	4.534.796.933
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	47.587.745	2.103.264
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	27.000.000.000
Lãi trả chậm (Thuyết minh 28(a))	-	4.925.205.479
	31.716.968.069	49.169.202.613

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền vay	45.971.612.205	49.400.180.598
Chi phí tài chính khác	2.922.561	215.558
	45.974.534.766	49.400.396.156

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	4.581.641.787	4.451.523.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.154.062.694	737.720.375
Chi phí nhiên liệu	774.054.429	555.712.005
Chi phí khấu hao TSCĐ	423.249.803	404.542.544
Chi phí khác	3.088.873.174	3.050.969.142
	10.021.881.887	9.200.468.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5122585301 ngày 13 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án thủy điện H'Mun (“Dự án H'Mun”), Công ty được áp dụng thuế suất 20%, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2011 đến năm 2014) và được giảm 50% cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2326266056 ngày 10 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC - Hàm Phú 2 (“Dự án TTC - Hàm Phú 2”), Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2019 đến năm 2022) và được giảm 50% cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất để cập ở trên như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán trước thuế	174.946.346.027	180.542.872.048
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(15.100.000.000)	-
Chi phí không được khấu trừ	5.060.805.080	3.478.994.415
Thu nhập tính thuế ước tính		
Thu nhập tính thuế tại thuế suất 10%	60.379.124.407	43.638.572.126
Thu nhập tính thuế tại thuế suất 20%	104.528.026.700	140.383.294.337
Chi phí thuế TNDN		
Chi phí thuế TNDN - thuế suất 10%	6.037.912.440	4.363.857.212
Chi phí thuế TNDN - thuế suất 20%	20.905.605.342	28.076.658.867
Thuế được miễn hoặc giảm	(7.621.962.204)	(9.529.787.039)
Chi phí thuế TNDN (*)	19.321.555.578	22.910.729.040
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	19.321.555.578	22.910.729.040
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	19.321.555.578	22.910.729.040

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí khấu hao TSCĐ	64.248.888.346	72.986.873.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.328.053.119	37.718.923.087
Chi phí nhân viên	15.501.557.466	16.398.146.574
Chi phí nguyên vật liệu	2.003.365.141	1.702.677.678
Chi phí khác	25.208.765.803	22.361.147.520
	137.290.629.875	151.167.768.701

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do sở hữu 62,53% vốn cổ phần của Công ty. Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Công ty liên kết
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Bên liên quan khác (*)
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Bên liên quan khác (*)
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Bên liên quan khác (*)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Định	Bên liên quan khác (*)
Công ty TNHH Du lịch TTC	Bên liên quan khác (*)
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Bên liên quan khác (*)
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan khác (*)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Bên liên quan khác (*)

(*) Các bên liên quan này là công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công - một cổ đông có ảnh hưởng đáng kể với Công ty mẹ và có chung một số nhân sự chủ chốt với Công ty mẹ.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Chia cổ tức	74.512.227.500	95.375.651.200
	Mua hàng hóa và dịch vụ	16.809.600.000	16.871.992.116
	Nhận chi hộ	622.394.819	587.462.856
	Chuyển nhượng cổ phần	-	117.000.000.000
	Lãi trả chậm	-	4.925.205.479
	Mua TSCĐ	-	431.325.621
	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	115.077.056
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Thu hồi nợ vay	126.000.000.000	117.400.000.000
	Cho vay	126.000.000.000	64.000.000.000
	Lãi cho vay	1.561.150.684	6.797.151.731
	Mua hàng hóa và dịch vụ	440.500.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang	Thu hồi nợ vay	115.000.000.000	105.000.000.000
	Lãi cho vay	1.260.273.973	3.487.123.288
	Cho vay	-	220.000.000.000
	Rút vốn	-	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Thu hồi nợ vay	54.000.000.000	17.000.000.000
	Cho vay	21.000.000.000	33.000.000.000
	Nhận cổ tức	5.100.000.000	-
	Lãi cho vay	1.250.136.986	1.237.041.095
	Nhận gốc vay	-	4.000.000.000
	Trả gốc vay	-	4.000.000.000
	Lãi vay	-	3.287.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

BÊN LIÊN QUAN	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Cho vay	155.000.000.000	-
	Thu hồi nợ vay	143.100.000.000	-
	Góp vốn	100.000.000.000	-
	Nhận cổ tức	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	3.115.138.537	-
	Nhận gốc vay	-	28.500.000.000
	Trả gốc vay	-	28.500.000.000
	Lãi vay	-	15.616.438
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Cho vay	135.000.000.000	70.000.000.000
	Thu hồi nợ vay	77.000.000.000	-
	Lãi cho vay	6.044.356.161	1.185.780.823
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Cho vay	18.000.000.000	-
	Thu hồi nợ vay	13.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.506.712.328	-
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Cho vay	26.100.000.000	-
	Lãi cho vay	28.208.219	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.163.232	2.380.555
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ	13.350.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Mua hàng hóa và dịch vụ	101.662.222	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	294.257.334	383.840.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa và dịch vụ	24.086.286	9.389.814
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	34.800.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.347.106	161.323.921
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa và dịch vụ	129.835.000	-

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Các khoản thù lao cho Hội đồng Quản trị		
Bà Nguyễn Thái Hà	520.000.000	478.333.333
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	390.000.000	348.333.334
Các khoản thù lao cho Ủy ban kiểm toán		
Ông Võ Hoàng Vinh	390.000.000	348.333.334
Ông Lê Thái Bình	390.000.000	265.000.000
Ông Mai Văn Định	390.000.000	348.333.334
Ông Mai Văn Nhớ (miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 4 năm 2022)	-	76.923.077
Thu nhập của Ban Giám đốc và các vị trí quản lý khác		
Ông Ngô Trường Thạnh	938.731.000	923.485.392
Bà Châu Tiểu Phụng	108.173.000	107.836.625
Ông Nguyễn Tiến Bằng	425.738.167	314.469.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	128.000.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	26.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	11.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiên Giang	-	115.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	-	33.000.000.000
	171.000.000.000	218.000.000.000

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thuê văn phòng		
Dưới 1 năm	97.920.000	243.120.000
Từ 1 đến 5 năm	-	159.720.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	97.920.000	402.840.000

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

31. NỢ TIỀM TÀNG

Hiện tại, Công ty đang có các hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án thủy điện và điện mặt trời. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất thì việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án thủy điện và điện mặt trời là chưa chắc chắn.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 03 năm 2024.



NGUYỄN TIẾN BẰNG
Kế toán trưởng
Người lập



TRẦN DANH BẢO
Giám đốc

Chữ ký được ủy quyền
Ngày 21 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
 0269 3830 013
 www.ghc.vn